

KHÁI HƯNG
TRONG TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

Bóng giai nhân



Tập truyện ngắn

BÓNG GIAI NHÂN

**Khái Hưng
Trong Tự Lực Văn Đoàn**



PHƯƠNG HOÀNG

xuất bản

Sài Gòn - 1966

Bóng giai nhân

Khái Hưng

* Trong Tự Lực văn đoàn *

Bìa: M.C.P

Nguồn: Internet

Trình bày: Muôn Phương

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

Bóng giai nhân

KHÁI HƯNG

* Trong Tự Lực văn đoàn *

MỤC LỤC

Lời nói đầu	11
1. Bóng Giai Nhân	19
2. Lời Nguyên	35
3. Hồ	59
4. Tây Xông Nhà	79
5. Quan Công Sứ	95
6. Câu Chuyện Văn Chương	119
7. Dưới Ánh Trăng	141
8. Tiếng Người Xa	185

9. Người Anh Hùng	206
10. Khởi Hương	224
11. Nhung	253

LỜI NÓI ĐẦU

Khi sửa soạn làm số đặc biệt tưởng niệm nhà văn Khái Hưng, anh Trần Đình Phong cùng anh Nguyễn Đình Vượng có đến tòa soạn nhật báo Dân Chủ tìm tôi, yêu cầu cho tạp chí Văn được rõ những gì tôi biết về Khái Hưng, cung cấp cho Văn một ít tài liệu và viết cho Văn một vài bài.

Tuy quá bận, song tôi đã vui vẻ nhận lời và *Văn số 22, tưởng niệm Khái Hưng* đã ra mắt bạn đọc vào ngày 15 tháng 11 năm 1964.

Trong đó, ngoài những tài liệu đặc biệt và giá trị viết về Khái Hưng của học giả Hồ Hữu Tường và các văn hữu khác, tôi đã phải bận tâm và chú ý đến đoạn chót của bài *Khái Hưng, thân thể và tác phẩm*. Bài tiểu luận này do Thư Trung viết.

Sau khi đã kể lại thân thể và sự nghiệp văn chương của Khái Hưng, Thư Trung kết luận:

“In lại những tác phẩm mà Khái Hưng đã hoàn thành trong thời gian ông đấu tranh Cách Mạng không những là việc nên làm của thân nhân và văn hữu Khái Hưng mà, theo thiển ý còn là việc cần làm

của Bộ Quốc Gia Giáo Dục. Cùng lúc với sự khôi phục giá trị cho một Khái Hưng nhà văn Cách Mạng, việc in những tác phẩm hiện có của Khái Hưng còn gìn giữ cho kho tàng văn học dân tộc những tác phẩm có giá trị bền vững, và hơn thế nữa, còn nuôi nấng được trong lòng những thế hệ trai trẻ đang tới cái ý thức hào hùng của nhà văn cách mạng chân chính thực lòng yêu mến quê hương, thiết tha với tương lai dân tộc...

“Có một điều này chắc chắn: chịu tốn công sưu tầm rồi đem in thành sách những tác phẩm của Khái Hưng viết hồi 1945 - 1946 ít nhất cũng có ích cho văn giới và học giới nhiều hơn là đem in lại những bài báo của Phạm Quỳnh viết từ năm 1917. Việc có ích đấy, nhưng mà có ai làm không? Và ai sẽ làm đây?”

Theo Thư Trung, chỉ chịu tốn công sưu tầm rồi đem in thành sách, vấn đề thật quá giản dị đấy, và cũng không mấy khó? Nhưng sưu tầm ở đâu? Thư viện nào có giữ? Mò trắng đáy nước có lẽ còn dễ hơn là việc đi sưu tầm những bài của Khải Hưng viết trong những năm 1945-1946.

Chúng tôi có một may mắn không ngờ là ngay từ năm 1945-1946, và sau ngày toàn quốc khởi lửa, tôi vẫn còn được “quản lý” một số tài liệu quý, có cả những bài Khải Hưng viết. Tôi còn được biết thêm là ngay từ hồi đó, Khải Hưng đã dịch xong toàn bộ cuốn “Liêu Trai Chí Dị” của Bồ Tùng Linh và đã cho một thân hữu mượn.

Người bạn đó là ai, hiện còn giữ nguyên bộ “Liêu Trai Chí Dị” của Khải Hưng như lúc văn sĩ cho mượn nữa hay

không tôi xin miễn kể. Câu chuyện đã trở thành riêng tây và đã đi vào quá khứ “im lặng như một nấm mồ” rồi.

Bóng Giai Nhân tập truyện cuối cùng cũng như vở kịch dài bốn hồi nhan đề *Khúc Tiêu Ai Oán* của Khái Hưng, đăng trên Tuần báo Chính Nghĩa, trong hai năm 1945-1946 hiện tôi vẫn còn giữ kỹ. Ấy là chưa kể tập truyện dài “Xiềng Xích” tôi có được một ít, vì Khái Hưng đang viết từng kỳ in trên Tuần báo Ngày Nay – Kỷ Nguyên Mới cùng nhiều bài thuộc nhiều thể loại khác...

Qua nhiều lần yêu cầu, thúc giục của gia đình tác giả mong tôi sớm cho in thành sách và qua những lời kêu gọi của anh bạn Thư Trung nói trên, tôi đã cố gắng cho in tập truyện *Bóng Giai Nhân*, này – với tựa đề “Lời Nguyễn” giữa năm 1966.

Để làm đẹp lòng người đã chết, với tất cả chân thành của một người em văn nghệ vẫn hằng mến yêu văn sĩ. Để làm vui lòng những người còn sống, đã luôn luôn tha thiết với tiền đồ Văn học nước nhà... Và phần thưởng tinh thần mà tôi tin tưởng sẽ đến với tôi, chính nhờ ở tấm lòng cởi mở của các thân hữu và của toàn thể các bạn đọc.

Sài Gòn, Mùa Phụng 1966
 NGUYỄN THẠCH KIÊN

BỒNG GIAI NHÂN

Dĩ ủy phù hiền như nhục ư thử

Liễu Tôn Nguyên

Chiếc xe ô tô thùng lớn nuốt
đường giải bọn tù chính trị phạm
lên trại giam Vụ Bản. Đó là một cái hòm
sơn màu đen, ba mặt kín mít, chỉ hở một
cửa ở phía sau. Qua lỗ hồng ấy bụi cát
ùa vào trong xe, quét một lượt trắng lên
tóc, lên mặt, lên kính, lên quần áo, chân
tay ba mươi tội nhân và bốn người lính
khố xanh áp giải chen chúc chồng chất

lên nhau. Trên bậc bước lên xe, đứng hai người lính nữa, mà Khanh một tù nhân, ví vớ hai pho tượng đang canh cổng một nơi đền thiêng, trong một ngày gió lớn.

Khanh có cảm tưởng ấy là vì phía sau xe, cát bụi tung lên xoáy cuộn chạy theo như trong một cơn gió lốc. Đường từ ga Đồng Giao đi phủ Nho Quan ngoắt ngoéo lượn quanh các đồi, nhưng không vì thế mà xe chậm đà: Từ lúc bắt đầu mở máy cho tới lúc dừng lại, trong khoảng ba bốn giờ đồng hồ, tốc lực của nó không thay đổi, và ở những chỗ ngoặt, người ngồi ngổn ngang trong xe lại xô đập vào nhau.

Khanh để ý tò mò quan sát sự biến hình đổi dạng của anh em đồng chí mà y không nhận được ra ai nữa, mà y thấy già thêm lên hàng chục tuổi, với mái tóc và bộ ria bạc phơ. Và y ghé tai bảo người

ngồi bên cạnh: “chúng ta đều là Ngũ Tử Tư, qua một đêm tư lự”.

Về sau Khanh cũng quen mắt đi, và y ngồi yên không nhìn xét nữa. Cái cảnh ra đi buổi sáng vụt diễn lại trong ký ức: Sáng nay y vui vẻ sửa soạn hành lý để cùng anh em lên đường. Luôn ba tháng nay sống chật chội tù hãm trong bốn bức tường sần lim, trong một nơi không khí nặng nề hôi hám lúc nhúc những người, y chỉ ao ước được mau chóng thoát ly cái địa ngục ấy, dù phải giải đi đâu cũng cam, đi Côn Đảo hay Tân Thế Giới cũng không phàn nàn. Thì nay y đã được như ý nguyện. Y còn nhớ cái lúc bị xích tay hai người vào một đứng xếp hàng ở cổng trại giam Liêm phóng. Y tưởng tượng ra một khoảng trời trong sáng, một khu đồi lành sạch đương chờ đợi đón tiếp y ở một nơi xa xôi nào đó. Y không tin những lời

dọa dẫm về nước độc ma thiêng. Được rời nơi tối tăm, tanh tưởi đầy những tiếng oan khốc của người chịu cực hình này, thì đâu đâu cũng sẽ là thiên đường, đâu đâu cũng sẽ là đất khoáng đạt của lòng người. Và y thấy trong lòng y reo lên những âm hưởng của tự do, tuy tay y đang bị xích khóa. Y càng ngậy ngất trong hy vọng của đời sống ngày mai, khi nhờ có lời can thiệp của một viên thanh tra mật thám Tây lai xưa nay vẫn có chút cảm tình với bọn y, khóa xích được tháo bỏ hết.

Rồi kể đến cảnh đi bộ từ sở Liêm Phóng tới nhà ga giữa hai hàng lính khổ xanh và lính mật thám, dưới ánh đèn điện mờ nhạt trong cái chụp đèn thời chiến tranh. Lời kêu khóc của những gia nhân đi tiễn, y thấy buồn cười hơn là thảm thiết. Và y nghĩ: “Khóc cái nỗi gì?

Không mừng cho người ta được thoát khỏi địa ngục thì chớ, lại còn khóc lóc!”

Ra đến sân ga, thì cảnh tiễn đưa thành một cảnh khôi hài với cái vẻ mặt tươi tắn của người đi và dáng bộ tang tóc của người ở. Cảnh khôi hài ấy trở nên hoàn toàn khi thấy mấy bà vợ và bà mẹ mon men lại gần chồng gần con, người cai lính khố xanh quát tháo mắng âm lên. Khanh chỉ mỉm cười vui thú, vì được nhận thêm bao kinh nghiệm trong cái đời văn chương, lúc nào cũng tò mò quan sát tâm lý loài người.

Bây giờ nhớ lại tấn bi hài kịch ấy, Khanh còn thấy tức cười... Bỗng y ngẫm nét mặt lại buồn rầu. Một bóng giai nhân vừa lóe ra trong thâm tâm y: một bạn gái bị giam ở sà lim bên cạnh sà lim y trong một thời gian vừa đúng hăm bốn tiếng đồng hồ. “Sà lim 18”, đó là tên

giai nhân, mà cả trại giam đều ghi nhớ, nhắc nhở sau khi nàng bị giải đi đâu không ai biết. Sáng hôm ấy giữa giờ anh em ở các sà lim và nhà câu lưu được thả ra sân thì cổng trại giam bỗng nặng nề mở để dẫn vào một dây người vừa bị bắt về. Trong đó có một thiếu nữ ăn mặc quê mùa, cũ kỹ và rách rưới. Ai nấy chạy lại gần xem tuy bị lính mật thám xua đuổi. Trong khi mọi người đàn ông còn bị giữ ở ngoài sân, thì người ta đưa thiếu nữ vào hiên dãy sà lim và ở đấy người canh ngục chào nàng bằng một dịp cười và một câu nói mỉa mai:

– Thế nào, cô lại trở về đây ư?

Lại trở về đây? Mọi người ngơ ngác nhìn nhau. Hỏi “cụ Quỳnh”, tên người “gác” thì người ấy vẫn cười và đáp:

– Lần này là lần thứ ba cô ta đến đây. Lần thứ nhất cô ta là một nữ học sinh mặc tân thời, lần thứ hai cô ta giả trai. Lần này, thì đó, anh em coi, có nhà quê đặc không? Lại rằng nhuộm mầu cánh kiến cẩn thận nữa cơ đấy! Thôi lần này thì phát văng, phát văng cô ạ.

Một người thì thăm hỏi:

– Vậy cô ta phạm tội gì thế?

– Lại còn tội gì nữa, người “gác” tiếp với một giọng nói khinh bạc, tội làm Cách mệnh chứ còn tội gì nữa.

Thế là bắt đầu ngay từ phút ấy, thiếu nữ chiếm lấy hết cả lòng sùng kính của toàn thể trại giam.

“Sàn lim mười tám” là một người bé nhỏ, xinh xắn; đôi mắt sáng với cặp môi tươi trong khuôn mặt trái soan, nước da

nhỏ mịn tuy rám nắng vì công việc đồng áng mà thiếu nữ tạm theo trong khi đi trốn tránh. Một luồng gió lạ như vừa thổi tới nơi giam cầm u tối. Anh em chạy đi chạy lại nhộn nhịp tới tấp qua cái lỗ cửa con con của gian sàn lim số 18 để ngó mắt nhòm vào trong và để hỏi thăm tin tức, nhưng thiếu nữ chỉ giữ vẻ mặt tươi cười và một thái độ lặng thinh. Thấy thế người gác phải can thiệp nhiều lần:

– Anh em lảng xa ra, không Tây nó xuống thì bị cùm cả lũ bây giờ, mà tôi cũng bị khiển trách mất.

Khanh ra chỗ ghế ngựa riêng của Quỳnh và tò mò hỏi chuyện thì biết rằng lần bị bắt trước, thiếu nữ đã dùng mưu để ra khỏi nơi này: nhân một người thanh tra mật thám vào trại giam, lúc y trở về bàn giấy, thiếu nữ đã lảng lạng đi theo.

Người canh cổng tưởng viên mật thám lấy nàng ra hỏi cung, nên không giữ lại. Thế là nàng trốn thoát. Câu chuyện ấy lan truyền khắp mọi nơi trong giây phút càng làm tăng giá trị “sàn lim 18” lên bội phần. Và chiều hôm ấy cảm tấm lòng sẵn sàng của anh em Cách mệnh, nàng đã chịu nhận quà bánh đem đến tặng nàng và đã ôn tồn đáp lại những câu hỏi của mọi người.

Trong số anh em luôn luôn đến thăm nàng, Khanh là người chăm chỉ nhất, và tưởng được nàng lưu ý đến nhất. Cái tuổi dưới ba mươi ấy bao giờ cũng sẵn lòng tin tưởng, và hy vọng mệnh mông.

Nhưng bóng giai nhân chỉ thoáng qua nơi giam cầm như chút ánh nắng tươi hé ra giữa khoảng trời mây đen đặc. Sáng sớm hôm sau người ta đã xích tay

giải nàng không biết đi đâu, giữa nỗi
ngây ngất băng khuâng của bọn thiếu
niên cách mệnh.

Khanh thốt ra một tiếng thở dài, và
đau đớn và lảng mạn nghĩ thầm: “Ước gì
ta được gặp mặt nàng một lần nữa rồi có
bị đẩy chung thân cũng cam lòng!”

Y bỗng tỉnh choàng giấc mộng! Xe
vừa dừng lại, và ai nấy sửa soạn để xuống.

– Đến nơi rồi ư, các anh?

– Ngủ đấy à? Một người hỏi lại.

Khanh mỉm cười:

– Ngủ thì không ngủ, nhưng mà
chiêm bao, chiêm bao thức.

Ra khỏi cái hòm kín, y thấy mình
đứng trong một nơi phố nhỏ, bên cạnh
một dòng sông con.

– Chợ Trào đây phải không? Người ta hỏi nhau.

Nhưng viên đồn già, chủ trại giam, đương rảo bước trên con đường dốc, ở bên kia sông. Chạy quanh lão là một con chó, lông dài và đen. Tay lão cầm cái hèo lớn chỉ trở sang bên này và ra lệnh cho người lính đi theo sau. Chỉ cái hình thù lão hiện ra đủ làm mất hết vui trong bọn anh em và ai nấy lảng lảng đứng chờ, như chờ một sự bất trắc gì sắp xảy tới, nhất ai nấy khi ở trại Liêm Phóng lại đã được nghe huyền truyền cái tiếng hung tợn của lão ta.

Thời giờ lại êm đềm chảy trong khu trại giam Vụ Bản. Một nhịp sống đều đều khác đã đến kế tiếp nhịp sống đều đều trước. Những giờ dài đằng đẳng đi bách

bộ trong sân trại giam Liêm Phóng đã đổi ra những giờ mệt nhọc, làm việc trên đồi cỏ, trong rừng rậm, bên dòng nước, dưới sương lạnh hay dưới nắng hè.

Nhưng chiều chiều, sau bữa ăn cơm gạo đỏ, Khanh lại ngồi im lìm trên thành bể nhìn dãy núi Hoành Sơn mà tưởng nhớ mà mơ mộng tới người gặp gỡ trong hăm bốn giờ, giữa một hoàn cảnh đau thương. Và y có cảm tưởng rằng y sẽ mãi kiếp sống ở nơi núi đồi trùng điệp bao bọc một làn không khí âm u này với hình ảnh bất diệt của giai nhân không bao giờ trở lại.

Nhưng một buổi chiều trong lúc y gửi lòng yêu đi phương xa lạ, thì cửa trại giam bỗng mở ra, và người ta thấy bước vào một thiếu nữ chừng mười bảy tuổi với một gánh hàng nặng trĩu trên vai. Anh em hấp tấp chạy ủa cả ra sân để

nhận hàng vì đó là cô hàng tạp hóa bên phố mà lần đầu tiên lão chủ đồn chuẩn lời xin của anh “trật tự” cho phép đem hàng đặt vào thảng trong trại để anh em khỏi phải thân sang tận bên kia sông mang về. Khanh lại gần dăm dăm ngắm nghía cô hàng, và thấy nàng mơn mớn trong tuổi xuân đương dậy thì.

Thiếu nữ chột ngẩng lên và gặp cái nhìn ao ước của thanh niên, nàng cúi đầu bẽn lẽn, giả vờ điếm lại hàng hóa trong quang thúng.

Từ đó trong những buổi chiều tà, Khanh ngồi mơ mộng, bóng giai nhân xưa lại hiện ra bên một bóng giai nhân mới. Và mỗi tuần lễ một lần, cô hàng tạp hóa bên kia sông lại đem tới cho y một nụ cười kín đáo lặng lẽ và một chút ánh tươi rọi nơi giam cầm ủ rũ.

Rồi đây, những lúc cách mệnh tha thiết gắt gao lên tiếng gọi, y sẽ cảm thấy lòng tự tin, lên đường xông pha trong gian khổ với bóng giai nhân huyền ảo gặp gỡ giữa cảnh lao tù.

LỜI NGUYỄN

Đồ sộ, chót vót trên đỉnh đồi cao, đồn Vụ Bản hách dịch nhìn xuống con đường đá nối Nho Quan với Hòa Bình. Trên một quả đồi đối diện và thấp hơn, khu trại giam chính trị phạm nấu mình trong hàng dậu đầy nửa nhón và hai hàng cọc chằng giây thép gai. Phía dưới là một cái thung lũng nhỏ với con sông Vành quanh co uốn éo như con rắn dài vắn khúc bạc lướt mình trong cỏ hoang, rừng rậm. Bên kia sông là phố

và chợ Trào, dăm chục nóc nhà vừa lợp ngói vừa lợp tranh quây vuông lấy bốn cái quán gạch trống rỗng.

Xa xa về phía tây nam, dãy núi Hoành Sơn sừng sững như một bức thành kiên cố đứng ngăn. Buổi sáng nó chìm biển vào trong sương đầy trắng đục, buổi chiều nó lơ mờ trong sương lam bốc lên như khói. Buổi trưa nó lấp lánh ném ánh bạc của những cây ngân diệp mọc bên sườn. Về phương đông bắc, và chỉ xa chừng dăm cây số, một quả đồi cao và dài đứng án ngữ như một bức bình phong. Quanh đó những núi đá trắng và đen mọc lởm chởm, với những hình thù cổ quái. Còn phía tây bắc là những đồi rậm liên tiếp, những rừng sâu, cỏ sắc bao vây lấy từng khu ruộng nhỏ hẹp và dài.

Vùng ấy hàng ngày yên ngủ để chờ đợi những hồi kèn rời rạc báo giờ từ vòm

đồn tủa xuống. Cả những hôm phiên chợ tập nập, nó cũng yên lặng buồn tẻ với những người Mường ít cười ít nói: họ lững thững gánh gạo, gánh măng, gánh lợn, gà, vịt, ngỗng ra chợ bán, rồi lại lững thững trở về làng với một ít muối và các thức đồ dùng của người Kinh đem từ vùng xuôi lên. Họ như chán nản, chả buồn mặc cả nài giá bao giờ.

Cái trạng thái u huyền giữa một cảnh thiên nhiên hùng vĩ, khiến Khanh, một tù nhân chính trị, tưởng tượng ra một thần bí gì rùng rợn ngày đêm bay lượn trên không để đe dọa vùng này. Một hôm vác ống bương ra suối lấy nước, y ngó ý nghĩ đùa bỡn ấy với người lính kèn. Thì kinh ngạc xiết bao, người kia hã hững se sẽ đáp lại:

– Phải, một lời nguyện.

Người lính cũng chỉ thốt ra một câu vắn tắt. Rồi như khiếp sợ một cái gì có thể sắp xảy tới, y im bật.

Đêm hôm ấy trong khi nằm lịm trên giường lát nửa, nghe bài kèn tám giờ, Khanh lại liên tưởng đến người lính kèn và câu chuyện đương tò mò khao khát muốn biết: Một lời nguyên! Bài kèn buồn rời rợi với những âm thanh trầm trầm như những lời ai oán của lòng người sau bao phen uất ức! Hay đó là lời nguyên đêm đêm lên tiếng làm vang động làn không khí âm u nơi đồi núi?

Tà ta ta ta tí a ta ta...

Lời nguyên của những kẻ bỏ xác nơi ma thiêng nước độc chốn sơn lâm? Mới tuần lễ trước Khanh đi đưa một người bạn giam đến nơi an nghỉ cuối cùng: bên sườn đồi dưới bóng một cây lao xao cành

lá rườm rà luôn luôn thì thảo lời oán trách trong gió thoảng qua. Trong đám dân Kinh bên phố, cũng như trong hàng ngũ binh lính bên đồn và anh em chính trị trong trại giam, thỉnh thoảng lại một người từ già cõi nhân gian, sau những cơn sốt nóng sốt rét mê sảng. Phải chăng họ đáp lại tiếng gọi thiêng liêng của một lời nguyện độc địa tự đời nào vang lại?

Hồi kèn đã dứt. Từ đó, trong tiếng thanh sắt trên đồn, tiếng mõ tre ở các điểm canh, Khanh đều cảm thấy có liên can tới cái lời nguyện ghê gớm nào đó của người xưa. Qua kẽ rào nữa, một vài chấm lửa bên sông còn le lói, lập lòe. Đó là những dấu hiệu mong manh của sự sống trong một vùng như chết lịm dưới màn sương. Khanh ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Và y mê thấy con thành đánh đổ mỏ từ trên trời cao bay sả xuống mổ

vào ngôi mộ người bạn đồng trại, chơ vơ bên sườn đồi dưới bóng cây lao xao ủ rũ.

Nhưng câu chuyện *Lời nguyên* một hôm Khanh đã được người lính kèn thuật lại cho nghe trong cái lều canh lúa của người Mường.

Sáng hôm ấy, ra tới suối, Khanh thấy hiện ra một cảnh tượng rất nên thơ: Bên kia dịp cầu tre, trong một khu ruộng khô đất nhỏ, sáu cô Mường, áo cánh trắng xiêm dài xanh đương chậm rãi gieo ngô. Từng đôi, người đi trước cầm cây hóp uể oải chọc xuống đất một lỗ, người theo sau uể oải bỏ rơi vào đó một hạt ngô. Họ đi thong thả, làm việc rời rạc như biểu diễn trên sân khấu cho khán giả ngắm nghía cái điệu bộ nhịp nhàng của họ. Ngồi trên lều cao, hai chân quần «xà cạp» đá đưa

đánh dịp, Chín - bảy – tên gọi tắt con số 1297 của người lính kèn – đương phùng má thổi bài "la mát". Xúm chung quanh y, trên các bậc thang, bốn cô Mường lắng tai kính cẩn ngồi nghe.

Thấy Khanh đến gần, Chín-bảy vội rời cái kèn, bước xuống đón tiếp, vẻ mặt rạng rỡ, dáng bộ dương dương đắc chí như một con gà sống giữa đám gà mái tơ vậy. Trong khi hai người nói chuyện, các cô Mường chỉ mỉm cười yên lặng đứng nhìn.

Hỏi câu gì các cô cũng làm thinh không đáp. Chín bảy bảo Khanh:

– Các nàng chỉ biết có hai việc: cười và hút thuốc Lào. Rồi anh xem!

Quả nhiên lúc y đi lấy một cái điều cây lớn đem ra bỏ thuốc đánh diêm hút,

tức thì cả mười cô đều bỏ việc cười rú lên, chạy ủa lại. Họ xếp thành một vòng tròn, lần lượt truyền cho nhau cái điều cây miệng rộng che kín nửa mặt mà rít từng hơi dài. Hết mỗi thuốc ấy thay mỗi thuốc khác, cái điều đi vòng tới vài chục lần và bao diêm đánh đã gần cạn. Và cô nào cô nấy ngậy ngất mỉm cười đầu lão đảo. Khi các cô nàng lại quay về với công việc gieo ngô của họ, Khanh theo Chín-bảy lên lều ngồi nói chuyện, và vui vẻ hỏi đến việc gia thất của người bạn quân nhân.

– Tôi đã có vợ vùng xuôi, y đáp, nhưng thế nào rồi tôi cũng phải lấy một người vợ nữa ở trên này. Và y thêm: "Cũng như phần đông anh em 'nhà binh' ở đây. Đó là một việc bất đắc dĩ".

– Việc bất đắc dĩ ? Khanh hỏi, nghĩa là không được phép đưa vợ con ở vùng

xuôi lên đây? Không phải không được phép, nhưng vì đã có lời nguyện.

Khanh bỗng thấy rùng rợn. Người lính kèn lại nhắc tới *lời nguyện* ghê gớm. Chưa kịp hỏi thêm, thì Chín-bảy đã đưa mắt âu yếm nhìn theo các cô nàng áo trắng xiêm xanh hoạt động dưới trời thu mà kể cho bạn nghe câu chuyện tương truyền trong hàng đội ngũ.

Ngày xưa, thời còn chưa chịu phục tòng người Pháp, dân Hòa Bình chỉ vâng theo mệnh lệnh của các quan lang; người Kinh cũng ít khi lên vùng này buôn bán. Để bắt buộc dân Mường phải theo pháp luật của mình và đóng các thứ thuế như dân Trung châu, một mặt người Pháp đưa những ông quan lang có thanh thế nhất trong các họ lớn, như họ Đinh, họ Quách ra làm chánh quan lang hay tuần phủ đứng cai quản tỉnh Hòa Bình, một

mặt họ lập nên những đồn binh kiên cố ở khắp các yếu điểm trong địa hạt với những toán lính khố xanh Trung châu không biết tiếng Mường, không thuộc phong tục Mường. Mục đích của họ là để đàn áp dân Mường và để tránh sự thân thiện giữa nhà binh và dân bản xứ.

Đồn Vụ Bản là một trong những đồn binh kiến thiết theo chương trình thống trị. Nó án ngữ con đường Nho Quan - Ninh Bình. Và đóng giữa giang san họ Quách, nó lại có thể kiểm soát những hành động của những ông quan lang có oai quyền ấy.

Với những nhiệm vụ to tát như thế, viên quản mà người Pháp tín nhiệm cho về coi đồn, ta có thể tưởng tượng hách dịch đến bậc nào.

Có một ông, ông quản Tăng, không những hách dịch mà còn bệ vệ và ăn ở hành động theo lối Âu Tây y như một quan binh Pháp vậy. Y nằm giường Hồng Kông, ăn cơm tây. Lúc nào sang phố y cũng đóng trào phục mới với một hàng huy chương rực rỡ trên ngực. Tay y cầm roi da, quay tít, miệng y huýt sáo một điệu âm nhạc nhà binh. Một con chó tây kéch sù đi bên cạnh y; gặp nhà nào quen thuộc của chủ nó là nó chạy sòng sộc vào khiến lũ trẻ hết cả hồn vía bảo nhau:

– Quan quản!

Quan quản! Tiếng ấy oai vệ như tiếng quan Sứ ở tỉnh vậy. Quan quản là chúa tể vùng này. Quan châu, một quan lang, đối với y, chỉ như một công chức bản xứ đối với quý quan. Bao nhiêu công việc trọng đại đều ở trong tay quan quản: như thu thuế chợ, thuế đò, thuế thân, thuế điền.

Quan châu chỉ là một người giúp việc.

Nhưng tiếng «Quan quản» hình như cũng chưa vừa lòng y. Một hôm, người ta không hiểu vì đâu, tiếng ấy bỗng đổi ra «Quan đồn» rồi cứ theo cái đà ấy, chẳng bao lâu nó lại biến chuyển thành «Cụ lớn».

Cụ lớn hét ra lửa! Bao nhiêu là môn hạ! Suốt ngày thì thọt trong đồn những kẻ nấp bóng Cụ lớn. Thôi thì chẳng thiếu gì lễ lạc, tết nhất, mùa nào thức ấy. Dùng không hết, «Cụ lớn» phân phát cho binh lính.

Về nhậm chức mới được hai tháng, quan quản đã lấy một cô nàng hầu người Kinh con một thương gia có tiếng bên phố chợ. Rồi cách đó nửa năm quan lại kén luôn một lúc hai cô nàng hầu người Mường nữa.

Cái việc lấy nhiều vợ ấy cũng không tổn kém gì cho quan vì bọn họ đều là con nhà khá giả. Có một điều khiến họ lo lắng sợ hãi, mỗi khi tưởng tới: Là chẳng chóng thì chầy thế nào bà lớn quản cũng lên đây thăm chồng. Lúc bấy giờ nếu cái tin vợ nọ con kia khi đến tai bà, thì liệu bà có để cho yên không. Mà cứ theo lời huyền truyền và lời nói úp mở của quan quản thì bà là con nhà thế gia đại tộc. Ông thân sinh ra bà làm tổng đốc và đã hồi hưu. Người ta khen: «Thực là môn đăng hộ đối!» Vì quan quản nghe đâu cũng là con một vị đường quan. Y thường kể chuyện thời niên thiếu của y cho mọi người nghe. Nhà y giàu sang và y rất được chiều chuộng. Mới mười hai tuổi y đã cưỡi ngựa, bắn súng, và chỉ thích có một nghề binh. Vì thế lớn lên y đã bỏ học để nhập ngũ "làm quan quản" chơi. Bao giờ đến đoạn này y cũng thêm:

"Làm quan văn thì biết bao giờ lên đến ngũ phẩm, thế mà làm quan võ tôi mới ngoài ba mươi tuổi đã chánh tam rồi!"

Có lần y tưởng tượng ra cả một thiên tiểu thuyết để tả cái gia thế nhà y, bịa đặt ra những nhân vật đẹp đẽ và các phương diện ăn chơi hào phóng hay đạo mạo nho phong. Người được y tả tỉ mỉ chu đáo nhất là cụ cố và bà lớn. Cụ cố là một hưu quan chỉ thích đánh tổ tôm và uống chè tàu. Cụ ở một cái nhà lầu kiến trúc kiểu tây. Trước mặt là cái vườn hoa trồng đủ các thứ hoa quý và lạ. Trên giàn thì treo đủ các thứ phong lan đi kiếm từ các miền thượng du đem về. Còn bà lớn thì tính rất tốt rất rộng lượng, để mặc quan lớn muốn yêu ai thì yêu. Một mình bà lớn trông coi mấy trăm mẫu ruộng thượng đẳng điền, người ăn người làm tấp nập quanh năm, nên không rảnh rang mà lên

thăm quan được. Nào đã hết đâu, quan lại có một người em trai đã đậu tú tài tây và đương theo học trường Luật, và một người em gái nhan sắc tuyệt trần hiện còn đương kén chồng. Tóm lại nhà quan lớn là một nhà danh giá và sung sướng vào bậc nhất ở Bắc Hà.

* * *

Một buổi sáng người ta thấy đến phố chợ Trào một ông già râu tóc hoa râm và một người đàn bà vào trạc ngoài ba mươi tuổi. Cả hai đều y phục quê mùa, ông lão mặc cái áo cánh đũi nhuộm vỏ xó và một cái quần nâu sắn cao đến đầu gối, người đàn bà mặc áo tứ thân màu nâu bã với miếng đối vai bằng lụa thâm, một cái váy chồi nhuộm bùn và một cái yếm trắng cổ xẻ với hai giải màu hoa hiên đã cũ.

Họ hỏi đường sang đồn, xuống phà qua sông, khó khăn nặng nhọc leo cái dốc cao, gồ ghề. Được một quãng ông già lại đặt cái tay nải nâu xuống ngồi hõn hển, và thì thầm nói chuyện với người kia. Đứng trên vòm canh, người lính gác nhìn theo họ và nghĩ thầm: «Lại một ông già và một mẹ đã lên thăm con thăm chồng».

Đương gò lưng leo nốt đoạn cuối cùng của cái dốc dài tưởng không bao giờ đến đỉnh, thì hai người bỗng giựt mình vì một tiếng hô lớn từ trên vòm chòi ném xuống. Họ ngừng đầu sợ hãi nhìn lên.

– Hai người nhà quê hỏi ai?

Không phải vì hai người kia ăn mặc quê mùa mà người lính gọi họ là «Nhà quê». Đối với quân đội, vì thói quen bắt

chước người Pháp, chỉ có ba hạng người Việt Nam: nhà binh, nhà pha, và nhà quê. Những người không phải nhà binh và nhà pha đều là nhà quê. Vì thế, một thiếu nữ y phục tân thời, nếu nghe một chú lính canh kêu là «Nhà quê» thì đừng nên lấy làm lạ và phật lòng.

– Thưa thầy, chúng tôi vào thăm ông quán.

Người lính hỏi lại để chữa câu nói hõn của bọn nhà quê:

– Vào hầu quan có việc gì?

– Bẩm chúng tôi là người nhà.

Chú lính canh cho người vào trình quan. Một lát sau người này ra cổng hách dịch quát:

– Người nhà thế nào mới được chứ?

– Bầm bầm tôi là ... tôi là...

Người đàn bà thấy ông lão ấp úng lúng túng liền đỡ lời:

– Thầy vào trình hộ rằng có ông cụ và người đàn bà ở nhà quê ra thăm.

Người lính gắt:

– Ông cụ ! Nhưng ông cụ có họ hàng thế nào với quan?

– Thưa ông cụ ... sinh ra quan, còn tôi là vợ... quan.

Người lính hơi có vẻ sợ hãi vội vàng quay vào đồn, thì vừa gặp ông quản đứng trong sân ngó nhìn ra hỏi:

– Hai bố con lão nhà quê đến xin gì thế chú?

– Bầm, bầm quan...

Người lính không dám nói dứt câu.

– Đuổi cổ chúng nó ra!

Câu quát tháo to quá khiến ông già và người đàn bà cũng nghe thấy. Và nhân lúc cổng đồn mở, họ xông vào trong sân. Thấy thế viên quản liền hét:

– Bọn nhà quê kia đi đâu ? Có biết nơi này là gì không mà dám xông xáo hử? Mất đầu như chơi, biết chưa? Tổng cổ chúng nó ra!

– Tăng! Anh Tăng!

Ông già và người đàn bà chỉ kêu được một tiếng thì đã bị hai người lính ấy bừa ra khỏi cổng đóng sập cánh cửa lại.

Ông lão già và người đàn bà lại lúi thủi xuống dốc. Họ cùng uất ức đến cực điểm nên không ai nói với ai một câu,

cả hai cùng chôn sâu nỗi căm hận trong lòng.

Ở chân đồi, ngay bên sông, có một ngôi đền thờ Mẫu. Người đàn bà mua vàng hương vào lễ, quỳ khấn rất lâu, thì thâm kể lể hết nỗi niềm tâm sự với Mẫu. Khi ra đường, nàng thấy bố chồng vẫn ngồi y nguyên một chỗ, mắt đỏ ngầu đăm đăm nhìn dòng sông chảy mạnh, quay nhanh cái guồng nước sừng sững in lên nền trời trong.

– Thôi đi về, thày!

Ông già thông thả đứng dậy. Nhưng ông đi rẽ xuống ruộng chứ không qua phà. Ông bảo con dâu:

– Tao không muốn gặp người lái phà, vì tao đã trót bảo cho nó biết rằng tao là bố thằng Tăng.

Người đàn bà cũng lẳng lặng đi theo ông. Hai cha con men bờ ruộng sang một khu rừng lao xao, qua một cái cầu tre bắc trên suối, rồi đến ngồi nghỉ ở một bãi cát sỏi bên sông. Sau trận mưa to đêm hôm trước nước nguồn kéo về chảy ào ào như thác. Những thân cây từ rừng đổ về nổi lênh bênh và bị giòng nước phăng phăng cuốn đi.

– Dầu sao thì cũng ăn năm cơm cho đỡ đói đã thấy ạ.

– Mày cứ ăn trước đi. Tao không đói.

Ông già đứng lên, ra sát bờ sông đứng vịn vào một thân cây lao xao. Bỗng ông nghiêm nét mặt dữ tợn nhìn dòng sông, thốt lời nguyên độc:

– Từ nay đứa nào còn lên đây thăm chồng thăm con thì chết như thế này.

Dứt lời ông gieo mình xuống sông tự tử. Và thân ông cùng với các thân cây, bị nước nguồn vô tình cuốn đi...

Từ đó lời nguyện vẫn thiêng. Những người cha, người vợ lên đây thăm con, thăm chồng, khi trở về đều ốm nặng rồi chết.

Và những binh lính trên đồn, những dân Kinh bên phố đều sống dưới sự đe dọa và sự thực hiện của lời nguyện.



HỒ!

O ro trong chiếc áo tơ dài, mũ
 nhọn trùm đầu, Bảy-hai đứng
 canh trên chòi cao, nép mình sau cái cột
 bương để cố tránh luồng gió bắc thổi
 đến từng cơn. Y vừa ở trong chăn ra thay
 phiên gác một giờ. Mắt y ngủ còn giờ
 giấc chỉ muốn nhúu lại. Đêm hôm trước,
 y đã thức suốt sáng đánh bạc ở bên phố
 Trào. Cả ngày hôm nay, ông đội Giới lại
 cắt y vào việc của củi ở trong đồn, nên
 y chỉ chợp được có nửa tiếng đồng hồ

vào khoảng giữa trưa. “Giá nó để mình coi tù đi làm cỏ như mọi hôm thì làm gì mình không đánh được hai giấc ngon lành!” Y nghĩ đến cái ổ kín đáo, khuất gió, ấm áp, ở giữa khóm xim đại mà y lại oán lão đội. “Hừ ! thằng cha nó thù mình vì cái tiếng bạc ngựa tư tối hôm nọ!” và Bảy-hai vui thú cười lên tiếng. Y như còn trông thấy cái cảnh tượng mở bát chạy làng hôm ấy của đội Giới, mà y đã làm mất thể diện trước mặt dân phố. “Hèn chi mà nó chẳng để tâm thù vật!”

Đã hai lần Bảy-hai đánh mõ tre đáp lại tiếng khánh sắt cầm canh bên đồn. Y chỉ muốn nằm xuống một lát cho đỡ mệt, nhưng y lại sợ ngủ thiếp đi mất. Y tự nhủ: “Đêm hôm nay mà mình bỏ một tiếng mõ thì cứ là chết với nó. Thế nào nó chả thức ngồi chờ kết quả! Không, nhất định không chịu để nó phạt!” Y can

đảm lấy gân, cứng bắp thịt lại, thò đầu ra hẳn ngoài bức phen nửa vây che bốn mặt chòi và chỉ cao tới ngực người lính gác. Luồng gió lạnh làm cho y đỡ buồn ngủ. Nhưng chỉ được dăm phút, rồi mắt y lại nhắm nghiền, và y như nghe thấy tiếng ngáy của mình. Cái thói ngủ đứng đã quen thuộc với y lắm; nhiều khi đưa tù xuống đời làm việc, y cũng vừa đi vừa chập chờn được.

Chợt nhớ đến cái mưu vẫn thi thố, y hướng vào trại cất tiếng gọi:

– Tài! Tài!

Mọi lần khi biết chắc không sao tránh được cái giấc ngủ có tội, y đã nhờ Tài giúp việc này: là hễ không nghe thấy tiếng mõ của y đáp lại tiếng khánh thứ hai thì nhặt một viên gạch mà ném lên chòi để đánh thức y dậy. Như thế, y có

thể bình tĩnh mà ngủ được để cứ mười lăm phút lại thức giấc đánh mõ. Nhưng lần này y gọi mãi mà vẫn không thấy có tiếng Tài trả lời.

– Rét thế này, anh chàng nằm ngủ chần trùn kín đầu thì còn biết giờ đi đất gì nữa!

Gọi một tên khác, lại một tên khác, vẫn không ai thưa.

“Liều! Y nghĩ thâm, có bị phạt nữa thì đã chết đầu. Hãy làm một giấc cho thỏa vong linh đã!” Và y định ngả lưng xuống cái ổ rơm mà y đã ngâm giải từ lâu. Nhưng lòng tự ái của y phản kháng lại liền: “Không! không thể được. Bị phạt vẫn biết chẳng sao, nhưng bị lão đội Giới phạt để trả thù thì nhục lắm. Đã cố được nửa giờ rồi làm gì không cố nốt được một giờ rưỡi nữa!” Y quả quyết trong ý

chí, và lại đưa cả nửa người ra phía ngoài để tắm thể chất và tinh thần trong sương đêm giá buốt.

Bỗng y rùng rợn quay lại, một tia sáng lạnh vừa chiếu xiên qua vai. Đó là trăng hạ tuần mới mọc, lơ lửng trên nóc đồi bình phong, và nhợt nhạt, ủ rũ, mệt mỏi như tâm hồn mệt mỏi của y. Dưới làn ánh sáng mờ mờ, con sông Vành lấp lánh hiện ra từng khúc, và những lùm cây trên sườn đồi in rõ hình đen. Y lưu ý ngắm cảnh vật để cố quên đi cái giấc ngủ vẫn luôn luôn ám ảnh.

Một lần chớp đi trong vài phút, y giật mình choàng thức dậy. Tâm linh y như vừa báo cho trực giác y biết sắp xảy ra một sự gì kinh dị huyền bí. Và y chú ý nhìn xuống chân đồi. “Ta mê ngủ à?” Y nghĩ thầm đưa tay lên dụi mắt, và nhìn kỹ lại. Không, y không mê ngủ, quả thực

một lùm cây dương từ phía ruộng thấp theo dốc đồi thông thả tiến đến phía y. Y nghĩ tiếp liền: “Không, không phải cây. Một con vật... con bò... Cũng không phải bò... Hay là ma?” Cái ý ma làm y mềm cả chân tay, và ngừng cả tư tưởng. Vùng này đã nổi tiếng là xứ ma thiêng nước độc và những chuyện ma hiện hồn trêu lính canh đêm không phải là ít.

Cái vật đen vẫn thả thông thả, êm lặng tiến. Thình thoảng một tiếng rảng rặc càn khôn gảy lại báo cho Bảy-hai biết rằng đó không phải là một cái bóng mà đó là một vật có hình có chất. Đến lưng chừng đồi, nó đứng lại một phút rồi rẽ sang phía Nam, khuất sau hàng giậu nữa. Tự nhiên Bảy-hai thấy vững dạ và như thoát khỏi một tai nạn, tuy chưa biết rõ đó là con vật gì hay là ma quỷ. Bỗng một lát sau, tiếng lao xao se sẽ trên con đường

cát sỏi vòng quanh trại giam khiến y cúi nhìn xuống. Y toan kêu thét lên. Nhưng tiếng kêu mắc lại ở cổ họng và miệng y há hốc, mắt y mở to, chân tay y không nhúc nhích: Chỉ cách chòi y chừng vài chục thước, một con hổ to lớn, lực lưỡng đương ung dung nhẹ nhàng đặt từng bước và tiến về phía y. Mặt nó cúi xuống nhìn đất và luôn luôn nó hướng vào trại hít mạnh đánh hơi. Có lúc nó tò mò ghé gần mắt vào hàng giây thép gai chăng ở hai bên lối đi và dừng lại vài giây như để mưu tính một kế hoạch gì.

Bảy-hai im thin thít và không cử động. Hồn vía y như đã tán loạn hay trốn biệt nơi nào và y chỉ còn như cái xác với những trực giác quan thụ động. Nhưng dần dần y hoàn hồn và cảm thấy lo lắng sợ hãi. Y nghe rõ tiếng thở mạnh của y, mà y cố kìm lại, nhịn hẳn. Và vì

thế y thấy đêm khuya càng mênh mông, tiếng gió khô khan càng rít mạnh, và âm nhạc hàng sáo nửa càng thê thảm, rùng rợn. Con mãnh thú vẫn chậm rãi bước lại gần, dáng bộ suy nghĩ, nghe ngóng, tìm tòi. Khi tới chân thang chòi, nó dừng lại một lát rồi uể oải nằm xuống, mũi không rời phía trại giam. Bấy-hai đã bắt đầu luận lý có trật tự. Y hết sức giữ gìn, không cửa quây, yên trí rằng chỉ một tiếng cạch cũng đủ vang lên trong đêm vắng và làm cho con hổ giật mình vùng dậy, chồm lên đập đổ mấy cái cột buồm chân chòi cao ngất ngều. Vì quá lưu ý, y tưởng tượng cái chòi lão đảo, lắc lư, mỗi khi có luồng gió mạnh.

Nhưng một lát sau, y thấy mắt quen đi, tim trấn tĩnh lại và trí sáng suốt hơn. Và y nhớ đến cây súng cầm trong tay, nghĩ đến bắn vào đầu con vật một phát.

Y dương súng ngắm, ngón tay đặt vào cò, run run, do dự không dám bấm tuy đã chột nhận ra rằng chưa kéo «qui-lát» để đẩy đạn lên nòng. Rồi y lại rón rén chống súng xuống, mắt dán vào cái khối đen ở ngay dưới chân và cách y không đầy mười thước. Câu chuyện huyền bí về hổ mà một người lính Thổ đã kể cho y nghe như vụt hiện ra và lần lần tự bày ra trước mắt y. Y tưởng trông thấy người đi săn tự buộc vào cành cây cao, chìa súng bắn xuống con vật thần, rồi nước ở đầu té vọt lên như mưa làm cho kẻ xúc phạm mờ cả mắt không nhìn thấy gì nữa trong khi ấy thì con hổ nói thành tiếng người mà mắng nhiếc âm ỹ: “Mày định giết ông mày, mày định giết cha mày à?” Câu chuyện đã làm cho Bảy-hai và anh em trong hàng đội cười lẫn cười lóc. Nhưng lần này ôn lại, y không dám cười nữa dù chỉ mỉm cười thầm. Ngắm nghĩa cái hàm

oai nghiêm, hai chân trước duỗi ra bệ vệ, cái đuôi hách dịch đập bên sườn, y cảm thấy tôn kính, khiếp sợ tràn ngập trong lòng và không còn ngờ vực một sự hoang đường gì về cái sức mạnh phi thường ấy. Bây giờ y đã hoàn hồn hẳn, và mũi y đã ngửi thấy mùi hôi nồng như mùi phân bò ủ. Hắc lợm giọng và chỉ chục nhổ bọt nhưng vẫn cố giữ lại được. Y tự nhủ: “Nó mà nghe thấy tiếng nhổ tất sẽ ngừng đầu nhìn lên. Và nếu nó biết trên này có người thì nó rất có thể rung chuyển cái chòi ọp ẹp này để mình rơi xuống mà ăn thịt. Các ngài mà bụng đói thì phải biết các ngài liêu”. Ý nghĩ ấy lại càng làm cho Bảy-hai lo lắng, mất bình tĩnh. Nhưng chỉ trong vài phút. Rồi những câu chuyện hiền lành về hổ dần dần nhớ lại khiến y trở nên vững tâm và can đảm nữa. Theo lời nhiều người Mường y quen biết thì con hổ chỉ là một con chó lớn nhút nhát

và không dám gần người: Nó cũng giống như loài chó, hễ chạy thì đuổi, hễ sấn lại thì nó lui. Điều nhận xét ấy đã được chứng thực: cách đây mới chừng một tháng, một con hổ – có lẽ chính con này cũng chưa biết chừng – đến rình ở nhà ông giáo Quý bên phố. Nửa đêm bà giáo thức giấc, dậy ra hiên trông thấy nó và sợ hãi chết ngất đi. Nhưng con hổ cũng sợ hãi chạy trốn.

“Phải, cái giống này chỉ chống lại người khi nào người định giết nó” Bảy-hai nghĩ thế và lấy làm mừng rằng ban nãy đã không lên đạn bắn nó. “Bắn mà trượt hoặc làm nó bị thương thì cứ mà chết với nó thôi. Trong lúc hồi hộp mình có thể run tay bắn chệch đích. Có phải bắn bia đâu mà bình tĩnh ngắm kỹ được!” Ý nghĩ bắn bia làm y mỉm cười quên bằng con hổ để nhớ đến anh Mười-bốn

kỳ vừa rồi, bắn tám phát không những không trúng đích mà còn không trúng cả cái liếp mang đích...

Y giật mình như chợt tỉnh một giấc chiêm bao: Tiếng khánh sắt bên đồn và tiếng mõ tre các chòi canh vừa đánh thức y dậy, kéo y về với thực tế, với nhiệm vụ, với bốn phận. Thì ra mới qua chưa đầy mười lăm phút thế mà y tưởng đã sống trong hàng giờ dài đằng đẳng. Y vội cầm dùi giờ lên nhưng lại rón rén đặt xuống không dám đánh. Tiếng khánh và tiếng mõ nhắc lại.

“Được, mai ta sẽ trình vì sao thiếu tiếng mõ ở chòi này. Mà có bị phạt nữa thì đã sao!”

Một lát sau, ở trước cổng đồn, một tia sáng thoáng rạch một vệt dài lên tấm sương đêm. Bảy-hai mỉm cười nghĩ

thầm: “Đích đèn pin của lão đội rồi! Được cú đến đây mà bắt... hổ!”. Thực vậy, đội Giới vẫn thức để rình. Khi thấy thiếu tiếng mõ ở chòi gác Đông Bắc trại giam, y đoán ngay rằng Bảy-hai đã ngủ. Y liền sang đi “rông” để bắt quả tang kẻ thù phạm tội.

Ánh sáng kín đáo lập lòe, khi chúc xuống đất, khi vọt lên trời, thông thả tiến lại gần trại giam.

Bảy-hai cúi xuống nhìn. Con hổ vẫn nằm yên một chỗ, không nhúc nhích. Y bắt đầu lo sợ cho tính mạng người kia. Mỗi thù, y vụt quên để chỉ nghĩ tới tai nạn xảy đến cho kẻ đồng loại do một loài khác, một loài tàn ác gây nên. Lòng trắc ẩn, tình nhân đạo đến với y một cách tự nhiên, một cách ngẫu nhiên. Y không luận lý nữa, không cân nhắc nữa, chỉ tìm cách cứu sống một con người,

thoát khỏi nanh vuốt một con vật. Ánh sáng đã xuống hết giấc và sắp rẽ vào con đường vòng quanh trại, để đi thẳng đến chòi canh của y. Ở chân thang, con hổ vẫn nằm im, đuôi se sẽ đập sườn như báo cho biết rằng nó không ngủ và có lẽ đã sửa soạn để về cái môi ngon lành đang tiến lại gần. Bị hàng dậu nửa cao che khuất. Bảy-hai không nhìn thấy lửa sáng đèn bấm nữa, nhưng y đã thoáng nghe rõ tiếng lạo xạo xa xa của bước chân trên sỏi và cát. Chỉ vài phút nữa... Y hoảng hốt vội thét:

– Đứng lại! Có hổ đấy!

Rồi vừa rướn mình nhìn qua ngọn hàng rào nửa, y vừa tiếp luôn:

– Có Hổ! Hổ! Hổ!

Lúc cúi nhìn xuống thì con hổ đã

biến đầu mất. Đẳng xa tiếng chân chạy mau và nặng. Ngay lúc ấy, cả trại giam xôn xao huyền não.

– Cái gì thế?

– HỒ! Lời đáp của Bảy-hai từ trên chòi ném xuống.

– HỒ à!

– HỒ các anh ạ!

– HỒ đâu?

– Nó đâu?

Anh em nhốn nháo chạy cả ra sân, lại gần chỗ canh góc Đông Bắc.

Có hồ thực à Bảy-hai? Tài hỏi, vì đã nhận được tiếng người lính quen.

– Lại chả thực!

– Nó đâu?

– Nó đi rồi! Nó nằm gần nửa tiếng đồng hồ ở ngay chân thang.

– Nó rình bắt lợn của căng rồi, vì chỗ ấy sát ngay bên chuồng lợn.

– Thế sao không bắn? Súng không có đạn à?

– Có nhưng không dám bắn vì sợ tiếng nổ làm náo động cả trại bị tù thì có mà bỏ mẹ!

– Bị gì thì bị chứ mấy khi gặp mỗi ngon thế, mà đi bỏ lỡ. Rõ đáng tiếc!

– Tiếc à! Cu cậu sợ co rúm cả chân tay lại rồi còn bắn với biếc gì.

Câu khôi hài của Hải làm ai nấy phá lên cười và Bảy-hai đáp lại tức tối:

– Xừ nào sỏ siên moa thế hử?

– Không phải tôi sỏ siên anh đâu, anh Bảy-hai ạ. Nhưng sự thực là thế. Tôi đi bắn đã nhiều, giết có tới vài chục hươu nai mà tôi cũng xin thú thực rằng giá có gặp hổ vị tất tôi đã dám bắn. Nói vụng các ngài chứ các ngài oai linh lắm! Đến rào vườn Bách thú nhìn các ngài đi đi, lại lại trong chuồng, cũng đã thấy rờn rợn rồi còn nói chi bắn ngài nữa.

Ai nấy lại cất tiếng cười, và lần này cả Bảy-hai cũng góp vui.

– Thực thế đấy, các anh ạ, Hải kể tiếp. Tôi có người bạn ngồi rình hổ ở trong một gian nhà, qua cái cửa sổ có chấn song sắt kiên cố. Lúc hổ đến anh ta giương súng ngắm bắn, nhưng thấy nó đi đi lại lại oai nghiêm dưới ánh trăng mờ, anh ta sợ hãi mướt mồ hôi, rồi ngất

đi, đá cả ra quần. Tỉnh dậy thì con hổ đã đi mất. Các anh thấy chưa, ở trong một nơi vững chắc như thế, và dù có bắn hụt cũng không nguy đến tính mạng thế mà còn không đủ can đảm mỗ cò đấy, hướng hồ là đứng trên cái chòi mỏng manh ọp ẹp kia.

Cười lại nổi, làm âm ỹ cả đêm khuya thanh vắng và giá lạnh.

– Ông đội có vào trong cãng không, các anh?

– Không. Sao?

Anh em ngờ ngác không hiểu vì sao Bảy-hai lại hỏi một câu lạ lùng như thế. Nhưng Bảy-hai chỉ đáp lại sự ngờ ngác của anh em bằng một nụ cười bất tuyệt.

TÂY XÔNG NHÀ

ĐẾN năm 1930 ở Ninh Giang, tôi đã được Tây xông nhà. Người Tây đó tên là Heineshilk – ấy là tôi theo vần đọc mà viết ra, chứ tôi cũng chưa trông thấy tên hắc trên giấy bao giờ. Theo lời đồn hắc là một người Áo can án tử hình bỏ trốn sang nước Pháp xin đăng lính «Lê dương» đi Maroc dự chiến. Mãn hạn hắc nhập Pháp tịch và được bổ đi coi một đồn lính khổ xanh.

Nếu muốn tìm một kiểu mẫu tiểu nhân, thì hẳn thực là một người hoàn toàn. Đối với dân gian, hẳn hống hách, đàn áp, bóc lột, chuyên chế như một ông vua chuyên chế. Trái lại, đối với ông Sứ hay ông Giám binh thì hẳn quy lụy, nịnh nọt, đút lót, trung thành như một tên trung thành với chủ. Nhờ đó mà hẳn thăng chức rất nhanh chóng và được đổi về đồn quan trọng này, kiêm chức quyền Đại Lý Ninh Giang.

Quan đại! Hẳn sung sướng khi nghe người ta chào mình bằng hai tiếng Việt Nam ấy. Có việc gì vào tòa mà kêu hẳn là Monsieur le délégué thì thế nào cũng xong tuy nếu việc phải mất tiền thì vẫn mất tiền như thường.

Vô phúc cho ai không biết, đi kêu đúng chức hẳn: "Monsieur le chef de poste" hay tôn hẳn lên "Monsieur l'Ins-

pecteur" nữa! Một là hấn im lặng không đáp, rồi sau này tìm cơ hội báo thù. Hai là hấn hét inh lên làm mình mất thể diện trước mặt mấy viên thư ký của hấn.

Về chữ Đức hấn học đến bậc nào tôi không rõ. Nhưng về chữ Pháp thì tôi đã may mắn được đọc văn của hấn.

Vào dịp khánh thành nhà thương mới, ông y sĩ ở Ninh Giang chẳng hiểu vì lười hay vì có gì, có nhờ tôi thảo hộ bài diễn văn. Bài diễn văn ấy phải đem trình "Quan đại" để ngài kiểm duyệt. Vì thế mà tôi được đọc một đoạn hấn thêm vào. Đó là những lời tán tụng quan chánh sứ, quan phó sứ, quan lục lộ...v.v... mà tôi đã vô tình bỏ rơi. Tới đây tôi lại vô tình mỉm cười khi xem thấy văn pháp lính tây của quan đại. Nói chi những chữ viết sai, đến những meo mực thông thường sơ cấp nhất quan cũng "măng phú".

Cái mỉm cười ấy và lời khen kín đáo của tôi được hân hạnh lọt tai quan. Và phải biết! Cái tức giận, cái căm thù của quân dốt, nhất quân dốt ấy lại là một quan "Cai trị", một quan đại lý hách dịch, oai quyền như một vua con. Cái căm thù ấy càng cố nén lâu bao nhiêu thì khi bùng ra càng mãnh liệt bấy nhiêu.

Ai đã đọc tập truyện ngắn của Dau-det hẳn thấy cái móng bồ của con La dữ dội đến bậc nào, sau bảy năm sửa soạn để chờ ngày thi hành.

Viên đại lý của tôi không kiên gan bằng con La. Hắn chỉ chờ đến hôm mồng một Tết Nguyên Đán để đem ra thi hành cái móng bồ của hắn. Nhưng dù thế cái móng bồ của hắn vẫn chẳng kém cái móng bồ của con La về phần mãnh liệt cũng như về phần hiểm hóc.

Tối hôm mồng một Tết ấy, giữa lúc chúng tôi đang xum họp vui cười xung quanh bàn bất với gia đình thì một người lính cảnh sát lên gác nói cho chúng tôi biết có «quan đại» đến.

Quan đại đến? Tôi kinh ngạc tự hỏi: «Đến chúc Tết mình chẳng?» Tôi thừa biết hần ta chẳng ưa gì tôi, tôi lại nhớ về mặt hần học của hần khi hần liếc nhìn tôi. Nhưng gặp nhau ngoài đường đôi bên vẫn tươi cười chào nhau như hai người bạn sơ "Bonjour monsieur le délégué!" – Bonjour monsieur G!" Vậy thì hần có thể nhân dịp Tết Nguyên Đán đến chúc mừng mình lắm, cũng như vào dịp Tết Tây dân phố đến chúc mừng hần vậy.

"Mà hần đến chơi mình vào giờ này (9 giờ tối) có lẽ để đôi bên hàng phố khỏi

thấy sự hạ mình của hủn đi chúc Tết một người Việt Nam?"

Tôi chưa kịp nghĩ dài thêm đã bùng tỉnh ngộ. Vì người lính chờ mãi không thấy tôi trả lời liền tiếp:

– Thưa ông, quan nói nếu ông không bằng lòng để quan khám ngay tối hôm nay thì sáng mai quan đến sớm cũng được.

Chết chưa! Thì ra quan đến khám nhà! Mà lại khám nhà vào giữa hôm mồng một Tết! Các bạn của tôi đã thấy cái móng bổ của «Quan đại tôi» hiểm độc thế nào chưa? Chùng ngài biết – hoặc có kẻ xui ngài điều ấy - ngày đầu năm người Việt Nam mình sợ rông, không muốn một sự không may gì xảy ra. Mà sự khám nhà thì cố nhiên là một sự không may rồi! Các bạn hủn cho rằng tôi tức uất lên

phải không? Không, tôi chỉ tức cười thôi, và quả nhiên tôi phá lên cười vui vẻ mà trả lời người lính cảnh sát:

– Ai lại đi làm phiên quan phải trở lại một lần nữa như thế. Ông xuống mời quan lên cho, để tôi ở trên này sửa soạn đón tiếp ngài.

Trong khi người lính bước xuống thang gác, các em gái tôi cuống quýt, toan thu xếp bài lại. Tôi vội ngăn cản:

– Không! Cứ để y nguyên! Thu dọn đi, nó sẽ cho rằng mình sợ cái oai nó. Thế nào người lính cảnh sát chẳng báo cho nó biết chúng mình đang rút bắt.

Một lát sau, lão đại lý, trong bộ trào phục đầy kim tuyến, cao lớn, sừng sững hiện ra trước ánh đèn măng xông. Theo sau hắn là viên Tri Phủ Ninh Giang với

cái bài ngà chúc tước vừa tô son lại, lủng lẳng trước ngực. Theo sau viên Tri Phủ là viên thông ngôn tòa đại lý, cặp mắt hấp háy chớp trong đôi mục kính cận thị. Theo sau viên thông ngôn là hai viên cảnh sát với cái bao súng lục oai nghiêm đeo bên sườn.

Lão đại lý tươi cười đáp lại cái chào của tôi:

– Tôi đến khám nhà ông vào giờ này là trái pháp luật, vì thế tôi đã cho hỏi xem ông có bằng lòng không đã rồi mới lên. Nhưng ông nên hiểu cho rằng tôi làm thế là vì có lòng tốt đối với ông. Vào giờ này dân phố đều đã ngủ cả không ai biết nhà ông bị khám. Chứ giữa ban ngày thì người ta xúm lại bàn tán và như thế ông sẽ mất thể diện nhiều lắm.

Tôi mỉm cười cảm ơn cái nhã ý của quan đại... và quan Phủ, tôi nói thêm và quay lại nhìn cái ông quan có vẻ mặt lạnh lùng, bình thản như không từng quen biết tôi dù chủ nhật nào ông ta cũng mời tôi vào phủ đánh tổ tôm với «Cụ cố».

– Chà các người đánh bạc! Ông đại bắt đầu.

– Phải, đó là một bàn bạc gia đình để mua vui trong dịp Tết. Đây xin giới thiệu ông T. em giai tôi, ông M. cũng em giai tôi, ông B. em rể tôi. Còn đây bà T. bà M. bà B. và vợ tôi.

Tôi gắng hết sức để giữ bình tĩnh nhưng tôi vẫn tự thấy tôi làm sao ấy. Các bạn cũng hiểu cho rằng khi người ta cố nén lòng căm tức thì người ta khó mà tự chủ được cử chỉ ngôn ngữ của mình.

– Thôi cũng được, ông đại tiếp, nhưng bắt đầu từ ngày kia mà đánh bạc thì sẽ bị bắt giam.

Rút lời hăn quay sang hát hàm hỏi ông Phủ:

– Có phải thế không quan Phủ?

– Bẩm chính thế, thưa quan Đại. Bây giờ thì chúng ta đi làm bốn phận của chúng ta.

Việc bốn phận của họ là rút hết ngăn kéo ra, mở hết các tủ ra, lục tung hết các sách vở, quần áo vứt tứ tung ra đầy sàn gác. Khi vớ được mấy tập ảnh của tôi, mắt lão Đại Lý sáng rực lên sau đôi kính cặp mũi:

– À! tôi biết, ông là một nghệ sĩ về nhiếp ảnh. Hăn ông có đủ các ảnh kỷ niệm gia đình.

Vừa nói, hắn vừa mở vừa chăm chú tìm tòi. Rồi hắn thì thầm hỏi ông phủ:

– Ông có biết mặt nó không?

– Thừa không.

Lão Đại Lý lắc đầu chán nản. Bỗng hắn quay phắt về phía tôi sừng sộ:

– Ông biết tôi tìm ảnh ai không?

– Không, tôi biết sao được.

– Thôi ông đừng vờ. Ảnh tên C... đâu, ông phải trả ngay cho tôi biết nếu không tôi sẽ có cách.

Tôi thừa hiểu bọn thực dân đương đi lùng kiếm ảnh của C... một nhà cách mạng quan trọng, người vùng này. Nhưng tôi cũng hỏi:

– C. nào thế, thưa quan đại?

– C. nào? Ông muốn biết C, nào à? C. trưởng ban ám sát của cái đảng mà ông rất quen thuộc. Không những tôi biết ông có ảnh của C, mà tôi còn mới được tin hẩn trốn về đây ăn Tết với ông nữa kia.

– Vậy xin ông cứ lục lợi khám xét thực kỹ có hay không thì ông sẽ rõ.

– Ông nói lý với tôi, phải không? Ông nên biết: những ý tưởng bài Pháp, chống quan lại của ông chỉ sẽ đưa tai hại đến cho ông. Rồi ông sẽ thấy.

Tôi đã thấy. Tôi đã thấy rằng trả lời hẩn chỉ là một việc mất thì giờ vô ích, mà lại thêm khó chịu cho mình và cả cho hẩn. Từ đấy tôi chỉ lạnh lùng im lặng đứng chứng kiến việc lục lợi khám xét hoặc mở khóa rương nọ, ngăn kia. Trong khi ấy thì M, miệng ngậm cái «pip» thuốc

lá to tướng, thản nhiên đi đi lại lại trong căn phòng như con hổ trong cũi sắt trên vườn bách thảo.

Mãi đến 12 giờ khuya việc khám nhà mới xong. Bọn «nhà nước» ra đi, để lại cho chúng tôi mấy gian phòng tung tóe, bừa bộn như vừa bị giặc cướp đến phá phách.

Mấy anh em chị em lặng lẽ nhìn nhau. Bỗng tôi phá lên cười bảo vợ tôi:

– Thôi năm nay thì tha hồ mà rông!

Và ai nấy đều vui vẻ cười theo. Em gái tôi trách tôi:

– Ai bảo anh cứ trêu tức nó, khiêu khích nó vào.

Có chẳng từ hôm ấy mới bắt đầu một chương trình khiêu khích của tôi.

Tự nhiên tôi trở nên một nhà viết báo để thỉnh thoảng gửi bài đăng chơi trên báo Annam Nouveau hay Trung Bắc Tân Văn. Trong những bài vớ vẩn ấy tôi không hề dả động tới lão đại, nhưng mỗi lần thân ra nhà Bưu Chính gửi thư, tôi lại vui sướng và hóm hỉnh nhìn đùa lão chủ sự để nghĩ thầm: "Thế nào chốc nữa thấy trò chúng mày chẳng mở thư của tao ra xem trước!"

Và cũng từ hôm ấy dân phố Ninh Giang nghiêm nhiên thấy tôi trở nên tay kinh địch ghê gớm của "Quan đại". Cuối năm ấy tôi bỏ nghề buôn để theo nghề văn. Các bạn đã thấy sự khám nhà đầu năm rông đến bức nào và cái móng bổ của một con La thuộc địa có công hiệu phá hoại đến bức nào chưa?

(Việt Nam, số Tết Bính Tuất - 1946)

(*) Truyện ngắn “Tây xông nhà” tác giả viết vào cuối năm 1945 và đăng trên nhật báo Việt Nam, số đặc biệt Xuân Bính Tuất - 1946 Khổ giấy 100 x 65 gấp làm 8 trang lớn. Do họa sĩ Nguyễn Gia Trí minh họa. Bìa cũng cùng loại giấy báo, vẽ cảnh «Chó Xuân Bính Tuất» giữ nhà: dân Sirie và Libăng kháng chiến chống Pháp thực dân xâm lược, quyết giành độc lập. Nội dung tờ báo đều do các anh em VNQDĐ và thân hữu viết như Đỗ Tổn, Vũ Hoàng, Phạm Cang, Nguyễn Văn Bảng, Nhượng Tống, Nhất Linh và Khải Hưng v.v...(NTK - 10, 1997)

QUAN CÔNG SỨ

Ngày vui nhất ở trại giam Vụ Bản là ngày phát thư, mỗi tuần lễ một lần. Cái vui âm ỹ, huyền ảo, công cộng chứ không phải cái vui kín đáo âm thầm, riêng biệt của những kẻ xa nhà nhận được tin tức những người thân thích.

Người lính trạm, lưng đeo cái túi vàng bao giờ cũng được anh em chào mừng bằng một tiếng hoan hô, trong khi y leo con đường dốc lên đồn, qua hai quả

đôi cở tranh có anh em làm việc. Mấy người mắc bệnh tê, lưu lại trong trại ngồi phơi nắng trên mặt bể, vội đứng dậy rướn nhìn qua ngọn rào nửa nhọn, mỉm cười. Bắt đầu từ giờ ấy, hơn trăm trái tim hồi hộp mong chờ...

Tiếp đến giờ nghỉ, anh em về trại giam, quên cả rửa mặt, rửa tay, ai nấy dăm dăm nhìn sang phía cổng đồn.

– À! Kia rồi!

Đó là lão đồn già và ông quản sang điểm lại số tù nhân, và cố nhiên mang cả thư sang phát. Ông già cao lớn lực lưỡng tóc bạc như tơ dựng lên trước gió, mỉm cười ranh mãnh nhìn khắp mọi người, trong khi ông quản thân hình lùn mủn, giờ ngón tay trở lăm nhăm đếm.

– Com-bờ-lê, me sừ sếp-đờ-pốt.

Tức thì «Me-sử sắp-đờ-pốt» mở cái cặp bì ra gọi tên hay gọi sẽ từng người có thư, để đưa cho một hoặc hai cái phong bì đã mở. Mỗi khi gặp có lời chú thích ghi trên phong bì, y đều không quên bình lên cho anh em cùng nghe để mà cùng cười: «Kiểm duyệt một trang, vì gia nhân đã đụng chạm tới tình hình Hà Nội». «Số... sẽ phải bảo người nhà không được viết dài quá». «Vợ số... làm gì mà gửi cho chồng những ba cái thư một lúc. Bị gửi trả lại một cái...v.v...»

Những lời phê bình ấy toàn là thủ bút của ông Công Sứ Hòa Bình tự kiểm duyệt lấy tất cả thư tín vãng lai giữa bọn tù chính trị Vụ Bản và những thân thích bạn bè của họ. Ở ngoài phong bì, lời văn còn bình thường, chứ ở ngay trong thư thì mới thực là những công trình văn chương kiệt tác về phương diện triết lý

nghiêm trang cũng như về phương diện khôì hài trào phúng. Người ta cho biết rằng bao giờ «Quan» cũng kiểm duyệt thư từ về đêm trong khi quan nằm mơ mộng bên cạnh cái khay đèn thuốc phiện. Thực vậy, phải có tinh thần sáng suốt của một đồ đệ ả Phù dung mới nghĩ ra được những lời cảm tú.

Chính vì thế mà cái vui nhận thư nhà bao giờ cũng âm ỹ, huyền ảo: Anh em đem những lời «Quan» phê ra phê nhau để mà cùng cười.

– Nghe đâu hấn là một người Tây lai. Không, hấn lại có một phần ba Việt Nam, vì bố hấn là «Pháp chính tông», chỉ mẹ hấn lai thôi. Thế thì một phần tư chứ một phần ba Việt Nam thế nào được.

– Một nửa, một phần ba, hay một phần tư thì cũng là lai, chứ còn gì nữa.

– Tôi muốn gặp thằng cha ấy quá, để xem mặt mũi nó thế nào mà nó láu cá láu tôm, nghịch ngợm đến thế.

Anh em đến Vụ Bản được hơn một tháng rồi mà y vẫn chưa về, tuy đã ba lần lão đồn già báo cáo cái tin quan Công Sứ sắp tới thăm trại giam, khiến lá đơn thảo ra để yêu sách điều nọ điều kia nằm ẹp mãi trong cái cặp da của anh trật tự. Sự mong mỏi đã làm sốt ruột nhiều người, và họ đã thốt những lời nguyên rủa, oán trách. Nhưng trong khi ấy thì thư tín vẫn đều đều tới đúng kỳ hạn và vẫn kèm thêm những lời phê phán, soi mói, có duyên.

– Thằng cha ý chừng là một văn sĩ trào phúng các anh ạ.

Tài, cười ngặt nghẽo, đưa ra phô một cuốn tiểu thuyết chữ Pháp mà y vừa nhận được với một câu Pháp văn an ủi

để trên đầu sách của người bạn Hà thành gửi tặng. Câu văn cầu kỳ và kém cỏi ấy được tăng giá trị và khiến người ta lưu ý cho một chữ «lu» vẫn tắt, dưới ký tên người phê, với dòng chúc tước «Công Sứ nước Pháp tại Hòa Bình». Và Tài, giải thích, Tài, mà lão đồn già mệnh danh là «Nhà triết học số một», và yên trí rằng trong đầu óc chứa đầy những tư tưởng nguy hiểm cho nền thống trị thực dân:

– Nó chửi chữ đấy, các anh ạ. Nó để thế là nó muốn bảo thăm ông bạn tôi rằng nó đã đọc kỹ cái dốt và cái ngông của người tặng sách. Thằng cha này bất trị!

Tiếng cười thét lên ồn ào. Ở cái nơi thiếu tự do ấy, người ta rất thích có những ngôn ngữ cử chỉ tự do. Và người ta xúm nhau lại đem cái anh chàng tặng sách ra làm thịch:

– Thì sao không dùng ngay chữ Việt mà lại đi viết chữ Pháp để nó chế điều vào mặt cho.

– Rõ sính chữ mà lại sính chữ không ra hồn! Đọc xong tiểu thuyết, gửi trả về cho nó xem!

Ai nấy lồng lên để nói một câu ác nghiệt cho hả đôi chút cái khổ bị giam cầm. Họ như lúc nào cũng chỉ chờ dịp để được trút cái giận, cái tức lên một cái gì.

Từ đó người ta lại càng nóng lòng muốn gặp mặt nhà kiểm duyệt phê bình thư tín.

Rồi khi không ai nghĩ đến y nữa thì bỗng một hôm y về, về bất thành lình không báo trước, mà y cũng không một ai ở trại giam biết y về lúc nào, vì không thấy có ô tô lên dốc đồn.

Buổi chiều, trước giờ kèn nghỉ việc, anh em đã được về trại để đón tiếp quan Công Sứ. Có người ngơ ngác hỏi:

– Ông ta về lúc nào?

Một người lính đáp:

– Cụ lớn về lúc mười một giờ nhưng ô-tô phóng thẳng tới dinh quan Châu.

– Sao lại không đến đồn trước nhỉ?

– Đến Châu để còn hút chứ!

– Nghe đâu ông ta cũng không ưa gì lão đồn già.

Lại được một dịp cho dân trại giam bàn tán. Nhưng họ cũng sửa soạn cuộc đón tiếp cho được long trọng: Quét qua cái nhà, xếp lại đồng củi, vắt gọn cái màn. Rồi sau khi thay mặc những bộ quần áo

sạch sẽ, tươm tất, họ ra đứng xếp hàng ở sân.

Một nửa giờ mong đợi. Một tiếng đồng hồ ở cổng. Tiếng rít hãm máy xe. Rồi cổng trại mở. Im lặng, mặt đỏ gay, miệng mỉm cười, quan Công Sứ tiến vào, theo sau là lão đồn già, ông Tri Châu, ông Bác Sĩ và ông Thương Tá Hòa Bình. Đó là một người trung bình đối với dân bản xứ, nhưng bé nhỏ đối với các quý quan. Đôi mắt lơ lơ xanh, cặp môi mỏng dính và cái mũi rất lõ thuộc dòng cha, nhưng mớ tóc đẹp hung hung đen thì không thể không Việt Nam được.

Sau mấy lời giới thiệu của lão đồn già, anh trật tay cầm lá đơn tiến lên, đi lại gần ông chủ tỉnh. Bỗng toàn thể anh em trong trại như bị một gáo nước lạnh dội vào gáy. Cái cử chỉ và lời nói thứ

nhất của người Pháp lai đã cắt phứt ngay mỗi cảm tình gây ra bởi những lời phê có duyên trong các lá thư. Y xòe bàn tay xua anh trật tự ra và vẻ mặt nghiêm khắc y nói:

– Anh nên biết rằng anh đương đứng trước mặt quan Công Sứ.

Câu nói trịnh trọng, Khanh thấy ngụ một ý nghĩa khôi hài, và y bấm người đứng bên cạnh mỉm cười thầm: “Hay hẳn lại điều cốt đùa bốn bọn mình như hẳn vẫn làm trong công việc kiểm duyệt phê bình thư?”

Nhưng không, hẳn không bốn cợt, vì hẳn đã cất cao lời diễn thuyết:

– Hỡi các tù nhân, các anh có biết không, các anh nhỏ mọn quá! Tôi là người thông minh hơn các anh, nhiều

học vấn hơn các anh, lại con nhà quý phái hơn các anh nữa, tôi bảo cho các anh biết rằng các anh chỉ là những đứa trẻ nhỏ mọn....

Bài diễn văn, trong nửa tiếng đồng hồ, kéo dài một giọng gay gắt mỉa mai như thế để kết luận rằng:

– Toàn trại sẽ bị phạt nửa tháng không được gửi thư về nhà, vì trong khi quan Công Sứ đi dưới đường thấp có mấy kẻ đã dám ngồi vắt vẻo trên ngọn thang vô lễ nhìn xuống...

Đọc xong bài diễn văn, ném xuống cái lệnh phạt, viên cai trị quên cả bản yêu sách của trại giam, hăm hăm bỏ sang đồn, đem theo đoàn quan chức rầm rộ kéo đi.

Thoạt đầu, trại giam như thốt nhiên bị một làn không khí độc là xuống bao phủ. Ai nấy thần thờ ngồi im. Có người như lên cơn điên xé nát bức thư vừa viết ra: “Nó không cho phép gửi thì để làm gì. Chó thật! Ngày mai là ngày thư!” Chính cái cử chỉ cái kinh ấy đã làm anh em hết buồn và đồng thanh phá lên cười vui thú. Họ cười to quá, khiến chú 13 canh cổng phải vào can thiệp:

– Se sẽ chứ các ông, cụ lớn mà nghe thấy thì chết cả nút bây giờ!

Anh em đáp lại bằng dịp cười nữa. Và một người giọng như say rượu lè nhè:

– Cụ lớn à? Cụ lớn anh lớn lắm đấy! Chúng tôi bé nhỏ bì sao kịp!

Lịnh lên giọng tây nhại đoạn diễn văn: “Các anh nhỏ mọn quá! Tôi thông

minh hơn, nhiều học vấn hơn, lại con nhà quý phái hơn”. Lại một dịp cười nữa. Trại giam trở nên tấp nập, ồn ào như một ngày hội. Và trong lúc người ta vui thú, người ta quên khuấy cái thất vọng chưa đạt được một yêu sách nào. Nhưng cuộc vui nào cũng có giới hạn và rồi người ta cũng nghĩ đến cái điều thắc mắc. Ý cái anh chàng đa nghi và nhát gan bao giờ cũng tìm ra một nguyên nhân tưởng tượng cho bất cứ một việc gì.

– Tôi đã bảo các anh rằng phải đem bản yêu sách trình ông đồn đã, các anh không nghe, quả nhiên nó xui xiểm lão Sứ trị mình.

– Trị thế quái nào được mình!

– Rồi gửi thẳng bản yêu sách ấy cho Sứ.

– Nếu không ăn thua thì hôm nào người nhà lên nhờ đem về Hà Nội gửi cho thằng Sứ. Cho Toàn Quyền nữa ấy!

Một người thốt ra một câu trách móc:

– Chỉ tại mấy anh đi leo lên ngọn thang ngồi nhìn xuống nó.

– Ai đấy? Ai mà vô lý thế nhỉ?

Linh gắt:

– Ai thì việc cũng đã rồi. Nó đã muốn tìm có để ra oai với chúng mình thì chẳng có có ấy nó cũng có một có khác. Nguyên nhân việc này không phải ở cái thang mà ở chỗ khác, các anh có biết không: nó ngờ bọn mình tuyên truyền rủ rê đội, cai và binh lính ở đây.

Câu chuyện lại xoay chiều tới viên đội trẻ và những bữa rượu thơ trong rừng củi để rồi lại quay về cái thang leo.

– Anh Năm chuyến này thì đi Sơn La! Nó hỏi ai làm cái thang ấy, tưởng nó khen nhận ngay lấy công thôi. Để nó mĩa mai cho.

Một người không hiểu tiếng Pháp hỏi:

– Nó mĩa thế nào đấy?

– Nó bảo anh này thích những cái cao rồi sẽ làm đến thượng thư đấy.

Anh em lại cười:

– Sao không trả lời nó rằng chỉ ao ước một chức be bé thôi. Chúc Công Sứ Hòa Bình chẳng hạn.

Đêm hôm ấy, sau khi bị nhốt trong ba gian phòng chật hẹp, anh em dong nển tụ họp từng nhóm nói chuyện rất khuya về ông Công Sứ Hòa Bình, mặc kèn tắt lửa và mặc những lời đe dọa của người cai trại đi «rông».

Theo Tài, người được toàn thể lính đồn quý mến và luôn luôn cho biết những tin quan trọng thì sở dĩ hôm nay lão Sứ bản tính là vì hấn ta đương khó chịu với ông Cố Đạo về một chuyện kiện cáo thuốc sái gì đó. Anh em có ngay cảm tình với nhà tu hành ấy vì thấy là địch thủ đáng sợ của ông Sứ. Ai biết một bí mật gì về hai cừu nhân đều đem ra kể cho mọi người nghe. Rồi chẳng thềm giữ gìn như mọi tối khác, họ phá lên cười từng cơn.

– Một đoạn thiên của Maugham, các anh ạ, Tài tuyên bố.

Và Khanh tiếp:

– Nhan đề là ông Công Sứ và ông Cố Đạo.

– Không, nhan đề là “Tôn giáo và Cai trị”.

Lịnh chữa:

– Không, là ảnh hưởng khói thuốc phiện! Cũng chưa ổn, phải là một nhà cai trị khôi hài...

Y lại gần thì thầm:

– Thằng cai gác là mật thám của Sứ đấy, các anh nên be bé cái mồm chứ.

Ai nấy giận dữ cự lại cái anh chàng nhát như cây ấy:

– Im ngay! Anh sợ nó thì đi ngủ!

– Nhưng các anh làm liên lụy đến cả trại...

Tiên, người chỉ hùnh hổ những khi biết mình mạnh cánh, đe dọa một câu làm y lảng ngay:

– Câm cái mồm! Không tao đánh bây giờ!

Câu chuyện tiếp tục đến quá nửa đêm trong làn không khí nặng nề đầy khói, vì để phản đối lại bọn cai trị bất công, anh trật tự tháo khoán một đêm nay và cho phép anh em hút thuốc lá thả cửa.

Sự xảy ra đặc biệt ấy làm hoạt động trại giam được mười hôm. Rồi người ta cũng quên nó đi, nhất là cái lệnh phạt gửi thư lại được thu ngăn từ nửa tháng đến một tuần. Nhưng hình ảnh ông Công Sứ

thì không thể phai nhạt được trong ký ức mọi người, mỗi khi họ ngâm nga những lời phê trong thư vẫn đều đều và hóm hỉnh như trước.

Cách đó ít lâu, trong khi không ai mong đợi, viên Công Sứ lại về thăm trại, lần này cùng đi với vợ, một người đàn bà lai, bé nhỏ xinh xắn, vẻ mặt rất thông minh, và một thằng con bảy tám tuổi, đầu tóc chải mượt và quần áo bảnh bao. Cũng như lần trước, Y đi thẳng tới Châu để ăn cơm sáng ở đây. Rồi mặt đỏ gay sắc rượu, Y cùng vợ con, và tùy tùng rầm rộ kéo sang trại giam. Một sự lạ!

Y thay đổi hẳn tính nết, rất nhũn nhặn chứ không kiêu căng nữa, lần thân thân mật nói chuyện với người nọ người kia và thốt ra những câu khôi hài vui vẻ làm ai nấy không nhịn cười được.

Tài ghé tai người đứng bên thì thầm:
 “Có lẽ nó điên! Hay vì ngài vừa chén say,
 hút no, nên ngài khoái”.

Điều đoán phỏng ấy bị cải chính
 ngay bằng sự trao thư từ và các gói quà
 kèm thêm một lời ân cần của viên Công
 Sứ:

– Nhân tiện tôi mang về cho các anh
 các thư này, tuy hôm nay chưa phải là
 ngày phát thư.

Thì ra hẳn có lòng tốt từ trước khi
 say.

Nhưng đã hết đâu: Bất cứ một yêu
 sách gì vừa nêu ra là được chuẩn y ngay,
 khiến lão đồn già phải can thiệp phản
 đối nhiều lần.

Sau khi đoàn công chức ra đi, anh
 em reo mừng. Một anh lắc lư cái đầu,

đọc câu sấm Trạng Trình: “Bất chiến tự nhiên thành, các anh ạ!”.

Đêm hôm ấy là đêm đầu tiên dân trại được ngủ mở cửa theo lời yêu sách và người ta dặt tay nhau đi chơi quanh sân rất khuya dưới ánh trăng thượng tuần để tán dương cái tính ngộ nghĩnh khó hiểu của một viên cai trị thuộc địa.

– Đó là kết quả của ảnh hưởng nước độc và thuốc phiện!

Câu phê bình ấy của Linh vẫn không giảng giải được sự thay đổi bất thành linh kia.

Cho tới một ngày gần đây, một tin dữ dội bay về với trại giam: Viên Công Sứ bị giáng, và đổi đi nhậm chức phó Công Sứ ở một tỉnh Trung Châu. Tin ấy cho biết thêm rằng trong một lúc nóng

tiết và mất hẳn trầm tĩnh y đã thẳng tay tát một ông chủ đồn điền người Pháp giàu có và mạnh thế lực ở trước mặt ông Thanh Tra chính trị lên Hòa Bình điều tra về việc tranh ruộng giữa người Pháp ấy và dân Mường. Thì ra có lẽ y mắc bệnh thần kinh, cái bệnh truyền nhiễm rất thông thường trong giới cai trị thực dân. Ông Thanh Tra tức giận bỏ ra đi, và ngày hôm sau ông Công Sứ bị gọi về Hà Nội. Từ đó dân trại giam Vụ Bản mất hẳn cái thú đọc những câu phê bình hóm hỉnh và khôi hài của người Pháp lai, vụt trở nên, sau vụ giáng chức, một người “Dễ thương” của anh em chính trị phạm.

CÂU CHUYỆN VĂN CHƯƠNG

KỊCH MỘT HỒI

Nhân vật : Quang, Khanh

Phòng riêng của Khanh.

KHANH (ngồi đánh cờ một mình.
Trên bàn sách, giấy bề bộn. Bàn cờ để
trên một cái ghế đầu Khanh, cặm cùi suy
tính nước cờ): – Hừ! Nhảy con mã thấp
quá chừng... Bỗng dưng làm ngòi cho
pháo của nó ...

NHỎ: (Vào) – Báo đây ạ.

(Để báo trên bàn rồi ra).

KHANH: (xóa bàn cờ) – Thôi chịu thua. Chốc gỡ! (cầm báo mở tìm) Đây rồi! (cúi đầu lăm nhăm đọc, nói) Một con vật vừa ở nước vừa ở cạn dài mười một chữ!... Thế là con gì?... À phải rồi. (Cầm bút ký hoáy viết, bỏ bút nghĩ ngợi... tra tự điển...) (Quang vào đứng ngấm mím cười, trong khi ấy Khanh vẫn cặm cụi làm việc).

QUANG: – Làm gì thế?

(Khanh ngừng lên bẽn lẽn và thu xếp báo, giấy bút lại).

KHANH: – Mời anh ngồi chơi.

QUANG: – Đương viết văn đấy à?

KHANH: – Viết lách gì đâu. Đương tìm chữ ô đây.

QUANG: (Cười) – Giời đất này mà đi tìm chữ ô?

KHANH: (Cũng cười) – Giời đất này mới đi tìm chữ ô, chứ giời đất khác đã chả đi tìm chữ ô. À này! Báo người mình xoàng quá, có mỗi một tờ Chính Nghĩa ra được vài kỳ chữ ô rồi tịt. Làm tôi cứ phải mua báo Pháp về tìm chữ ô Pháp vậy. Mỗi tờ tuần báo Pháp đấy, anh coi, tôi có thèm đọc đâu, tôi chỉ xem có mỗi một mục chữ ô. Làm xong bảng chữ ô, là tôi xếp lại. Anh tính còn có cái gì đáng xem nữa. Mà xem để làm gì!

QUANG: – Xem để biết.

KHANH: – Biết để làm gì?

QUANG: – Biết vì tò mò.

KHANH: – Thiếu gì cái tò mò muốn biết. Chẳng hạn chữ đồng nghĩa với

ménagera và dài mười một ô mà mình lại chả tò mò muốn biết là chữ gì à?

QUANG: (Cười) – Không ngờ anh lẩn thần được đến thế. (Nhìn thấy cái bàn cờ). Anh vừa đánh cờ với ai thế?

KHANH: – Tôi đánh cờ với tôi.

QUANG: – Đánh cờ một mình?

KHANH: – Đánh cờ một mình thế mà nhiều khi gặp nước bí cũng tức uất lên đấy.

QUANG: – Nhưng đánh cờ và tìm chữ ô thì làm gì hết được ngày giờ. Cũng phải làm việc gì nữa chứ.

KHANH: – Đánh Belote nữa.

QUANG: – Cũng đánh một mình?

KHANH: – Chả đánh một mình thì

đánh với ai! Cờ thì một giữ địa vị hai địch thủ thôi, chứ Belote thì một giữ những bốn cửa, hai phe, hai mặt trận... Lắm khi phe nọ cứ là vỡ mặt ra với phe kia!

QUANG: (Lắc đầu) – Anh buồn nản lắm phải không?

KHANH: – Việc gì mà buồn nản, vui chứ. Trước kia vui vì viết văn, ngày nay vui vì không viết văn. Một nghệ sĩ thì bao giờ mà không vui, không sướng, bao giờ mà không tận hưởng. Tận hưởng cái thú làm việc cũng như tận hưởng cái thú chẳng làm gì, cũng như tận hưởng cái thú tìm chữ ô và đánh cờ một mình.

QUANG: – Không được! Không thể thế được! Ngày nay ta đương ở vào thời kỳ kiến thiết quốc gia. Ai ai cũng phải làm việc tận kỳ lực. Không thể coi công việc của mình như một lạc thú ở đời...

KHANH: – Cả công việc xúc tiến tới sự sinh sản tăng nhân số?

QUANG: – Anh không đứng đắn một tý nào. Anh dám coi thường cái nhiệm vụ thiêng liêng của anh, trong thời kỳ kiến thiết triệt để này. Trong khi hết thấy mọi người đều phải nhúng tay vào công cuộc xây dựng cái lâu đài Việt Nam mới bắt đầu thì một mình anh, anh khoanh tay đứng... cũng không đứng nhìn nữa.

KHANH: – Nhưng tôi khoanh tay đứng nhìn hay không nhìn đâu. Tôi cũng vẫn bận bịu như xưa. Xưa tôi viết văn thì nay tôi tìm chữ ô, đánh cờ một mình. Hai công việc ấy phỏng có gì khác nhau?

QUANG: – Tôi nhận thấy có một điều, là ít lâu nay trong làng văn chúng ta có nhiều người trở nên nhẹ dạ, khinh

bạc. Tôi không hiểu đó có phải là kết quả của cuộc đời không? Bước chân vào cuộc đời mới mẻ, các anh ngỡ ngàng, hoang mang, rồi các anh dần dần để tiêu tán mất cả chí hoạt động phấn đấu, các anh chán nản...

KHANH: (Cười) – Chúng tôi? Còn anh thì anh không ngỡ ngàng, không hoang mang, không để tiêu tán dần dần mất chí hoạt động phấn đấu? Có phải thế không? Nếu đúng thế thì điều nhận xét của anh hãy còn thiếu sót, hoặc giả anh không muốn nói hết ý nghĩ của anh. Quả có nhiều người ngỡ ngàng hoang mang, mỗi khi xảy ra một cuộc biến cải, một cuộc Cách mệnh. Nhưng vì sao mà họ ngỡ ngàng hoang mang? Há chẳng phải vì họ xông vào trong cuộc đời mới ấy. Họ như những người lính chưa tập đi bỗng lảo đảo nhập ngay vào hàng ngũ một đội

quân tinh nhuệ. Thử hỏi làm gì mà họ không bỏ ngõ hoang mang? Còn anh, và một số ít người như anh có sẵn thiên tư đồng hóa, nên chẳng bao giờ bỏ ngõ hoang mang trong giây phút, rồi chỉ “một hai” vài bước là đi thẳng hàng, đồng nhịp ngay với dây người đời trên con đường đời thẳng tắp. Đối với những người siêu việt ấy thì biến một quan niệm cũ thành một quan niệm mới chỉ giản dị như bỏ một bộ quần áo mỏng để mặc một bộ quần áo dày cho ấm. Phỏng có khó gì.

QUANG: (Cười) – Anh mĩa mai tôi, tôi biết lắm. Dẫu sao sự nhận xét của anh cũng đúng đấy. Nhưng nếu anh cho rằng tôi thay đổi quan niệm dễ dàng như thay đổi một bộ y phục thì có lẽ anh nhầm. Thay đổi được quan niệm, tôi cho cũng là một việc khó khăn. Nói chi phường a dua xu thời, tôi chắc anh không nỡ đặt

bạn anh vào bọn đó, còn những người thành thực muốn theo một quan niệm mới mà họ tin chắc là hợp lý hơn, hợp lẽ sống hơn cái quan niệm cũ của họ, thiết tưởng những người ấy đã không thể không qua một thời kỳ suy nghĩ, do dự, nhút nhát, sợ hãi. Mà, nói câu này anh đừng vội giận, chính anh, biết đâu anh hiện giờ không ở trong thời kỳ đó. Biết đâu không phải vì suy nghĩ tìm tòi mãi mà anh không thấy lối ra, biết đâu không phải vì do dự, nhút nhát, sợ hãi mà anh lẩn thẩn đi đánh cờ một mình, và mất hàng giờ đi tìm một chữ dài mười một ô đồng nghĩa với chữ ménagera?

KHANH: Anh nói đúng, nhưng cũng chỉ đúng một phần nào đó. Sự thực thì tôi có do dự, nhút nhát trước khi bước vào hàng ngũ của các anh, cũng như không khi nào tôi bỏ được cái lý tưởng mà tôi

thờ phụng trong thâm tâm một khi tôi đã nhận nó là lý tưởng duy nhất của tôi. Sở dĩ tôi do dự, nhút nhát là chỉ do dự nhút nhát về một phương diện theo đuổi cái quan niệm của tôi, cái quan niệm văn chương, nghệ thuật mà bao giờ tôi cũng vững chắc tin tưởng. Luôn luôn tôi tự bảo tôi: “xưa nay mình chỉ viết cho mình, chỉ viết để thỏa mãn lòng sốt sắng muốn viết, để thỏa mãn những nhu cầu của một tâm hồn bất rút, trong một xã hội dưới một chính thể không thích hợp với nó ...”

QUANG: (Cười) – Và nay anh không viết là vì tâm hồn anh không đòi hỏi một nhu cầu nào nữa, là vì cái xã hội hiện thời, cái chính thể hiện thời không thích hợp với tâm hồn anh. Có phải thế không?

KHANH: – Không hẳn thế. Vả tôi nghỉ viết, tạm nghỉ viết, không phải là không viết nữa. Tôi đã bảo anh rằng tôi do dự, nhút nhát. Nào có phải tôi sợ hãi gì đâu, sợ hãi ai đâu. Nhưng tâm hồn tôi muốn lắng lại để mà chờ đợi một cái gì, tôi cũng chưa biết là cái gì, nhưng chắc là một cái mới mẻ, lạ lùng, đẹp đẽ lắm, tâm linh tôi như báo cho tôi biết thế...

QUANG: (Cười) – Vì thế mà anh tạm tiêu phí thời giờ bằng cách tìm chữ ô và đánh cờ một mình. Về phần tôi, thì không thể bình tĩnh được. Tâm hồn tôi không bao giờ chịu lắng xuống để chờ đợi. Lúc nào nó cũng giương lên, réo lên như nước thủy triều. Hoạt động! Hoạt động! Chỉ có hoạt động là đáng kể! Hoạt động là sống, đợi chờ là chết. Lại điều này nữa, bao giờ tôi cũng muốn gõ cùng một nhịp với mọi người, hơn thế bao giờ

tôi cũng muốn có liên lạc giữa tôi và đại quần chúng. Trái ngược với người chơi đồ cổ đi tìm giữ những cái hiếm không một ai có, tôi, tôi chỉ thích có những cái mà ai ai cũng có, làm những việc mà ai ai cũng làm. Anh đã thấy đấy, tôi rất ghét sách quý, và dù nhà xuất bản có dành cho tôi một ít sách quý, tôi chỉ sung sướng khi đọc những cuốn sách thường, vì tôi tưởng tượng trong lúc tôi đọc, có biết bao nhiêu người cùng đọc với tôi, và có lẽ cũng có những cảm tưởng như tôi.

KHANH: (Mỉm cười, đột ngột) – Anh có đặt tin tưởng vào ba cái tính cách đại chúng, dân tộc và khoa học của nền văn chương mới không? Chắc có?

QUANG: – Có mà không.

KHANH: – Sao lại có mà không?

QUANG: – Có, là vì, dù tôi không tin, văn chương vẫn cứ phải đi vào ba con đường ấy. Không, là vì tôi cho văn chương trước hết phải là văn chương. Nếu cứ câu nệ với ba điều kiện dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa thì rồi có khi văn chương sẽ không còn là văn chương nữa...

KHANH: (Cười to nói tiếp luôn) – Mà chỉ là những thí dụ, những trình bày của sự dân tộc hóa, sự khoa học hóa và sự đại chúng hóa. Tôi không thể nhịn cười được khi nghe một... không phải một văn sĩ mà một nhà Cách mạng dạy tôi ba cái hóa ấy ngay mấy hôm sau ngày khởi nghĩa. Ông ấy lại xui tôi đăng báo để tuyên cáo với quốc dân cái quan niệm mới ấy của tôi về văn chương nghệ thuật nữa. Thì ra những lời sám hối, những bản tuyên ngôn đổi hẳn quan niệm về

văn chương mà chúng ta thường được đọc trên báo có lẽ cũng chỉ do lời khuyến bảo, thúc dục của một ông bạn Cách mệnh mà có, chứ vị tất đó là kết quả của suy xét, và tin tưởng.

QUANG: – Nhưng anh có tin rằng thế nào cũng phải dân tộc hóa, khoa học hóa và đại chúng hóa văn chương không?

KHANH: – Tôi không cần tin hay không tin. Mà văn chương cũng không cần đến tôi tin hay không tin những điều đó. Tôi chỉ nhận thấy rằng nhà tiểu thuyết đã đưa nghệ thuật tiểu thuyết lên tới mực cao nhất là Dostoievski. Mà đại chúng thì chả thể nào hiểu được Dos., vì muốn nói sao mặc lòng, chúng ta có viết cho ai đâu, chúng ta chỉ viết cho chúng ta. Bao giờ một nhà văn cũng chả ích kỷ, và chính nhờ về lòng ích kỷ ấy mà họ đã giúp ích cho nhân loại bằng cách

đem phô diễn những cái sâu kín, âm thầm, bản khoăn, uất ức mà người ta chỉ thành thật viết ra khi nào người ta viết cho người ta, viết để được trút cái gánh nặng đè trĩu tâm hồn. Những cái sâu kín, âm thầm, bản khoăn, uất ức của nhà văn ấy cũng là những cái sâu kín, âm thầm, bản khoăn, uất ức của nhân loại, hay nói giọng người đời nay, của đại chúng. Văn chương chỉ có tính cách đại chúng hiểu theo nghĩa ấy. Nhưng người ta lại cứ muốn hiểu theo nghĩa: “văn chương phải giản dị, thẳng như ruột ngựa để cho đại chúng hiểu nổi!” Thực là tai hại! Còn khoa học hóa là thế nào? Thực tôi cũng không hiểu rõ đấy.

QUANG: – Là bất cứ việc gì xảy ra cũng phải hợp khoa học không thể tả một vật nặng rơi lên trời được chẳng hạn.

KHANH: – Nghĩa là không được tả *ma quỷ, hồ, tinh*? Như thế thì bộ Liêu Trai sẽ bị đốt mất. Tôi thì tôi hiểu khác. Là nhà văn phải áp dụng các phương pháp khoa học trong cách kết cấu và sự hành văn. Nếu thế thì văn chương được khoa học hóa đã từ lâu rồi. Và khoa học đây chỉ là kỹ thuật trong sáng tác, có chi lạ. Một tác giả ít học rất có thể thiếu kỹ thuật, và sự thành công của y, nếu thành công chỉ là một sự may mắn, một sự hú họa.

QUANG: – Anh nói đến Dos, khiến tôi lại nghĩ đến cái hội Dostoievskiens của người mình.

KHANH: – Người mình mà cũng có cái hội ấy như ở bên Pháp, bên Âu? Điều ấy kể cũng hơi ngộ, nhưng nó chứng tỏ rằng cái mộng dân tộc hóa văn chương

của anh là một ảo mộng. Trái lại, theo ý tôi, muốn nâng cao trình độ giá trị văn chương nước mình, mình phải nhân loại hóa nó đi. Mình tả người, nhân vật của mình trước khi là người Việt Nam phải là người. Mà khi nó là người, nghĩa là nó sống chứ không ngo ngoạy như thằng lật đật thì nó sẽ gần được hết mọi hạng người và hết mọi giống người. Dân tộc hóa? Pearl Buck, có dân tộc hóa những tác phẩm của bà không? Mà nếu bà dân tộc hóa chúng nó thì trong bản khai sinh chúng nó sẽ khai là Trung Hoa hay là Hoa Kỳ? Dân tộc hóa? Trời ơi, các anh định đặt luật lệ khuôn mẫu cho nhà văn? Các anh định trói chúng tôi lại, rồi khi chúng tôi lấy tư cách là người, người của nhân loại, chúng tôi phản đối lại bằng cách tìm chữ ô và đánh cờ một mình thì các anh bảo chúng tôi là bọn lạc hậu. Các

anh thì không lạc hậu, nhưng các anh cứ ồn ào lên, bầy nhặng lên, rồi các anh sẽ lạc lõng cho mà xem.

QUANG: (Cười) – Làm gì mà anh tức giận vô lý thế?

KHANH: – Dân tộc hóa? Ừ tôi hãy hỏi anh, những nhân vật tả trong những tác phẩm của Pearl Buck có hoàn toàn Tàu không? Có thể so sánh được với những nhân vật trong Thủy Hử hay Hồng Lâu Mộng không? Không kém, không hơn, anh có thấy thế không? Thế thì khi người ta đã tới nghệ thuật, khi người ta đã có một kỹ thuật vững chắc, thì người ta bất chấp cái “dân tộc hóa” của các anh. Bây giờ, ví thử Bồ Tùng Linh của tôi sống lại, và ví thử ta đem ném ông sang Paris thì rồi ông sẽ viết những truyện Liêu Trai Paris một trăm phần trăm cho mà xem.

Các anh, các anh chỉ nói “hóa” sông chứ một “nghệ sĩ”, thì bao giờ cũng thực hành “hóa”, mà hóa của người ta có muôn hình vạn trạng, trăm màu nghìn sắc của con người sống giữa vạn vật.

QUANG: (Cười) – Bạn tôi hôm nay mới thực thổ lộ can trường. Mà như thế bạn càng có tội với sự kiến thiết quốc gia, hay ít ra cũng với nền văn chương nước nhà. Là vì nếu cái “hóa” của anh đã theo muôn hình vạn trạng, trăm màu nghìn sắc của người và vật, thì vì có gì anh được phép bỏ qua cái hình trạng và những màu sắc rất rục rở của cái giờ phút anh đang sống?

KHANH: (Mở tự vị tìm chữ) – Tôi có bỏ qua đâu, tôi đương sống, sống triệt để.

QUANG: (Cười) – Bằng cách tìm chữ ô?

KHANH: – Và đánh cờ một mình. Trong khi ấy thì tâm hồn tôi đang lắng xuống, như tôi đã nói với anh... Các anh nhận lắm kia!

QUANG: (Cười đứng dậy) – Thôi tôi xin về để anh tìm chữ ô. Và tôi mong...

KHANH: (Cũng đứng dậy cười tiếp) – ... Đọc bản tuyên ngôn thay quan niệm văn chương của tôi chứ gì.

QUANG: (Bắt tay Khanh) – Nhưng dẫu sao tôi cũng rất lạc quan về anh. Anh chưa chết được.

KHANH: (Bắt tay) – Cảm ơn anh. Nhưng tôi cũng nhất định không sống mà chỉ đi theo một cái gì.

QUANG: – Thôi chào anh.

KHANH: – Chào anh.

(Quang ra – Khanh đứng sững suy nghĩ một phút rồi ngồi xuống cúi đọc bản chữ ô).

MÀN HẠ

DƯỚI ÁNH TRĂNG

BI KỊCH MỘT HỒI

Nhân Vật:

Khoa: Quốc Dân Quân 30 tuổi

Thức: Vệ Quốc Quân 20 tuổi

Cảnh trên đồi sau một cuộc kịch chiến. Một xác chết bận nhung phục bên một bụi cây. Rải rác vài cây súng trường, bao đạn, mũ sắt.

Đàng xa tiếng súng còn nổ, gần đây tiếng cú còn thưa nhịp. Lúc màn kéo lên,

trắng khuất trong đám mây dày. Cảnh mờ mờ tối. Khán giả không trông rõ người mà chỉ nghe thấy tiếng rên rĩ – Hai ba phút, trắng tỏ dần.

Khoa như vừa thức sau một giấc ngủ, thông thả ngồi dậy ngơ ngác nhìn chung quanh, ngửa mặt nhìn trời rồi lắng tai nghe ngóng. Bỗng giữa những tiếng gió, tiếng sâu kéo dài, y thoáng nhận rõ có tiếng người rên rĩ – Y cúi xuống tìm tòi và tìm thấy cách chỗ y ngồi độ một thước một người vện nhưng phục nằm úp mặt bên cạnh khe một tảng đá lớn. Y lại gần gượng nhẹ lật ngửa người ấy lại, thấy máu ướm đầm một bên sườn. Bất giác y rung mình đưa tay sờ đầu, thân thể và tay chân mình.

KHOA (Mỉm cười sung sướng):
Hơ! (Cúi xuống nói với Thúc) – Anh bị thương?

THỨC: (Gật).

KHOA: (Nắn se sẽ) – Ở sườn bên phải?

THỨC: (Gật).

KHOA: – Để tôi băng bó tạm cho nhé? (Tháo thắt lưng da, cởi áo ngoài, áo lót mình cho Thức) Đích rồi, bên phải, ngay dưới xương sườn, may ra thì không trúng thận. Không nặng lắm đâu, chỉ trúng mạng mỡ... Anh mệt và ngất đi chỉ vì máu ra nhiều quá.

THỨC: (Mỉm cười vớ vắn) – Em chết mất anh ạ.

KHOA: – Không, không chết! Cứ yên tâm để tôi băng bó cho (Mở túi lấy ra một cuộn băng).

THỨC: – Quân ta thắng?... Phải không?

KHOA: (Ngắm nghía dấu hiệu gắn trên mũ chào mào của Thúc rơi bên cạnh, y yên lặng nâng Thúc đặt ngòai dựa vào tảng đá rồi bắt đầu bôi thuốc và quấn băng cho Thúc).

THỨC: – Thằng... Phải không anh?

KHOA: – Thằng! (Vẫn quấn băng cho Thúc).

THỨC: – Anh không bị thương ư?

KHOA: – Không (Mỉm cười sung sướng). Không. (Vừa quấn băng cho Thúc).

THỨC: – Anh ở đội... quân cứu thương?

KHOA: – Ừ (Suy nghĩ như nói một mình). Tôi vẫn tưởng tôi bị thương, nhưng hình như không thì phải. Tôi nhớ

ra rồi, bên địch tấn công dữ dội, bên mình phản công, tất cả ra mặt trận. Cả đội cứu thương, lúc ấy tôi bắt đầu lên cơn sốt kịch liệt nhưng cũng xin ra tiền tuyến. Với khẩu súng lục tôi xông bừa lên đồi. Chừng đến đây thì tôi ngất đi nằm vật ra bất tỉnh sau khi đã bắn hết cả một sắc-dơ (Nhìn quanh mình). Mà súng của tôi cũng rơi đâu mất.

THỨC: (Ngắm nghĩ) – Anh tấn công... lên đồi?

KHOA: (Quấn băng xong cho Thức) – Anh đau lắm phải không?

THỨC: – Anh còn sốt không?

KHOA: (Đưa tay sờ trán) – Còn hơi thôi. Chỉ nhức đầu.

THỨC: – Em khát quá... Ước gì được ngậm nước.

KHOA: – Vì ra máu nhiều quá đấy! Ở đây thì làm gì có nước, phiền quá nhỉ! Cái khát này không phải là khát nóng mà bảo bịa ra câu chuyện rừng mơ để đánh lừa như Tào Tháo được (Cười – Thức cũng mỉm cười). Để tôi xoay (Đứng dậy nhìn xuống phía dưới). Khá rồi, dưới chân đôi lếp lách có dòng suối chảy (Giữa lúc ấy có tiếng súng nổ ở xa xa).

THỨC: – Anh ngồi xuống... không chết...bây giờ... vẫn còn đánh nhau kia à?

KHOA: – Ối chà! Cần quái gì! Có cái gì mức nước không nhỉ?... À đây cái ca khổng lồ này thì tha hồ mà uống (Cầm cái mũ sắt soi lên ánh trăng). May không thủng.

THỨC: – Anh nên bò... mà xuống... đừng đi, nó... bắn... chết... sáng trăng tỏ lắm.

KHOA: – Được. Không sợ!

(Xuống đồi).

(THỨC: Yên lặng lắng tai nghe tiếng cú và thỉnh thoảng tiếng súng nổ ở đằng xa. Trăng bị bóng mây che khuất trong một phút khiến cho cảnh đồi tối lại).

(Khoa bưng cái mũ nước lên).

THỨC: – Anh về đấy à?... Em chỉ sợ... anh trúng đạn.

KHOA: (Cười) – Thì anh chết khát phải không? Tôi chưa chết được đâu anh ạ. Còn phải sống để đánh nhau chứ, nhỉ?

THỨC: (Thở dài) – Không biết... bao giờ mới yên?

KHOA: – Nhưng uống nước đã! Mát hơn nước suối Chapa cơ. (Tiếng súng nổ).

THỨC: – Anh ngồi xuống!... đứng thế... nguy hiểm lắm.

KHOA: (Quỳ xuống ghé mũi nước vào miệng Thức).

THỨC: (Uống một hơi nước rồi thở ra khoan khoái mỉm cười) – Mát ruột, dễ chịu quá! Cảm ơn anh.

KHOA: – Nếu tôi là Quốc Dân Quân thì anh có cảm ơn tôi không? (Thức im lặng mỉm cười) Nếu bây giờ tôi bảo anh rằng tôi là Quốc Dân Quân thì anh nghĩ sao nhỉ? (Thức vẫn im lặng mỉm cười) Hơn thế, tôi bảo anh, anh bị thương là do một phát súng tôi bắn thì anh nghĩ sao?

THỨC: (Mỉm cười im lặng nhìn Khoa).

KHOA: – Anh không tin? Anh không

tin tôi là Quốc Dân Quân? Đây anh coi!
(Ghé sát vai áo có dấu hiệu Quốc Dân Quân vào mặt Thức).

THỨC: (Im lặng suy nghĩ) – Tôi chắc thế nào... cũng chết, vậy.... thiết tưởng... anh chả cần... bắt tôi làm tù binh... làm gì?

KHOA: (Cười) – Tôi bắt anh làm gì! Nhưng anh thấy không, ngôn ngữ anh đã thay đổi rồi đấy! Anh đương anh anh em em vui vẻ với tôi, chợt biết tôi là Quốc Dân Quân anh đổi giọng ngay! Xứng em với một đảng viên của một địch đảng, anh ngượng mồm phải không?

THỨC: (Im lặng một lát trong khi Khoa ngừng mặt ngăm trắng) – Nhưng sao anh lại băng bó cho tôi?... Sao anh... lại...

KHOA: – Sao tôi lại cứu anh! Vì nhiều lẽ. Trước hết vì... vì anh bị thương... mà anh bị thương thì phải băng bó. Tôi băng bó cho anh không phải vì anh là hay không là Việt Minh mà chỉ vì anh bị thương. Trong đời tôi, tôi đã băng bó cho biết bao nhiêu người mà chưa một ai hỏi tôi vì sao tôi băng bó cho người ta.

THỨC: – Anh làm khán hộ?

KHOA: – Tôi học trường thuốc, sắp thi ra thì bị bắt giải đi căng. Ở đấy người ta giao cho tôi coi nhà phát thuốc, và tôi đã chữa cho hàng trăm người mắc bệnh, cả lão đồn coi trại giam và gia đình lão ta, thế mà chưa bao giờ lão ta hỏi tôi vì sao tôi lại trông nom cho lão ta và vợ con lão ta... Đau đớn không, lần này là lần đầu tiên tôi được nghe một người đồng bào hỏi tôi cái câu thắc mắc ấy!

THỨC: (Ngẩn ngơ) – Tôi...

KHOA: – Anh thử cố gắng xưng em với tôi như ban nãy xem nào? Tôi cũng có một người em suýt soát tuổi anh, nhưng nó chết rồi, chết trong trận Phong Thổ cùng với ngót trăm anh em Quốc Dân Quân.

THỨC: (Nức lên khóc).

KHOA: – Em tôi đã chết. Cái chết của nó rất hợp lý, rất đáng kính. Đến như chúng ta mà chết... thực mĩa mai! Thực đau đớn! Thì cái chết ấy chỉ là một sự may mắn: chết để khỏi phải giết người đồng chủng... Mỗi khi một đảng viên đảng tôi bị một đảng viên đảng anh bắt được lại bị người ta thuyết lý, bị người ta tuyên truyền. Và bao giờ người ta cũng bắt đầu bằng câu này: “Các anh đi nhầm đường”. Thiết tưởng phải nói chúng ta đi

nhầm đường mới đúng... Phải, chúng ta đi nhầm đường cả. Say sưa cái chủ nghĩa viễn vông, cái lý tưởng mơ hồ, chúng ta quên rằng chúng ta là anh em trong một nhà.

THỨC: (Mỉm cười) – Biết thế, sao anh lại còn đi vào... con đường ấy?... Tôi thì tôi chẳng cần biết... con đường nào. Tôi chỉ biết nhà tôi là một nhà... cách mạng... Cha tôi bị đẩy ra Côn Đảo... rồi chết ở đấy. Tôi chỉ nối chí cha tôi và theo đuổi cách mạng, thế thôi.

KHOA: – Thì tôi cũng thế. Tôi vào đảng chỉ mong được hy sinh tính mạng cho Tổ Quốc. Nhưng nói anh và tôi, chúng ta đều không có trách nhiệm trong sự đi nhầm đường của cả đoàn thể cũng không được. Đáng lẽ chúng ta phải can đảm, cương quyết, cực lực phản kháng sự chém giết lẫn nhau. Đảng này trái lại,

chúng ta đã để họ dắt đi như dắt một đàn bò ra lò sát sinh. Chúng ta đã đại dốt ngu ngốc nghe những lời tuyên truyền xảo trá của họ... để đến nỗi... bao lực lượng... chống ngoại xâm chúng ta đem ra đập vào nhau cho tan nát như cá m... nhưng... cũng chưa có muợn đâu anh ạ (Thấy Thúc lim dim nhắm mắt) Anh sao thế ? (Thúc lờ đờ mở mắt) Anh mệt lắm, phải không? Thôi anh nằm nghỉ. Nhắm mắt lại (Lấy túi đệm vào lưng rồi che áo lên người Thúc).

THỨC: (Mỉm cười) – Cám ơn anh, em chết mất!

KHOA: – Không, anh không chết (Nắm cổ tay xem mạch) mạch đều lắm. Thôi tôi ngồi im để anh nghỉ nhé!

THỨC: (Lắc đầu) – Không, anh cứ nói đi.

KHOA: – Nhưng nhất định không nói đến đảng phái nữa. Thế cũng là một cách ta giả thù họ...

THỨC: (Đăm đăm nhìn Khoa) – Anh mất... tin tưởng rồi sao?

KHOA: – Bao giờ mất tin tưởng được... nhưng thôi nếu chúng ta lại quay câu chuyện về ngả ấy thì nó lại miên man không bao giờ hết (Nói lảng) À! tên anh là gì nhỉ? (Thức ngẩn ngù) Tên thực ấy, chả cần giấu diếm nhau làm gì. Tên tôi là Khoa. Còn anh?

THỨC: – Tôi là Thức.

KHOA: – Đã đến 20 chưa?

THỨC: – Đúng 20.

KHOA: – Anh trẻ lắm nhỉ? Còn đi học chứ?

THỨC: – Tôi đang theo học lớp nhất trường trung học thì bỏ...

KHOA: – Để xin vào Vệ Quốc Đoàn?

THỨC: – (Gật).

KHOA: – Cũng phải, đương lúc quốc gia hữu sự mà còn cắp sách đi học thì cũng sốt ruột (Cất tiếng ngâm):

Chàng tuổi trẻ vốn giòng hào kiệt,

Xếp bút nghiên theo việc đao cung.

Thành liền mong tiến bộ rồng.

*Thuốc gươm thể quyết chẳng dong giặc
trời.*

Trí làm trai dặm nghìn da ngựa

Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao.

Giã nhà đeo bức chiến bào...

(Ngừng bật)

THỨC: – Anh ngâm nữa đi... giọng anh tốt lắm... Anh ngâm đi!

KHOA: – Chỉ nhớ có ngân ấy câu. Anh có thấy hay không? Bây giờ làm gì có bệ rồng nữa để mà đem tiến thành liền. Tiến cho ai?

THỨC: – Cho tổ quốc.

KHOA: – Nhưng chúng ta phải đau đớn mà tự thú rằng... chúng ta chưa từng thử gươm vào một tên giặc Giời nào (Cười).

THỨC: – Anh vui tính quá.

KHOA: – Vậy chúng ta nói chuyện vui đi! Cười đi! Ca hát đi! Đọc thơ đi! Trăng sáng quá! Trời mát quá! Cảnh nên thơ quá! Kia! Sao lại khóc thế?

THỨC: – Nếu em chết... thì mẹ em khổ sở lắm!..

KHOA: – Đã bảo không chết mà lại cứ buồn mãi. Người ta là bác sĩ người ta lại không biết hơn anh hay sao? Bà ở Hà Nội phải không?

THỨC: (Gật) – Phố Huế.

KHOA: – Ở một mình?

THỨC: – Ở với em gái tôi, em Mùi còn nhỏ... mới 15 tuổi... nên mẹ tôi cứ ép tôi lấy vợ. Nhưng anh tính đời mình... có chắc chắn gì, mà đã vội cưới vợ.

KHOA: – Anh có vị hôn thê rồi?

THỨC: – Chưa... anh ạ... Kể thì có hai ba cô đấy... nhưng em phân vân... chưa biết chọn cô nào...

KHOA: – Vì cả ba đều xinh như mộng phải không?

THỨC: – Không hẳn thế... nhưng cả ba cùng... yêu em lắm... nên chọn cô nọ em sợ mất lòng hai cô kia.

KHOA: – Nghĩa là anh cùng yêu cả ba cô chú gì?

THỨC: (Sau một phút im lặng) – Mộng vàng tan Em Tuyết, em Đào, em Lan! Từ đây vĩnh biệt!

KHOA: – Anh làm thơ đấy à?

THỨC: – Không! Ồi giời! Ồi giời!

KHOA: – Anh vẫn đau?

THỨC: – Nó cứ đau nhói lên từng cơn... mà mệt hết cả hơi... em tưởng tượng nếu... không có anh... ngồi nói chuyện... thì em không gượng được... em sẽ ngủ thiếp đi... rồi không dậy nữa.

KHOA: – Chỉ nói nhảm! Việc gì mà chết!... Tên ba cô ấy là Tuyết, Đào và Lan?

THỨC: – Phải... có lẽ Tuyết đẹp nhất... nhưng Đào lại ngoan nhất... còn Lan thì ngây thơ nhất.

KHOA: – Nếu ba cái đức tính đẹp, ngoan và ngây thơ chung đúc vào một cô thì có lẽ cô ấy đã có điểm phúc được anh kén chọn làm vị hôn thê rồi, phải không?

THỨC: (Thở dài) – Điểm phúc hay vô phúc?... Anh đã có vợ chưa?

KHOA: – Đã. Và hai con, một gái một trai.

THỨC: – Sung sướng nhỉ!

KHOA: – Sung sướng hay khổ sở! Thằng con trai tôi năm nay mới có 18 tháng. Nó hay quá anh ạ, bất cứ việc gì

cứ làm qua một lượt là nó bắt chước liền. Nghe thấy tôi hát nó cũng hát, mà hát thì chẳng còn ai hiểu là bài gì, trừ mẹ nó và vú em ra. Anh mà nghe nó hát bài Tiến Quân Ca thì anh phát cười nôn ruột. Chẳng còn một tí gì là tiến quân ca nữa.

THỨC: – Anh... dạy nó hát bài Tiến Quân Ca... cơ à?

KHOA: – Nào tôi có dạy! Mà cũng chẳng biết ai dạy nó nữa. Chả bên láng giềng là một gia đình đông trẻ, chúng nó cứ cả ngày «Đoàn quân Việt Minh» với «Hồ Chí Minh muôn năm»... Chùng những bài hát ấy đã lọt vào tai cháu.

THỨC: – Chắc anh tức lắm đấy nhỉ?

KHOA: – Tức cái gì? Anh bảo tôi tức cái gì?

THỨC: – Vì luôn luôn những bài hát kia lọt vào tai anh...

KHOA: – Tức thì không tức nhưng nghe mãi cũng nhàm tai. Nếu tức thì câu chuyện này còn đáng tức hơn: Cái Mùi con gái tôi, ấy tên nó cũng là Mùi như tên em gái anh. Năm nay nó lên sáu. Suốt ngày nó sang chơi bên lán giếng mà nhà ấy lại là một nhà Việt Minh, thành ra nó bị Việt Minh hóa. Chào Việt Minh, ủng hộ Hồ Chủ Tịch. Diệt phát xít, rồi kể chuyện bắt Việt gian, bắt quân phản động, nghe chuyện nó thì cứ tức cười chảy nước mắt được.

THỨC: (Mỉm cười) – Cười chảy nước mắt... hay khóc chảy nước mắt đấy?

KHOA: – Anh rõ lẫn lộn! Việc gì mà phải khóc. Trẻ con nó chơi đùa ấy mà! Với lại nói câu này chắc anh khô-

ng tin: Tôi muốn gây tự do tín ngưỡng, tự do tư tưởng cho con tôi ngay từ thuở nó còn non nớt. Bây giờ thì cố nhiên nó không biết gì về đảng phái, về lý tưởng, về chủ nghĩa, nhưng nó sẽ lớn lên với lòng nhân từ, khoan thứ, nó sẽ thấy rằng cha nó là người rộng lượng, biết trọng tự do cá nhân của người khác dù kẻ ấy là con mình, là một đứa con gái nhỏ... Có phải không anh, vì sao cha nó là đảng viên V.N.Q.D.Đ. mà con lại không là Việt Minh được? Điều quan trọng là chúng ta nên dạy cho con chúng ta hiểu rằng không được a-dua vào một đảng nào không chỉ vì cha mẹ tin tưởng một chủ nghĩa, lý thuyết nào là cứ nhắm mắt tin theo không cần suy xét gì hết. Ta lại nên dạy con cái chúng ta điều này nữa: là lập nên đảng nọ đảng kia không phải để tranh giành địa vị, hay để thỏa lòng thù ghét, chém giết. Chúng ta, Việt Minh

cũng như Việt Quốc, chỉ có mục đích cứu quốc, đưa nước nhà tới chỗ tự do độc lập.

THỨC: (Cười) – Chắc anh không ở trong bộ tuyên truyền...Việt Nam Quốc Dân Đảng?

KHOA: – Anh đoán đúng.

[Kiểm Duyệt 11 Dòng¹]

Nếu tinh thần đoàn kết có từ lâu thì hiện giờ, chúng ta đã sát cánh nhau trong một chiến tuyến chống xâm lăng... Mà... mà cái cảnh đau đớn chúng ta đương sống, cái giờ phút đau đớn chúng ta đương qua, kẻ bị thương, người ngồi nói chuyện trên một đỉnh đồi, dưới ánh trăng, bên tiếng cú, làm gì đã xảy ra?...

1 Bộ Tuyên Truyền V.N.Q.D.Đ kiểm duyệt.

Anh và tôi, anh mơn mớn tuổi xuân, và tôi đầy lòng yêu nước, chúng ta lại là hai kẻ cừu địch ư?

THỨC: (Cúi xuống thở dài) – Chán!... nhưng may... cũng chả còn sống được... bao lâu!

KHOA: – Rõ tôi cũng vô lý ! Tôi đã bảo không quay trở lại câu chuyện buồn ấy nữa, rồi tôi vẫn cứ quay lại như thường. Vậy thôi đấy, chỉ nói chuyện vui thôi đấy! Ừ phải! Tôi hát cho anh nghe nhé? Năm sáu năm về trước tôi có một cô bạn Huế; chiều chiều chúng tôi đi chơi mát với nhau ở trên núi Sầm Sơn và cô ta... cô Liên... tên cô là Liên, cô ta hát cho nghe nhiều điệu Huế hay quá. Tôi thích nhất cái điệu hát du, để tôi hát cho anh nghe nhé. (Ca):

Trăm năm dầu lồi hện hò

Cây đa bến cũ con đò khác đưa

Cây đa bến cũ còn lừa

Con đò sớm thác năm xưa qua rồi.

THỨC: – Điệu hát buồn chết người...
mà anh thích được!

KHOA: – Ừ kể buồn thì buồn thực!
Tôi chắc đó là dấu vết điệu ca Hời; một
điệu ca vong quốc².

[Kiểm Duyệt 14 Dòng]

THỨC: (Mơ mộng) – Tôi đọc Nam
sử... tới đoạn Chế Bồng Nga đem đại đội
thủy binh... đến vây thành Thăng Long
ta... mà tôi không khỏi thán phục. Thế

2 Tác giả luận về sự thiếu đoàn kết của Chiêm Thành lúc bấy giờ, dẫn tới sự mất nước, sau cái chết của Chế Bồng Nga. Chú ý là khuyến cáo Việt Minh cũng như VNQDD phải thành thực một lòng đoàn kết chống thực dân Pháp đang tìm mọi cách «đô hộ» Việt Nam sau ngày 6 tháng 3 - 1946.

rồi Bổng Nga trúng tên chết ngay trên thuyền Thống Tướng... biết đâu...

KHOA: – Biết đâu, sao anh?

THỨC: – Biết đâu... ông vua anh hùng ấy... lại không bị giết... vì một mũi tên Hời... trong lúc hỗn chiến... (Thở dài).

KHOA: (Cười) – Cũng có thể lắm. Cái bại của mình thường là ở trong phát ra hơn là ở ngoài xảy tới. Về đời Trần, ta thắng được quân Mông Cổ oai hùng là nhờ ở sự đoàn kết của toàn thể dân tộc Việt Nam. Và có lẽ quân Hời thua ta một phần lớn là do sự cạnh tranh của các họ Hời thời bấy giờ (Cười). Tôi không thuộc Nam sử như anh nhưng tôi đoán thế, thì làm gì mà không bị tiêu diệt!

THỨC: (Thở dài) – Đoàn kết! (Thở hỗn hển). Tôi khó... thở quá... mà lại khát... nhưng thôi... Phiền anh quá.

KHOA: – Có gì mà phiền! Anh em giúp đỡ nhau trong khi hoạn nạn thì phỏng có gì mà phiền. Có anh làm phiền lòng tôi thì có, anh không chịu thắng thắn với tôi. Hay anh cứ nhất định coi tôi là kẻ thù đấy³?

[Kiểm Duyệt 4 Dòng.]

... Nhưng thôi để tôi đi lấy nước cho anh đã (Cầm cái mũ sắt).

THỨC: – Sao cú nó cứ kéo... dài... mãi cái điệu âm nhạc buồn thế nhỉ?... Anh có tin nó đem... tin buồn... nó báo tin chết không?

3 Bộ Tuyên Truyền của VM và Chính Phủ HCM lúc bấy giờ tuyên truyền trong dân chúng là các Đảng phái Quốc Gia như VNQDDĐ đều là phản động là « kẻ thù của nhân dân ». (N.T.K)

KHOA: (Cười) – Bậy! Đó chỉ là một dị đoan. Nó kêu thế là chỉ để thôi miên chuột, chuột nghe thấy tiếng rùng rợn ấy, bủn rủn ra không chạy được, chỉ việc đứng im cho nó bắt. Thôi anh ngồi chờ tôi một lát nhé? (Cầm mũ sắt đi xuống đồi).

(KHOA: ra)

THỨC: (Yên lặng ngắm trăng. Bỗng dăm dăm nhìn cái xác chết. Tiếng cú trở nên rùng rợn) – Ồi trời... Không... Lui... Được... Tôi theo đây! Không! trời ơi... trời ơi! Anh Khoa! Mau cứu em!... (Ngất đi – Một Lát)

KHOA: (Bưng mũ nước lên) – Uống cạn mũ nước này nữa thì cứ mà vỡ bụng. Thức! Thức! Ngủ à?...

(Lo lắng đứng nhìn Thúc, rồi quỳ xuống vừa lay vừa gọi) Thúc!

THÚC: (Tủi tủi mở mắt) – Ôi trời ơi! Không! ... Không!... Cứu tôi với!

KHOA: – Tôi đây mà! Sao thế? Anh chiêm bao?

THÚC: (Thở hỗn hển) – Không... tôi thức... giờ ơi! Nó đâu rồi?

(Bắt đầu từ đây, tiếng Thúc yếu dần).

KHOA: – Ai?

THÚC: – Ma!

KHOA: (Cười) – Làm gì có ma!

THÚC: – Rõ ràng... nó vừa... hiện lên. Cái xác chết kia kìa! ... Nó ngồi dậy... Nó đứng dậy... Nó vẫy em đi theo nó... về âm phủ.... trời ơi! Em sợ quá, anh ạ! ...

Lúc anh lay... em dậy... thì em đương đi theo nó đấy!

KHOA: (Cười) – Thôi bây giờ có tôi đây thì nó không dám trở lại nữa đâu. Anh uống nước đi!

THỨC: – Cảm ơn anh... Anh để cho em... hoàn hồn đã...

KHOA: (Cười) – Nó vậy mặc nó, sao anh lại cứ đi theo nó?

THỨC: – Không theo không được... Cứ thiếp... dần, rồi tự nhiên... lẳng lặng đi theo nó.

KHOA: – Đó là một giấc chiêm bao. Khi mình không thức hẳn, không ngủ hẳn thì mình mơ màng tưởng tượng cái gì, thành ra cái ấy liền. Đã uống nước được chưa?

THỨC: (Gật).

(KHOA: ghé mũi nước vào miệng Thức).

THỨC: (Uống một hơi — thở ra) – Dễ chịu! ... Mát ruột! Cảm ơn anh!... Sao em uống nhiều nước thế nhỉ?

KHOA: – Vì thiếu máu! Máu ra nhiều quá.

THỨC: (Lắc đầu) – Em chết mất anh ạ!

KHOA: – Việc gì mà chết: Mai về nhà thương tiêm vài phát là lại người liền. Mà sang máu được có thể khỏe ngay là khác. (Mơ mộng) Ước gì tôi sang máu tôi cho anh! Để kỷ niệm cái đêm gặp gỡ lịch sử này!... Nhưng không thể được anh ạ!

THỨC: – Vì sao? (Mỉm cười) Anh sợ... máu Việt Minh... Và máu Việt Quốc sẽ... đánh lộn trong tim tôi chẳng?

KHOA: (Cười) – Không phải thế! Vì máu Việt Minh và máu Việt Quốc cũng là máu Việt Nam, hay nói giọng văn hùng, cũng là máu Trần Quốc Toản, Lê Lợi, Lý Thường Kiệt cả. Nhưng tôi chợt nhớ ra, tôi mắc bệnh sốt rét kinh niên! Tôi mang cái bệnh sốt ấy từ trên “căng” về đây. Sang máu cho anh, tôi sẽ sang cả vi trùng bệnh sốt rét ngã nước cho anh luôn thể, vì thế nên tôi nói không thể được. (Cười vui thú). Nhưng, anh lo gì, trong ba nàng yêu anh thế nào chả có một nàng sẽ bằng lòng sang máu cho anh!

THỨC: (Mỉm cười mơ mộng) – Lan mơ mộng lắm anh ạ... Lan chỉ ước ao được cùng em... làm cái nhà nhỏ... ở bên

sườn đồi... có suối chảy qua... ngày ngày ra suối... câu cá... thả thuyền đi chơi.

KHOA: – Tưởng cảnh gì, chứ cảnh ấy thì làm gì chẳng thực hiện được. Chúng ta, gia đình anh và gia đình tôi, chúng ta sẽ chung nhau mua một cái đồn điền nhỏ, hay một cái ấp nhỏ. Hay chúng ta chẳng cần mua cũng được. Hiện tôi có một cái ấp nhỏ ở Phú Thọ, vào khoảng sáu mươi mẫu đồi mà tôi đã giống chè được một nửa. Tôi sẽ nhường cho anh vài chục mẫu. Rồi chúng ta cùng lên đấy ở với nhau. Cảnh thì tuyệt đẹp. Một cái suối khuất khúc lượn quanh đồi, bên những khóm trúc, khóm mai, rồi chảy ra một cái đầm rộng bằng khoảng hai Hồ Tây. Chiều chiều thả thuyền chơi suối thì có thể quên cả Hà thành với các nàng tiên của nó. Khi nào thái bình hẳn, nước nhà

hoàn toàn độc lập, chúng ta hoàn toàn tự do, tôi sẽ đón anh lên đây ở với tôi.

THỨC: (Mỉm cười ngờ vực) – Sợ còn lâu lắm... anh ạ! Và... có lẽ... muộn quá rồi!

KHOA: – Vị tất đã lâu, như anh tưởng.

THỨC: – Vả lại... xa Hà thành... thì buồn chết... (Thở ra) Tôi mệt lắm... rồi... anh ạ... có lẽ tôi chết... đến nơi mất!

KHOA: – Không, không thể chết được! (Bắt mạch) Mạch này thì chết sao được!

THỨC: (Mắt đầy hy vọng) – Nhưng sao... tôi mệt lắm... đi thế này!...

KHOA: – Mất nhiều máu quá nên thế đấy, không sao đâu... Nhưng anh cũng

không nên nói nhiều! Nên nằm yên mà nghỉ.

THỨC: – Nằm yên... không nói gì... tôi chỉ sợ chết lịm đi... lúc nào... không biết thôi... Tôi cứ muốn nói chuyện để tỏ... với tôi rằng... tôi còn sống.

KHOA: – Anh phải tĩnh tâm mà nằm nghỉ. Không nên rối trí như thế. Nếu anh chết thì tôi bảo cho anh biết rằng anh chết, chứ tôi giấu anh làm gì. Chúng ta có phải là những người sợ chết đâu, anh cũng vậy mà tôi cũng vậy. Nếu sợ chết, chúng ta đã chẳng làm cách mệnh. Làm cách mệnh là chúng ta quả quyết đi đón lấy cái chết. Còn sống thì chúng ta sẽ dự vào công cuộc kiến thiết tổ quốc, sau khi cách mệnh thành công, mà chết thì chúng ta cũng tự an ủi trước khi nhắm mắt rằng ta đã đến mục đích, cái mục đích hiến thân cho Tổ quốc. Vậy nếu

anh chết thì tôi không sợ bảo cho anh biết rằng anh chết. Nhưng nhất định anh không chết. Có phải ai bị thương cũng chết đâu!

THỨ: (Mỉm cười đau đớn) – Hiến thân! (Một phút im lặng) Anh rút hộ em... cái ví ở túi quần... (Khoa làm theo) Anh mở ra. trong đó có... hai cái ảnh... Anh giữ lấy một cái... để kỷ niệm... cái đêm rừng rợn này... còn một cái... em nhờ anh... đem về đưa cho mẹ em (Yên lặng) Anh liệu lời... mà nói... với mẹ em... Em là con một... mẹ em đấy! (Khóc).

KHOA: – Anh lạ quá, sao cứ nghĩ quần mãi! Được, ảnh tôi cứ giữ đây (Bỏ ảnh vào túi). Cái ảnh tặng tôi thì tôi sẽ lưu lại cho con cháu ngày sau với hàng chữ này: Đây là một người bạn thân của ta, tuy không cùng ở trong một chính đảng, nhưng vẫn cùng ta phụng sự một

lý tưởng duy nhất: “Tổ Quốc”. Còn cái kia thì tôi sẽ có dịp cùng đi với anh tới nhà anh để đưa nộp cụ.

THỨC: (Mắt như đeo đuổi một ý nghĩ ám ảnh) – Anh có tin rằng... linh hồn... bất diệt không?

KHOA: (Đăm đăm nhìn Thức, rồi như chợt hiểu) – Tin! Tôi rất tin. Thác là thể phách còn là tinh anh. Tinh anh sẽ còn mãi mãi...

THỨC: – Sống trong thời khoa học... mà anh còn tin được điều đó?

KHOA: – Thì khoa học cũng không cãi được điều đó. Trong một buổi thí nghiệm, một nhà thần linh học đã gọi những linh hồn hiện về trước mặt các nhà khoa học trứ danh trên thế giới như Flammarion chẳng hạn. Còn không tin sao được!

THỨC: (Mỉm cười) – Đó cũng là... một sự an ủi... cho những kẻ... sắp từ trần... Nếu quả sau khi...chết... mà linh hồn còn... sống mãi... mãi... thì chết có đáng kể chi... phải không anh?

KHOA: – Nhưng anh và tôi, chúng ta chưa chết thì chúng ta nói chuyện chi đến cái chết cho mất vui. Vẫn biết cái chết không đáng sợ, nhưng tổ quốc đang còn cần đến chúng ta, thì chúng ta vẫn chưa chết được.

THỨC: – Em nghĩ đến... cái chết... của những chiến sĩ... trong Nam bộ... mà em thèm!

KHOA: (Cười) – Anh dưỡng bệnh cho khỏe hẳn, rồi hai chúng ta cùng vào Nam một chuyến. Nghe nói ở trong ấy nhiều nơi cũng vẫn còn chiến tranh. Phải đẩy chúng ta sẽ vào trong ấy để... để

chết. Chứ chết ở ngoài này chỉ tủi mạng, anh ạ.

THỨC: – Tủi mạng!

KHOA: – Tôi được nghe anh em chiến sĩ ở trong Nam ra thuật lại cho nghe những cái chết đẹp để quá chừng! Một chiến sĩ nằm chờ ba ngày đêm trong một cái hố bên đường, với một túi lương khô, với một cây súng và ba viên đạn, ba viên đạn thôi, tội nghiệp! Anh đón đoàn quân địch đi qua để bắn. Quả nhiên quân địch đi qua đó. Chờ cho họ đến gần, anh bắn luôn hai phát giết chết hai tên. Phát thứ ba, đạn điếc. Rồi anh mỉm cười chết một cách lặng lẽ và thỏa mãn vì đã đổi được một mạng lấy hai rồi. Lại một chuyện này nữa. Một chiến sĩ bị thương được đoàn cứu thương băng bó cho. Nhưng anh có cảm tưởng anh khó sống được. Tức thì anh cầm súng xông

bừa ra trận tiền để bắn trúng một quân địch rồi chết... (Thức mắt lim dim người muốn lả đi). Anh mệt lắm?

THỨC: (Gật).

KHOA: – Vậy nằm nghỉ một lát...
Đừng nói gì nữa.

THỨC: – Thôi... anh lui về hậu tuyến đi... để mặc em...

KHOA: – Được, anh cứ để mặc tôi.
Để sáng rõ rồi tôi dìu anh về hậu tuyến bên anh đã.

THỨC: (Lắc đầu) – Không được đâu!...

[Kiểm Duyệt 14 Dòng]

Thôi anh cứ về... phớt đi... là hơn.
Bây giờ về... thì được... chứ sáng ra thì
sẽ không có... cách nào... thoát được...

Tiếng súng nghe như... đã im hẳn rồi đấy... Anh về đi!

KHOA: – Không, tôi không thể bỏ anh đây mà về được. Anh cứ để mặc tôi. Hơn hết là anh cố ngủ đi một lát.

THỨC: (Mỉm cười) – Tôi sợ ngủ đi thì... sẽ không... dậy nữa.

KHOA: – Quái! Anh đến lạ, cứ bị cái chết nó ám ảnh hoài! Hay anh sợ chết chẳng!

THỨC: (Nói lảng) – Anh hát đi mà nghe vậy.

KHOA: – Ừ phải đấy, tôi hát cho anh nghe một câu chèo nhé... Anh có biết câu “Trấn thủ lưu đồn” không? Chắc không? Đó là một câu hát của vai hề. Bao giờ hát, người ta cũng vác một cái giáo trên vai và một tay cầm cái môi lửa. Như thế này

này (Một tay cầm súng vác ngang qua
hai vai, một tay cầm nắm cò giả làm mỗi,
rồi vừa múa vừa hát)

*Đất ngài đây thanh lịch, đất hữu tình
Có đường vô sánh tới dinh quan lưu đồn
Ba năm bác còn đương trấn thủ đồn
Ngày thời canh điểm, sớm tối đồn việc
quan*

*Anh chém tre ngả gỗ trên ngàn
Than thân rằng khổ, anh biết phàn nàn
cùng ai*

*Anh phàn nàn cùng trúc cùng mai
Cùng cây măng mía, cùng cây ngô đồng
Xót xa như muối đổ trong lòng⁴*

⁴ Bản ghi âm nhạc của Nguyễn Xuân Khoát.

(Trong khi Khoa hát thì Thúc cười lên tiếng, cười rất nhiều. Bỗng y ngất đi và lịm dần. Khoa thấy đầu Thúc gục xuống ngực vội ngừng lại, cúi xuống lay gọi).

KHOA: – Anh Thúc! Thúc! Em Thúc! (Lắc đầu). Chết! Vô lý! Thúc! (Cầm tay bắt mạch). Chết thực rồi, khổ tôi chưa! (Im lặng quỳ trước mặt Thúc).

(Trời bắt đầu sáng. Bỗng một loạt súng nổ, tiếng ồn ào từ phía chân đồi đưa lên. Một phát đạn trúng ngực Khoa, khiến y gục xuống ôm lấy Thúc, và se sẽ kêu: Mùi! Lập!)

HẠ MÀN

TIẾNG NGƯỜI XA

Đã đến giờ chưa mẹ? Phương từ ngoài hiên chạy vào phòng ngủ, đột ngột hỏi mẹ. Nga rời gương và cái bông phấn cầm tay, quay ra cười với con:

– Chưa con ạ. Nhưng, con đi ngủ thôi, khuya rồi, tám giờ rưỡi rồi.

Phương nũng nịu:

– Không, hôm nay con chưa buồn ngủ, mẹ cho con nghe cơ.

Nga chau mày:

– Thế thì Phương không ngoan rồi. Hôm nay mới là thứ ba. Ngày kia mới đến phiên con được nghe kia mà.

Dứt lời nàng đứng lên, ẵm đặt con lên giường. Rồi ra ngồi sửa sang lại mái tóc, chấm lại bông phấn cuối cùng. Ngửng lên nhìn đồng hồ báo thức đặt trên bàn giấy, nàng tưởng thấy hai cái kim vẫn đứng im một chỗ, và nếu không có tiếng tích tắc thì có lẽ nàng yên trí rằng đồng hồ không chạy. Nàng thở dài nói: “Còn những hăm năm phút nữa!”

Nhưng nàng cũng bỏ cái áo bọc máy truyền thanh ra, ngồi cầm khăn tẩy máy lau cái mặt kính hình lục lăng, trên đó những chữ, những số, những chấm màu đen, màu đỏ, màu xanh đối với nàng không có một ý nghĩa gì, ngoài con số

25 ra. Mà con số 25 cũng chỉ được nàng lưu ý tới, vào giờ này, giờ phát thanh của đài Cự Kim Sơn. Lơ đang nàng vặn nút tiếp xúc. Cái mặt Radio sáng bật lên. Và cái kim đen trở bên con số 25 như thu lấy hết cả tâm hồn nàng. Và nàng mơ mộng đắm đắm nhìn nó, đắm đuối đợi chờ cái phút được gặp người xưa hiện về... Hiện về... Bất giác nàng đưa mắt nhìn vào gương, và thấy mình vẫn còn trẻ và thấy mình trẻ lại nhiều từ khi mua được cái máy radio này.

Kể thì nàng cũng chưa già, năm nay mới hai mươi sáu tuổi. Nhưng bao năm mong đợi, bao năm nhớ nhung khổ sở đã làm cho nàng tiêu tụy hồng nhan.

Đã năm năm nay, Thanh, chồng nàng bỏ ra đi. Nàng còn nhớ, còn như thấy hiện ra cái buổi chiều hôm ấy. Một buổi chiều cuối năm 1939, một buổi chiều

mưa phùn gió lạnh. Thanh đi Hải Phòng về trước ngày hẹn, lại thêm có vẻ mặt lo âu, có dáng bộ vội vàng khiến Nga áy náy không yên. Ăn cơm xong, Thanh lên gác thay quần áo và sửa soạn xếp lại va-li. Nga ngây người đứng nhìn chồng chưa dám hỏi. Mỗi lúc Thanh dặn hễ có ai đến tìm thì nói chàng còn ở Hải Phòng, Nga mới ngập ngừng:

– Vậy anh lại đi?

Thanh gật.

– Anh lại đi Hải Phòng?

Không thấy chồng đáp nàng hỏi tiếp luôn:

– Nhưng dầu sao cũng mai mới đi chứ?

Thanh mỉm cười bảo vợ:

– Anh phải đi ngay, Nga ạ, việc cần lắm.

Đứng suy nghĩ một phút, chàng hỏi vợ:

– Phương ngủ rồi, phải không em?

Dứt lời chàng ra nôi vén màn cúi nhìn con, một đứa con tám tháng. Và chàng quay lại bảo vợ:

– Sung sướng quá cái tuổi vô tư lự. Thấy con nó ngủ bình tĩnh mà thèm! Em trông trán nó dãn ra, môi nó như mỉm cười với mộng.

– Anh làm thơ đấy à? Nga âu yếm bảo chồng. Nhưng khéo để muỗi đốt con!

Thanh vội giắt màn lại, rồi lẳng lặng xách va-li.

– Anh đi ngay bây giờ?

– Phải đi ngay bây giờ em ạ.

Hai người thoáng nhìn nhau rồi vội quay đi như hiểu thấu ý nghĩ thầm kín của nhau.

– Em chả cần bật đèn nữa. Thôi anh đi đây.

Vừa nói, Thanh nắm chặt lấy tay vợ như thầm trao cho nàng tất cả mọi điều bí mật không dám thú. Rồi chàng se sẽ vặn khóa, nhẹ nhàng mở cửa lớn ra ngoài, biến vào bóng tối.

Ngồi nhớ tới buổi biệt ly, Nga còn có lại cái cảm giác rùng rợn hôm ấy. Chồng nàng đi rồi, nàng hoảng hốt chán nản lên gác, nằm vật ra giường nức nở khóc. Nàng đã nhìn thấy rõ: chồng nàng đi trốn. Vì đã có lần Thanh ngỏ cho nàng

biết rằng chính phủ thực dân vừa đặt ra chế độ trại giam để khâu lưu ở đó tất cả những cựu chính trị phạm bị tình nghi làm rối cuộc trị an. Vậy Thanh, một cựu chính trị phạm rất có thể bị liệt vào hạng người nguy hiểm ấy.

Quả nhiên ngay trưa hôm sau, nhân viên ty mật thám đến nhà nàng để khám bắt Thanh... Và từ đó nàng bật luôn tin chồng.

– Sắp nói rồi đấy à mẹ? Phương trôi dạt hỏi, vì nó vừa nghe thấy bắt đầu tiếng rào rạo của máy radio.

– Chưa con ạ, nhưng con phải ngủ đi, con có ngoan có dễ bảo thì máy nó mới nói.

– Thì ba mới nói chứ!

– Ủ thì ba mới nói. Vậy nếu con không vâng lời mẹ thì rồi ba không nói nữa đâu, không bao giờ ba nói nữa đâu.

– Vậy con ngủ thì mẹ bảo ba nói nhé?

– Ủ con phải ngủ ngay cơ.

Phương lại ngoan ngoãn nằm xuống. Và Nga, tuy đương buồn cũng phải mỉm cười sung sướng. Phương là tất cả sự an ủi của nàng trong năm năm nay, cái hình ảnh linh hoạt của người chồng thương mến.

– Mẹ tắt đèn để khỏi chói mắt con nhé?

Không thấy Phương trả lời nàng biết con đã ngủ yên rồi, nhưng nàng cũng vẫn tắt ngọn đèn dưới cái chao vải tự tay nàng làm ra từ thời chồng còn ở nhà, và nay mầu hồng đã bạc phếch và

loang lổ. Trong gian phòng tối, cái mặt lục lăng của máy radio sáng rực rỡ thêm lên. Nghĩ đến cái máy radio, Nga không khỏi tự phục lòng quả quyết đã dám bỏ ra gần hai ngàn bạc, đã không ngần ngại bán hết tư trang để mua cho bằng được, mặc những lời mắng nhiếc của cha mẹ chồng. Nàng có nó đã ba tháng nay rồi và không một phút nào nàng tiếc cái món tiền to bằng gần nửa tài sản của nàng. Còn muốn gì hơn nữa, cái máy vuông xinh xinh chẳng chứa tất cả hạnh phúc của nàng hay sao? Chẳng là tất cả lẽ sống của đời nàng sao?

Nàng còn nhớ tối hôm ấy, cái buổi đã làm cho nàng hầu như phát điên vì sợ hãi vì một sự lạ lùng mà cho tới ngày nay nàng vẫn không giám tin hẳn cũng không dám ngờ vực. «Ngờ vực thì chết mất!» luôn luôn nàng nghĩ thầm. Hôm

ấy nàng đến chơi một người bạn học cũ cũng không thân lắm. Chẳng qua nàng chỉ đáp lại một buổi đến thăm của người ấy. Người bạn giữ nàng ở lại nghe radio, nói có rất nhiều tin tức quan trọng liên quan tới nước Việt Nam.

Vừa nghe câu đầu, nàng giật mình hoảng hốt. Nàng không thể nhầm được, tiếng người phát thanh chính là tiếng chồng nàng. Nàng cố cho đó là điều vô lý để bỏ qua đi, nhưng không thể được: Ở trên đời này không khi nào lại có hai người nói giống nhau như thế, giống từng giọng, giống từng tiếng. Và trong lúc mơ mộng, nàng tưởng tượng Thanh hiện lên ngồi nói chuyện với nàng, ngồi đọc báo cho nàng nghe như thuở xưa, trước giờ đi ngủ nàng thường nũng nịu bắt chồng đảm đương công việc ấy. Nàng ngồi lịm người đi, chú hết tinh thần vào

cái giọng đều đều trầm trầm. Và nàng như uống từng lời của người mà nàng nhất định cho là người yêu, mà nàng như cảm thấy có hơi thở làm rung động làn tóc xõa bên tai nàng. Tại sao người ấy lại không là Thanh được? Thanh rất có thể làm công trên một chiếc tàu hàng hải vượt Thái Bình Dương rồi nhờ có sự vận động của một người Mỹ nào đó được đổ bộ lên Cựu Kim Sơn và sau đó xin được vào làm ở đài phát thanh. Câu chuyện lập thành như thế rất là hợp lý và có gì là viển vông?

«Đích thực rồi!» Nàng bỗng đột ngột kêu to lên. Nàng vừa nhận được mấy tiếng đọc theo một giọng mà ngoài Thanh ra, nàng cho không một ai có.

– Cái gì thế chị? Người bạn ngơ ngác hỏi nàng.

– Không, nàng bẽn lẽn đáp. Và nàng chống chế nói khôi hài để chữa thẹn: «Tôi phê bình lại lời phê bình của người phát thanh đấy». Đoạn nàng cất tiếng cười ngượng ngịu.



Hôm sau và mấy hôm liền nàng đến nhà bạn; người bạn trước kia rất sơ nay đã trở nên người tâm giao của nàng. Chỉ còn thiếu chút nữa là nàng đem hết bí mật câu chuyện ra thuật tường tận với bạn.

Nhưng tối nào cũng đến chơi dù lấy cớ nói là nghe tin tức thế giới đi nữa, đầu sao cũng là một điều suông sã trong tình bằng hữu. Nhất bạn lại còn có gia đình mà mình lại là một thiếu phụ xa chồng. Chẳng được, nàng phải thừa đến chơi.

Những đêm ấy nàng thấy bản khoản, sốt ruột trần trọc không sao ngủ được. Động chợp mắt, nàng lại tưởng nghe thấy tiếng chồng trong máy phát thanh, và nàng vụt tỉnh giấc. Trái lại những buổi ở nhà bạn về, thần kinh nàng dẫn ra, máu nàng chảy đều hơn, tim nàng đập chậm lại. Và nàng vừa đặt mình là khoan khoái ngủ yên, không mộng, không寐 không mê không sáng gì cả.

Một hôm trong câu chuyện xã giao, khi ngồi đợi giờ phát thanh, người bạn phàn nàn rằng bất cứ việc gì giá cũng cứ

một ngày một cao vọt lên mãi. Và để nêu ra một thí dụ nàng nói một cái máy radio trước kia giá có ba bốn trăm, bây giờ đắt tới nghìn rưỡi, hai nghìn. Những lời không đâu ấy bỗng làm nẩy ra trong lòng Nga một ý muốn một dự vọng ngày càng thêm mãnh liệt: Có một cái máy radio, để rồi tối tối được nghe tiếng chồng mà không phải đi đâu!

Ba hôm sau, nàng nhờ được người mua hộ một cái máy sáu đèn bằng món tiền ngót hai nghìn, giá các đồ tư trang của nàng mà nàng đã đem đi bán.

Và từ đó tới nay, thấm thoát đã ba tháng. Đã ba tháng, chiều chiều nàng trang điểm phấn sáp, mặc vào người bộ áo cưới năm xưa rồi ngồi chờ nghe những lời yêu dấu.

Một hôm, Phương ẩm đầu và quấy

không chịu rời mẹ ra. Đến giờ, Nga đành phải ẵm con ngồi nghe. Phương có vẻ kinh ngạc, trố mắt tò mò nhìn cái khoảng sáng và thỏ thẻ hỏi mẹ:

– Ai nói thế mẹ?

Nga sung sướng cúi hôn con, và âu yếm bí mật thì thầm:

– Ba con nói đấy.

– Thế sao ba không ra đây với con, lại nấp ở trong ấy nói ra hử mẹ?

Nga chưa kịp nghĩ được câu ổn thỏa trả lời con, thì Phương đã hỏi tiếp luôn:

– Hay ba bị nhốt ở trong ấy?

Cách đó ít ngày Phương khoe với bà:

– Bà ơi, cháu biết ba cháu ở đâu rồi cơ?

– Thế ba cháu ở đâu?

– Ở trong cái máy nói của mẹ ấy. Cháu đã được nghe ba nói rồi cơ.

Bà lão và cả nhà cùng cất tiếng cười, cho đó là một câu chuyện bịa đặt để dỗ trẻ:

– Phương bảo mẹ có bán cái máy ấy đi thì ba mới chịu chui ra mà về với Phương.

– Nhưng cái máy bé quá, ba ở trong ấy thế nào được?

Bà mẹ chồng quay sang bảo Nga:

– Cứ kể giọng cái người trong máy mà tôi nghe tối hôm nọ cũng na ná giống giọng anh Thanh đấy. Chỉ khác một điều chậm rãi hơn, mà trầm hơn.

Nga buột miệng đáp:

– Thừa mẹ, phát thanh thì phải nói chậm rãi chứ! Còn giọng trầm là vì máy.

Dứt lời nàng hồi hận liền, vì sợ lộ mất bí mật mà nàng không muốn để một ai khám phá ra. Và nàng tự trách: “Rõ mình cũng lẩn thẩn đem chuyện ấy ra nói với con”. Bà mẹ chồng nhìn con dâu, mỉm cười:

– Hay chị tin đó là tiếng anh nên chị đã bán tư trang đi để mua máy ra-đi-ô đấy?

Câu nói đùa làm cả nhà phá lên cười. Ông bố chồng nói:

– Nếu quả thực người phát thanh ấy là anh Thanh thì cũng lạ lắm nhỉ! Mà biết đâu không phải anh Thanh. Để hôm nay thầy nghe xem.

Tối hôm ấy quả nhiên cha mẹ chồng nàng vào phòng nàng để nhận tiếng con. Trong khi ông cụ lắng tai nghe, Nga chăm chăm nhìn ông để chờ một lời phán đoán. Nàng lo lắng khi nghe cha chồng thốt ra một tiếng: “Ừ!” Và nàng không dám hỏi thêm sợ bị thất vọng. Thì ông cụ lại nói tiếp:

– Ừ! Cũng giống đấy... Nhưng không phải tiếng Thanh đầu.

Mầm ngờ vực đã nhú trong lòng nàng vụt bùng bột nảy nở. Nàng hoảng hốt lo lắng, cảm thấy mặt mình hơi tái đi. Và nàng lặng thinh đứng nhìn, hoang mang, không dám suy nghĩ liên miên. Sau khi tắt máy và cha mẹ chồng nàng mỉm cười vợ vẫn ra khỏi phòng, nàng tắt đèn lên giường đi ngủ liền.



Nhưng cả đêm nàng không chợp mắt. Sáng dậy nàng nảy ra một ý nghĩ mà mấy giờ sau nàng lại thấy không thực hành được, là gửi thư cho người phát thanh đài Cựu Kim Sơn. Nàng tự nhủ: “Không những khó lòng thư tới đích, mà nhớ người ấy không phải là chồng mình thực thì xấu hổ chết. Không, không

cần viết thư gì hết, vả sao một sự nhận xét cầu thả của ông bố chồng lại trong giây phút đánh đổ tin tưởng của mình được. Người cha thuộc giọng con sao bằng được người vợ thuộc giọng chồng! Không thể nhầm được. Giọng ấy chỉ có thể giọng Thanh. Nhất mẫu câu “bởi vì rằng” của Thanh thì không trộn đâu cho lẫn được.

Rồi mỗi ngày khi giờ phát thanh tiếng Việt của đài Cựu Kim Sơn nàng lại thấy lòng tin thêm vững chắc.

Sung sướng, rạng rỡ, chiều chiều nàng sống bên người chồng xa.

1945-1946

KHÁI HƯNG

NGƯỜI ANH HÙNG

Nơi ba nhân vật ấy tụ họp để sống với nhau cũng đã là một cảnh quái đản, một cảnh ma ám rồi. Một khu đất rộng tới bốn, năm mẫu, bao vây trong một lũy tre đầy kín, và một lần tường cao trên cắm mảnh chai vỡ. Hai cái cổng vòm kiên cố, nối liền nhau bằng một con đường nhỏ hẹp, hai bên có tường và ăn thông với ngõ xóm, một cái ngõ sâu hẹp giữa hai hàng dâu tre cao vút.

Trong khu đất bao la ấy, cây cối um tùm như rừng, một cái rừng hoang đối với con mắt người thường. Nhưng kỳ thực cái rừng ấy đã được trông nom, bài trí theo ý muốn của chủ nó. Ta có thể nói không thiếu một loài cây gì, từ cây to như cây sến, cây lim, cây trơ, cho chí những cây nhỏ như cây lan, cây lưỡi hổ, cây tóc tiên, từ những cây tầm thường như cây khế, cây sung, cây ổi cho chí những cây rất hiếm như cây hà lan, cây bạch mộc, cây bách tán, cây giồng đất, cây giồng châu, cây leo, cây gửi, cây chơi hoa, cây chơi lá, một nhà thảo mộc học cũng khó lòng tìm ra được một loại nào không có trong cái vườn bách thảo ấy.

Nhà ở làm xế về phía Bắc khu vườn và quay mặt về đằng Đông, nghĩa là xây lưng ra cổng. Đó là một kiểu nhà cổ quái chẳng ra Tây, chẳng ra Tàu cũng chẳng

ra Việt Nam. Hai tầng trên một nền cao, về góc phía Tây nhô lên một cái chòi “lô cốt”. Cửa sổ cuốn, cái cao cái thấp không theo hàng. Toàn thể, cái nhà ấy giống như một tòa lâu đài bỏ hoang, nhất nó lại rêu phong tứ phía và bị lá cây luôn luôn che khuất ánh mặt trời.

Đó là nơi ba người lạ lòng chung sống không rõ từ bao giờ, ba người mà ngay buổi đầu gặp gỡ, tôi cho là ba người điên, nhất ngắm tòa lâu đài hình thù cổ quái, tôi càng yên trí rằng nó phải là công trình của bọn người loạn óc. Mà hiện giờ, sau mười mấy năm chơi với nhau tôi vẫn chưa rõ hẳn rằng cái ông kiến trúc sư kỳ dị ấy là một người điên hay là một người phi thường.

Thời tôi mới quen biết ông ta thì Tiên vào chạc ngoài ba mươi. Một cái trán cao rộng, hai con mắt sắc ném tia sáng, cặp

môi đỏ và tươi dưới bộ ria cụp, và trên bộ râu thưa, dài, màu hung hung. Tóc cắt ngắn nhưng đầu chỉ cao ở phía gáy, còn tóc mai để nguyên vẹn, khiến đứng đằng trước mặt mà ngấm y, ai cũng tưởng y búi tóc. Quần áo thì rất là lôi thôi lổc thock, một cái quần cháo lòng, một cái áo cánh nâu, một cái áo lương bã, một đôi guốc gỗ mũ da lộn.

Vả Tiên cũng không có thời giờ mà nghĩ tới sự trang sức. Bà Tiên lại là một người nhà quê, chỉ nghĩ tới việc đồng áng làm ăn và như không ngấm nghĩa chồng bao giờ. Mà có lẽ hai người cũng ít khi gặp nhau. Tiên có mấy khi rời cái phòng sách và phòng thí nghiệm đầu. Trong phòng sách rộng chừng hai mươi thước vuông, chỉ bày có một cái bàn, hai cái ghế gỗ, và một bộ ghế ngựa quang dầu. Còn bao nhiêu chỗ thừa bị các tủ và

giá sách chiếm hết. Đó là một kho toàn một thứ sách chữ Hán. Sách khảo cứu các ngành khoa học Âu Mỹ, các tôn giáo, triết học Đông Tây. Những tự điển, đủ các loại, cũng đã chứa chật một cái tủ lớn rồi. Còn gian phòng thí nghiệm của Tiên thì ngoài y và nhà “kỹ sư”, cái danh từ y đặt cho người thư ký của y, ngoài hai người ấy ra thì không một ai được bước chân vào. Chính tôi cũng chỉ thoáng nhìn thấy một lần, khi Tiên ở trong đó mở cửa đi ra phòng sách. Đại khái nó cũng như những phòng thí nghiệm ở các trường trung học, với những lọ, những phễu, những ống thủy tinh bày la liệt trên những cái bàn sơn màu xanh xám.

Trong buổi mới quen biết con người lạ lòng ấy tôi khỏi tức cười sao được! Một nhà nho khoa học? Một nhà nho bác học? Tôi không sao tin được điều ấy!

Nhưng ông “kỹ sư” thì phục y lắm, và thân mật bảo cho tôi biết rằng về khoa học, trình độ y ít ra cũng ngang trình độ một bậc Tiến sĩ. “Kỹ sư” cũng biết tôi không tin lời ca tụng ấy nhưng y thấy đó là chuyện không đáng kể. Và y vốn ít lời lại không thích tranh luận với ai một vấn đề gì bao giờ.

“Kỹ sư” vào khoảng hăm năm tuổi, đã đậu bằng thành chung và tốt nghiệp trường canh nông Tuyên Quang. Tuy vào trường này người ta chỉ cần có bằng cơ thủy, nhưng vì thích khoa canh nông thực hành, y cũng cứ đệ đơn xin học. Vừa ở trường ra y gặp ông cả Tiên và nhận lời đến trông coi cái vườn bách thảo cho ông ta, dù phải hoàn lại cho Chính phủ bảo hộ Pháp số tiền tức phí trong mấy năm tòng học.

Lương, tên người thiếu niên ấy, rất hiền lành và khiêm tốn. Không bao giờ y nói chuyện đến công việc của y, một công việc vĩ đại mà không ai ngờ tới. Đó là việc khảo cứu tên và tính chất cây cối trong vườn ở những pho sách Tàu mà y cho ngoài ông Tiên ra không một người Việt Nam nào có thể có được: những pho sách ấy cũng như phần nhiều các pho sách khác, ông Tiên đã gửi mua tận Thượng Hải và Bắc Bình.

Thực là giờ sinh ra hai người ấy để mà kết bạn với nhau, để mà sống gần nhau. Họ giống nhau về đủ mọi phương diện. Cùng ít nói, cùng làm việc nhiều mà cũng làm những việc vô hại nhưng rất vô ích cho đời. Tôi đã được theo đuổi một cuộc tra cứu của hai người trong các sách toán pháp Đông, Tây giòng già ba bốn tháng giờ để tìm ra “cái luật vạn

nhất” của sự may rủi về cờ bạc, về cái số chẵn số lẻ của sốc đĩa chẳng hạn. Họ hý hục trong bao lâu như thế mục đích không phải là để lợi dụng cuộc khảo cứu mà làm giàu về đồ bạc. Họ rất ghét cờ bạc và bận bịu như họ thì còn thời giờ đâu mà đánh bạc?

Việc thiết thực, họ không cần để bận lòng. Đã có bà Tiên nghĩ đến cho họ. Một mình bà trông coi gia sản của tiền nhân để lại, chừng vài ba trăm mẫu ruộng rải rác trong khắp một vùng. Quý hồ, họ có tiền mua sách và các dụng cụ, nguyên liệu khảo cứu khoa học là được rồi. Người đàn bà ấy rất có tính phục tòng, thế mà một lần đã phải kêu van hai người tiêu pha vừa vừa chứ, không thì đến sạt nghiệp mất. Hồi ấy hai người khảo cứu phân chất các thứ hoàng đồng thời Hạ, thời Chu, thời Hán và công việc

ấy đã làm hại cho quỹ của bà Tiên một món chừng bốn năm vạn, tiền mua lò, máy móc đúc đồng và các dụng cụ, các chất hóa học. Kết quả cuộc thí nghiệm khoa học ấy là một cái đỉnh đời Chu, một đôi ống hương đời Hạ, một con ngựa đời Hán giống hình và giống chất. Hai người sung sướng ngắm nghía cái công trình của mình trong ít lâu, rồi bỏ lò, bỏ máy để quay sang một việc khảo cứu khác, cũng vĩ đại và vô ích như việc trước. Thế giới, hai người ấy sống sẽ là một thế giới im lìm, một thế giới chết, nếu không có một nhân vật thứ ba. Đó là một người bếp khổ đở măn khóa về xin vào làm vệ sĩ cho nhà Tiên. Chính vì thế người ta gọi bác là bác Vệ, tuy tên bác là Quynh. Tiên và Lương yên lặng bao nhiêu thì bác Vệ ồn ào bấy nhiêu, nhất khi bác đã chuẩn choáng vài ba chén rượu. Nhưng sự ồn ào của bác cũng không làm ngăn trở gì

cho công việc khoa học của hai người kia vì bác sống riêng biệt hẳn trong cái chòi và ba gian “trại” phía trước, cách cái lầu đài khảo cứu có tới hơn trăm thước. Bác ở đây với hai người lực điền và thường hay giao thiệp với bà chủ hơn là với ông chủ và ông “kỹ sư”.

Đó là một người chạc ngoại tứ tuần, cao lớn, lực lưỡng, ngực nở, bắp tay to, tiếng nói sang sảng. Ngoài công việc ban đêm giữ nhà, bác còn đi tuần trông coi cả mấy cánh đồng lúa khi sắp tới vụ gặt. Vì cái trách nhiệm nặng nề ấy mà bác rất siêng năng tập tành võ nghệ, và dạy hai tay điền tốt của bác học đủ các lối công, thủ bằng súng, một cây súng bắn chim, bằng gậy, bằng giáo và bằng đao.

Nhưng thực ra, bác dạy thì ít mà bác khoe khoang và nói chuyện về bác thì nhiều. Cứ lời bác thì nhờ về môn bắn tài,

bác đã mấy lần lên cai rồi lại bị lột lon xuống làm lính vì cái tính bướng bỉnh cãi lại quan trên của bác. Kể cái tài bắn của bác thực đáng sợ nếu cứ tin ở lời bác: đặt đồng xu lên đầu cây súng mút-cơ-tông, mổ cò, đồng xu nhẩy lên ở nguyên chỗ mà không rơi xuống đất. Lại một hôm ở đồn binh, viên quan ba đương ngủ trưa, thì một con quạ đến đậu trên cành soan bên đầu nhà kê um lên và đánh thức y dậy. Y cúi kính gọi: «Quynh!» giết chết nó đi cho tao! Quynh cầm cây súng ra và hỏi: «Ông muốn tôi bắn chết nó hay chỉ bắn què thôi? «Bắn què». Viên quan ba đáp. «Què chân trái, hay chân phải» – «Chân phải» – «Được». Tức thì phát súng nổ và con quạ từ trên cây lộn cổ xuống què chân phải và dẫy đành đạch.

Câu chuyện ấy Lương cũng được nghe. Và y tin lắm, vì y không bao giờ

ngờ vực một lời nói của một người nào dù lời nói ấy vô lý đến đâu. Thế là y thấy thích khảo cứu về khoa bắn, rồi từ khoa bắn đến các thể trận, mưu lược trong các sách binh thư của cổ nhân Trung Quốc. Cái việc khảo cứu quân sự ấy đã làm cho y mất đến hai ba tháng cặm cụi và đã gây một trò cười trong cái “trại lính” bên cổng chòi. Hôm nào cũng vậy, chưa cạn chén rượu thú nhất, bác Vệ đã đem ông “kỹ sư vườn” ra làm đầu đề câu chuyện vui! Bác kéo dài giọng, mĩa mai nói với hai người điền tốt:

– Ô chào! Tưởng việc binh cũng như việc tìm tên cho những cây lạ, hoa kỳ chẳng? Tưởng đâm chết tên cướp cũng dễ như chiết cành, chấp cây chẳng? Ngũ ấy thì cầm cái giáo không nổi, còn bắn với biếc gì!

Câu khôi hài ấy thốt ra trước mặt bà Tiên làm bà ta thích chí cười rú lên. Rồi vì cũng chẳng ai ưa gì ông kỹ sư, bà ta đem thuật lại với ông ta. Bà tưởng trêu tức y, nhưng trái lại, y thấy câu bình phẩm ấy rất hợp lý. Bắt đầu ngay từ hôm sau y khảo cứu về khoa thể thao; và sáng sáng dậy sớm ra vườn vận động thân thể. Quả nhiên người y nở nang ra trông thấy.

Trong cái thế giới ly kỳ của những nhân vật ly kỳ ấy, một lần đã xảy ra một việc bất thường, làm ngưng trệ công việc đều đều của họ trong ít lâu, chỉ trong ít lâu thôi. Một hôm một bọn cướp nhờ có một trong hai tên diễn tốt làm nội ứng đã vào lọt trong cái vườn Bách thảo và cái lâu đài khoa học ấy. Thấy động bác Vệ vội lấy súng chống cự, nhưng các thứ khí giới lợi hại của bác đều bị tên đầy tớ bất lương giấu đi một nơi. Bác không vì thế

mà chịu đầu hàng, hăng hái kháng chiến với bọn cướp bằng gạch, bằng gậy, bằng bất kỳ thứ khí giới gì vớ được. Và bác chống cự mãi cho tới khi bị thương và bị bắt. Sự can đảm của bác đã giúp được bà Tiên và hai con, một giai, một gái sống riêng biệt trong bảy gian nhà ngang, trốn thoát được ra ngoài do một cái cửa bí mật ở sau vườn. Còn ông “kỹ sư” thì vừa nghe có động y đã biến mất: Người ta cũng không rõ y chạy đằng nào hay ẩn núp ở đâu. Duy có Tiên thì vẫn bình tĩnh như thường và nhất định không chịu rời hai cái phòng sách và thí nghiệm ra, y ở đó chờ cho bọn cướp lên để kính cẩn nói với họ:

– Thưa các ngài, các ngài muốn lấy vật quý gì cứ việc, chỉ xin các ngài đừng đụng chạm, phá phách hai cái phòng này mà thôi. Những thứ này các ngài không

dùng làm gì được đâu: Toàn sách với chai với ống với lọ cả.

Y có ngờ đâu rằng chính câu nói của y đã gọi lòng tò mò và nghi hoặc của quân cướp: sau khi đã trói y lại chúng lục lọi, vất tung tóe hết các sách, đập vỡ bừa bãi một số chai lọ, để tìm vàng bạc châu báu mà chúng chắc y dấu giếm trong hai gian phòng. Mãi khi không thấy gì chúng mới chịu phá rường phá tủ ra vỡ vét của cải quần áo.

Một giờ sau, bọn cướp kẻ vác, người gánh theo tên tướng dẫn đường ung dung kéo đi. Bỗng có tiếng kêu ồn ào ở con đường ngõ xóm. Đuốc vội dập tắt, rồi mạnh ai nấy chạy, bọn cướp vứt đồ đạc lại nhốn nháo tẩu tán. Khi tuần làng đến thì chúng đi đã xa. Trong ngõ xóm còn lại một tên bị tử thương ở bụng và còn quần quai trên vũng máu. Nổi, mâm,

soong chảo, quần áo thì rải rác suốt từ đầu cho tới cuối xóm. Sau khổ chủ ra thu nhặt về, nhận thấy rằng bốn phần của bị cướp, quân cường đạo bỏ lại tới hơn ba phần.

“Nhưng ai đã đâm chết tên cướp, khiến bọn quân mất đầu tan rã bỏ chạy như thế?” Người ta kinh ngạc hỏi nhau. Giữa lúc ấy ông “kỹ sư” vác cây giáo dài từ trong vườn bên đi ra và ôn tồn giảng giải:

– Trong khi khảo cứu về chiến lược của Tôn Vũ, tôi đã chú ý đến câu “đánh bất thành linh”. Đánh bất thành linh thì một người có thể hạ nổi trăm người, nhất khi mình lại chiếm được địa lợi. Khảo cứu về địa lợi, tôi đã ra đây xem xét kỹ lưỡng cái ngõ hẹp này, và thấy nó rất có lợi cho trận đánh mai phục mà ngày nay người ta gọi là du kích. Đây, các ông coi,

Tôn Vũ đã thắng một cách dễ dàng. Mọi người phá lên cười. Và từ đấy ông “kỹ sư” lại có thêm được hai tên mới: Tôn Vũ và Người Anh Hùng.

KHÓI HƯƠNG

Đi cỏ là một công việc ao ước trong trại giam Vụ Bản. Riêng có hai người Thổ phụ trách công việc ấy nhưng thỉnh thoảng họ lại nhường cho bạn bè được nếm qua cái thú nên thơ.

Sáng hôm nay, lão đồn già đã phải mỉm cười nhìn Linh và Khanh, trong bộ quần áo “gôn” màu cỏ, nhẹ nhàng vác trên vai đôi lẵng tre lồng một, trong đựng hai cái liềm và một cuộn dây lạt. Và lão nháy hỏi đùa một câu tiếng Việt:

– Đi cỏ?

Rồi lão tiếp liền một câu tiếng Pháp, như để tỏ rằng đã bằng lòng ban cho hai người cái ơn huệ ấy:

– Được! Chơi cho thỏa thích đi nhé!

Lần này là lần đầu Khanh đi cỏ, nhưng vì được anh em tả cho biết mọi chi tiết của công việc ấy nên y đã đem theo một điều kiện cần thiết: tiền mà y cẩn thận giấu vào trong tất⁵ để phòng sự lục khám bất thần của lão đồn già.

Sương còn đây đặc khi Linh và Khanh ra đi với người lính Mường. Dây núi Hoành Sơn như nổi trôi trên biển tuyết. Bị cỏ đồi dài và sắc nhuộm ướt tất và ống quần, hai chàng đến ngồi nghỉ ở một gốc đa bên cái giếng nước suối, để hóng gió

5 Tất: Tiếng miền Nam Việt Nam gọi là đôi dớ (vớ) để bao chân khi đi giày. Người miền Bắc gọi là “bí tất”.

cho khô. Trong khi ấy người lính Mường đến góp chuyện với mấy hàng gánh gà vịt ra chợ Trào bán.

– Hẳn có nhà đấy, các thầy ạ.

Y quay ra bảo hai chàng.

– Thế à? May quá nhỉ!

Hẳn là người mà chú lính «Sáu-ba» sắp đưa hai chàng đến nhà, và người đàn bà báo tin kia là vợ hẳn.

Vượt qua một cánh đồng rộng, theo ven một khu rừng rậm, leo hai quả đồi cỏ nữa, ba người mới tới nhà Nghĩa. Linh thật thà hỏi:

– Phải đi xa thế này mới cắt được cỏ cho trâu ăn?

Khanh cười:

– Việc chính có là việc cắt cỏ đâu.

Và «Sáu-ba» nghiêm trang tiếp, y như không cười không đùa bao giờ:

– Các thầy không phải cắt cỏ. Cả tôi cũng vậy, chỉ việc chén say rồi ngủ một giấc, chiều về thế thôi.

Làng Nghĩa, một làng chết. Lũy tre sơ sác, lèo tèo vài chục nóc nhà. Người ở lứa thừa, không một mống trẻ con nào ra đường. Khanh buồn rầu hỏi «Sáu-ba»:

– Ở đây làng nào cũng tiêu điều như thế này à?

– Không đâu, thầy ạ, đây là một xóm nghèo nhất vùng này.

Linh cười:

– Tôi có cảm tưởng đến một nơi vừa có bọn cướp đi qua. Chúng vét sạch của cải và nhân dân bỏ trốn hết.

Người lính thật thà đáp:

– Không đâu, thầy ạ, trên chúng tôi không có cướp bao giờ. Còn thấy thấy vắng như thế này là vì hôm nay là ngày phiên chợ Trào, cả làng đi chợ, chiều mới về cơ mà. Nhưng đây rồi, đến nhà hăn rồi.

Nhà hăn là một căn nhà sàn bằng gỗ, làm trên một miếng đất nhỏ hẹp, lũy tre lụi từng đám, khiến người ta có thể qua đó mà vào chứ không cần phải đi lối cổng. Cái cổng chỉ là một công trình mỹ thuật mà nhà nào hình như cũng chăm chú đến. Nó cao, dù bằng tre hay bằng gỗ, và phần trên là một cái miếu con xinh xắn.

Một con chó vàng, lông dài, đuôi vòng lên lưng như cái dấu hỏi, uể oải lên tiếng sủa, có lẽ không phải để xua đuổi mà để báo cho chủ biết có khách đến chơi.

Quả nhiên chủ nhân thò đầu qua cửa sổ và nhìn thấy ba người, y vội vàng chạy ra cầu thang đón tiếp:

– Mời hai quan với bác lên chơi. Hôm nay hai quan mới đến đây?

Thì ra nơi này là nơi tụ họp hàng ngày của anh em đi cỏ.

– Hai ông lên trước đi, tôi cắt các thức rồi lên sau.

Các thức là ba đôi lẵng tre bé xiu và hai cái liềm đem theo để có vẻ đi cắt cỏ.

Linh và Khanh tấm tắc khen cái nhà

sàn đẹp và sạch sẽ. Nó khác nhà sàn Thổ ở chỗ gian bếp và gian đàn bà cách biệt, có phen liếp ngăn ra. Và nó sáng sủa hơn, vì một cái cửa sổ hình chữ nhật đặt ngang mở rộng ra phía Đông Nam để đón ánh mặt trời và không khí.

Bên cửa sổ, một cái chiếu hoa cạp xanh giải xuống sàn, gỗ ghép xít. Trên chiếu là cái khay thuốc phiện, với ngọn đèn dầu le lói trong cái chụp pha lê sáng bóng. Khanh thì thầm bảo Linh: “Cái anh chàng này chừng là tay ăn chơi!”

Chủ nhân cười hỏi:

– Hai quan muốn làm cái này? Nhà cháu xin tiêm hầu hai quan xơi?

Linh mỉm cười:

– Cám ơn ông. Chúng tôi xin vô phép.

Khanh tưởng nên khen một câu làm thân:

– Cái nhà của ông đẹp lắm! Bức sàn ghép toàn bằng gỗ quý.

Sáu-ba vừa lên nói vọng vào:

– Ấy từ ngày ông ta ra làm lý trưởng đấy.

Linh nói:

– Ở dưới chúng tôi cũng vậy, ai ra làm lý trưởng là cũng tốn kém hao hụt.

Chủ nhân cười:

– Bẩm hai quan, chúng tôi ở nơi sơn cước, bì thế nào được với quê quan.

Nhưng phải nghĩ đến việc chính đã. Việc chính là đưa tiền cho chủ nhà nhờ sửa soạn một bữa ăn.

Khanh tháo giấy, tắt lấy đưa cho Sáu-ba một tờ giấy năm đồng. Y giao ngay cho chủ nhà và nói:

– Nay, ông làm giúp hai thầy bữa chén nhá.

Cái khách sáo phong lưu bỗng thức dậy trong người Mường. Y giơ tay ra gạt:

– Ấy! Ai lại thế. Nhà cháu đã có gà, chả phải mua gì đâu mà hai thầy đưa tiền.

Cả ba người phải nói khéo mãi, y mới chịu cầm tờ giấy bạc gấp nhỏ bỏ túi. Rồi chủ và khách ngồi nói chuyện chung quanh bàn đèn. Sáu-ba yên lặng nằm tiêm thuốc, và xong mỗi điếu y lại quay mời Linh, Khanh và người Mường. Nhưng lần nào ba người này cũng từ chối và mời lại y. Như thế y kéo luôn một lúc

đến năm sáu điều. Giữa câu chuyện gia thế của người Mường, Linh quay sang Sáu-ba hỏi chen một câu:

– Thì ra bác bếp cũng hương khói phụng thờ thần Phù dung đấy à?

Y không hiểu, Linh phải giảng nghĩa:

– Bác nghiện thuốc phiện à?

Y cười nhạt nhẽo:

– Không, hút chơi đấy thôi, thầy ạ, ở đây cần phải hút. Anh em chúng tôi hể ai không hút là thế nào rồi cũng đi tiểu ra máu mà chết.

Chủ nhà gật gù:

– Bác ấy nói đúng!... Mà lại hút nhiều cơ chứ! Với lại làm cái nghề của chúng tôi, không ăn không được cơ!

Cái nghề ấy là nghề nấu thuốc phiện lậu, một nghề không nguy hiểm như người ta tưởng tượng vì – lời người Mường – “đã có quan Châu và các quan Lang che chở!” Y cho biết rằng quan Châu đã kịch liệt phản đối việc xông xáo vào làng bắt thuốc phiện của bọn lính thương chánh, và yêu cầu quan Tây mỗi khi đi bắt đều phải báo cho quan Châu biết.

– Hai quan đã thấy chưa? Tây nó phải chịu nghe theo. Thế rồi mỗi khi nó định đi bắt đâu thì quan Châu lại báo cho quan Lang biết, rồi quan Lang báo ngay cho mình biết để mình giấu hàng đi.

Vì thế mà sở thương chánh lập ra ở Vụ Bản phải bãi đi vì chả có việc gì nữa. Bắt đâu ra thuốc phiện mà ở mãi đấy, ăn tổn tiền lương của Tây phải không thày?

Bốn người cùng cất tiếng cười thích chí. Rồi đến lượt Sáu-ba thuật chuyện buôn bán thuốc phiện của y thuở xưa, cái nghề mà y yêu mến nhất trên đời.

– Thế sao lại ra lính?

– Ấy, vì thế này. Tây nó bắt quan Lang tuyển lính. Nhưng trên tôi chả ai muốn đi lính cả. Quan Lang liền lập mưu, làm một bữa tiệc mời những người danh vọng đến ăn. Thế rồi nó ép chúng tôi phải ra.

Chủ nhân sau một điều thuốc phiện, nằm ngửa nhìn khói tỏa bồng bồng trước mặt, vẻ nghĩ ngợi. Bỗng y ngồi nhòm dậy hỏi:

– À ban nãy hai quan nói cái gì khói hương phụng thờ thế nhỉ? Phụng thờ thần gì thế?

– Ở Trung Châu, nghiện thuốc phiện người ta nói hoa mỹ là: khói hương phụng thờ ả Phù dung. Phù dung là thuốc phiện ...⁶

– Ủ! mà mình phụng thờ nó thật, hai quan ạ. Nói đến khói hương, tôi lại nhớ một lần đã khổ sở, mất ăn mất ngủ vì nó.

Và y thuật lại câu chuyện cho Linh và Khanh nghe:

Người Mường trọng sự thờ phụng tổ tiên. Và tuy mấy năm nay giá dầu cao quá, người vợ chủ nhà này cũng cố mua được thứ dầu tốt, trong trẻo, thơm tho về thắp đèn thờ. Chai dầu ấy nàng cất vào trong một cái rương khóa kỹ, sợ chồng lấy dùng vào ngọn đèn thuốc phiện.

6 Những chỗ có ghi dấu chấm chấm là do bản thảo bị mối xông mất 1 dòng. Truyện này trong năm 1965 chúng tôi đã cho in đầy đủ trên nhật báo Dân Chủ ở Sài Gòn mà chưa tìm lại được. (Chú thích của Nguyễn Thạch Kiên).

Sự lo ngại của nàng quả một hôm thành sự thật. Hôm ấy, nàng đi chợ vắng, người chồng ở nhà đến cơn nghiện mà hết dầu. Hấn biết vợ có một chai dầu còn gần đầy mà nàng cất trong rương. Nhưng rương khóa, biết làm thế nào? Hấn cúi kinh toan lấy rìu phá rương ra để tìm chai dầu. Về sau với cái dây thép hấn cũng mở được khóa.

Thế là bắt đầu từ hôm ấy, hấn dùng toàn dầu cúng tổ tiên vào việc cúng ả Phù dung. Rồi hôm chai dầu gần cạn, hấn đâm lo sợ nghĩ thầm: “Con mụ mà nó biết thì khổ với nó”. Hấn liền nhờ người đàn bà hàng xóm mua hộ một chai dầu cá với một giá rất rẻ, để thế vào chỗ dầu đã dùng vào đèn thuốc phiện: “Dầu gì thì cũng đến đốt cho có ngọn là được! Can chi lại đi dùng dầu ăn thuốc để mà

thấp đèn, phí quá! Đàn bà rõ lẫn thần quá!”

Nhưng hôm dùng đến đầu để cúng, người vợ mở nút chai, bỗng chun mũi lại kêu:

– Sao mà dầu hội thế này?

– Hôi à? Người chồng vờ hỏi. Sao lại hôi?

– Hôi quá. Ngửi xem đây này!

Người chồng ra ngửi thử cũng chun mũi lại như vợ:

– Hôi mà lại còn tanh nữa.

– Tại sao thế nhỉ?

– Ai mà biết. Chắc mình mua phải thứ dầu xấu, nó lên men nên nó ra thế.

– Để rồi phải mắng cho lão hàng dầu mới được. Nó lại cậy nó là người Kinh nó đánh lừa dân Mường à. Để chai dầu đây, phiên chợ sau đem ra phố bắt nó đổi.

Người chồng mỉm cười dàn xếp:

– Thôi, sinh chuyện với người Kinh làm gì? Với lại dầu nào mà chả thắp được, quý hồ cháy thì thôi. Có ăn dầu đâu mà cần thơm tho.

Người vợ chau mày, giận dỗi:

– Thế thì mất nhiều tiền mua dầu tốt làm gì. Việc thờ cúng mà hôi tanh thế này, sao được.

Người chồng cố tìm lý để tránh cho vợ một cuộc đôi co bất công với người Kinh:

– Dầu sao cũng lỗi tại mình. Ai bảo mình nhầm. Người ta có thể đổ cho mình đem về thay dầu khác vào để bắt đền người ta cơ mà.

Nói dứt câu ấy và nghĩ đến sự thực hần cười vui vẻ đổ dầu ra đĩa:

– Ở chai thì nó hôi, chứ rót ra đĩa cũng không đến nỗi mình ạ.

Đến đây, người Muồng ngừng lại kéo hơi thuốc phiện, rồi hần nhón nhấc nói:

– Chính cái việc ấy đã làm cho tôi khốn khổ đấy.

Khanh ngơ ngác hỏi:

– Sao vậy? Bà ấy làm ông khổ, phải không?

– Không, đâu có thế. Nhưng mà cúng được vài lần thì các Ngài không về nữa.

– Ai kia? Ai không về?

– Các Ngài. Tổ tiên ấy mà!

– Tổ tiên? Sao ông biết các Ngài không về?

– Sao lại không biết!

Hắn nhắc đi nhắc lại mãi một câu như còn đang ở dưới sức đe dọa của tổ tiên:

– Thế mới chết chứ! Các Ngài bỏ đi biệt, thế mới chết chứ. Các Ngài không về nữa, thế mới chết chứ!

Khanh và Linh cố giữ để khỏi bật cười, vì hai chàng cũng không thể tưởng tượng được người Mường kia làm thế nào mà biết rằng các Ngài không về.

Muốn hỏi để biết nhưng lại sợ làm phật lòng con người tín ngưỡng.

– Thế rồi sau các Ngài có về không?

Khanh cố giữ vẻ trang nghiêm hỏi lại một câu.

– Ôi giờ ôi, tôi khổ sở mất một tháng, kêu cầu van lạy các Ngài mới lại chịu về. Vợ tôi thì khóc lóc mãi.

– Thế bây giờ các Ngài đã về rồi, thì ông khách đến già không dám dùng mỡ hôi thắp đèn thờ nữa chứ?

– Vâng. Cái chỗ dầu hôi tôi đem vớt xuống suối cho chảy đi mất tích. Nhưng một đêm nguy quá hai quan ạ, tôi lại bị con ma thuốc phiện xúi dục làm càn. Các quan có tin rằng có ma thuốc phiện không? Đêm hôm ấy tôi hút mới được hai điếu thì hết dầu. Mua dầu ư? Mua ở

đâu. Chẳng lẽ đương đêm mò ra phố...
Mà khuya khoắt ai người ta bán cho?

Tôi đương mơ màng nằm nghĩ cách
làm thế nào để hút được cho đủ cơn
nghiện, thì bỗng tôi chợt chờn ngủ thiếp
đi. Ấy chính lúc bấy giờ con ma thuốc
phiện nó hiện về đấy, hai quan ạ.

– Nó hiện về? Thế hình thù nó thế
nào?

Khanh hỏi.

Người nghiện mắt mở to như còn bị
ma nạt. Và hẩn kể tiếp:

– Nó cao lênh khênh, đầu nó to như
cái dành mà hốc hác giờ xương ra. Mắt
nó sâu như hai cái hang, răng nó nhe
ra. Nó giờ tay trở mãi vào cái rương để
xui tôi đến mở mà lấy dầu. Thấy tôi làm

thình nó lay tôi dậy. Tôi mở mắt ra thì nó đã biến mất. Ánh giăng chiếu xiên qua cửa sổ, gian nhà sáng rõ và tôi đắm đắm nhìn cái rương kê làm bàn thờ tổ tiên. Đã hai ba lần tôi lần ra ngắm nghía cái khóa rồi nghĩ đến các cụ tôi lại sợ hãi quay về chiếu nằm bên khay đèn tắt lửa. Nhưng động chộp mắt thì ma lại hiện lên. Lần này nó ghé hằm vào tai tôi nó thì thầm: “Mày mà để lửa thờ tao tắt lụi, thì tao bóp cổ, tao vật chết tươi bây giờ”.

Chẳng dùng được tôi phải đành liều đi lấy cái chìa khóa dây thép mở rương lôi chai dầu ra, chiết vào phễu đèn, đánh diêm thắp lửa. Ngọn đèn lúc bấy giờ sao mà đẹp thế, cứ sáng tươi mà trong vắt thôi. Tôi cầm chai dầu giơ lên xem. Còn những già một nửa. Và tôi vui vẻ nghĩ thầm: “Thế mà mình cứ lo sợ vẩn vơ. Cứ

dùng rồi mai kia ra phố mua bù vào, đã sao”. Hút luôn một lúc năm, sáu điều tôi lại ngủ thiếp đi. Thì nó lại đến.

– Con ma?

– Vâng con ma, nó lại đến. Lần này nó reo mừng, nhảy múa. Rồi con nữa, rồi con nữa, một lát sau đến gần một chục con ma hiện về nắm tay nhau mà nhảy chung quanh cái bàn đèn mà hát những bài ca thuốc phiện và cười khanh khách. Mãi gà gáy sáng chúng nó mới đi và tôi mới thức dậy.

– Rồi tối sau cũng thế hai quan ạ, ma nó lại về nó xúi tôi lấy đầu cùn để thắp đèn thuốc phiện. Tôi sợ hãi quá phải đánh thức vợ tôi dậy kể cho nghe câu chuyện. Vợ tôi giận tôi phát khóc lên. Và sáng sớm hôm sau đi phố sớm mua chai dầu khác cất kỹ không cho tôi biết chỗ.

Nó không biết cái ám ảnh ghê gớm của con ma thuốc phiện nên nó chỉ sợ ông vãi thôi. Nó bảo lần sau mà còn đem dầu hôi rỉ tiền ra cúng các Ngài thì các Ngài đi hản đấy không về nữa đâu. Các Ngài đã báo cho nó biết thế.

Sợ quá! Hai quan ạ! Các quan tính ông vãi thì còn thương con cháu. Các Ngài giận thì các Ngài bảo thế thôi. Chứ con ma thuốc phiện thì nó thương gì mình phải không, hai quan? Không vâng theo mệnh lệnh của nó thì nó bóp chết thật đấy, hai quan ạ. Ở đây chán người làm trái ý nó, nó đưa đường cho lính đoan bắt giam, chết khô ở trong nhà pha vì không có thuốc hút cơ đấy.

Rồi hản ta nhắc đi nhắc lại mãi một câu:

– Gớm thật con ma thuốc phiện!

Trong khi hăn kể câu chuyện thuốc phiện cho Linh và Khanh nghe thì Sáu-ba nằm ngủ kéo một giấc ngon lành. Mỗi lúc con gái hăn bưng mâm lên hăn mới lay dậy. Khanh mỉm cười hỏi:

– Thế nào Sáu-ba có thấy con ma thuốc phiện hiện về không?

Hình như Sáu-ba đã nhiều lần được nghe câu chuyện vừa kể nên y mỉm cười hỏi chủ nhân:

– Lại chuyện con ma thuốc phiện và chai dầu hôi phải không?

– Vâng, nó ghê lắm đấy, cái con ma thuốc phiện, trêu vào nó thì cứ là chết.

Buổi chiều khi mặt trời đã khuất núi, ba người gánh ba gánh cỏ nhẹ thênh thang trở về trại giam. Khanh hỏi Sáu-

ba:

– Này ông Sáu-ba, làm thế nào mà cái ông chủ nhà ấy biết rằng các Ngài không về?

Sáu-ba ngơ ngác hỏi lại:

– Các Ngài nào thế?

– Tổ tiên ấy mà! Ông vải ấy mà!

– À lại chuyện chai dầu hôi. Biết chứ! Xin âm dương thì biết các Ngài về hay không về chứ!

– À ra thế.

Khanh và Linh cùng cất tiếng cười vui thú. Thế mà mình nghĩ mãi không ra.

Từ đó thỉnh thoảng Linh và Khanh lại xin đi cắt cỏ để ăn cháo gà và nghe những câu chuyện thật thà của người bạn Mường trong làng Nghĩa.

NHUNG

Từ ngày được vô can trong vụ cướp nhà ông Thượng Nguyễn nhờ có những lời làm chứng công bằng của Nhung, con gái khổ chủ, thì Sinh bỗng đổi hẳn tính nết. Trước hẳn hay nói, hay cười, hay đi chơi khắp các xóm để bới chuyện nhà này nhà khác nhất là chuyện nhà ông Thượng Nguyễn mà hẳn ghét cay ghét độc. Nay thì không mấy khi người ta gặp mặt hẳn nữa. Hình như hẳn xấu hổ vì đã bị dính líu vào cái việc nhơ nhớp kia, nên tuy vô tội, hẳn vẫn thấy

cần phải sống ẩn thân trong ít lâu. Bây giờ, người làng Bắc còn thì thảo bàn tán nhiều quá, đi đây đi đó nhờ thoáng nghe thấy chỉ thêm bực mình! Ấy là người ta đoán thế thôi, chứ chính Sinh cũng không từng ngỏ tâm sự với một ai. Hắn hầu như một người câm và cả ngày chúi rúc trong gian buồng cửa đóng kín mít. Đến bữa, mẹ và các em có gọi đi ăn cơm thì một là hắn lẳng lặng bước ra, ngồi xuống phản và lùa luôn mấy bát rồi đứng dậy lại trở vào buồng. Buổi đầu Sinh mới được tha về, mẹ hắn thấy vậy chỉ lắc đầu thương hại con hay thốt lời tục tằn nguyên rửa bọn cướp đã khai man để làm khổ con bà. Nhưng sau thấy Sinh cứ kéo dài mãi cái trạng thái buồn phiền chán nản, bà sinh ra cău kỉnh.

Một hôm trong bữa cơm chiều bà gọi chuyện bảo con:

– Mày lại bảo học đi thôi, cứ ăn không ngồi rồi mãi như thế thì đến chết đói mất.

Sinh dẫn mạnh cái bát xuống mâm, yên lặng đứng dậy. Bà kia liền thét:

– Mày làm như vì tao mà mày bị bắt, bị tù, bị tội không bằng! Nếu mày không đi lại chơi bời với quân du thủ du thực thì chúng nó biết mày là ai mà đi tố cáo mày với quan nha để đến nỗi mày khổ sở, nhục nhằn. May mà chị Nhung chị ấy tốt bụng, chị ấy không thêm thù hằn mày, chứ nếu chị ấy cứ nhận diện bữa đi thì mày ngồi tù đã đành, đến cái thanh danh nhà mày cũng chả còn ra gì. Thày mày ngày xưa đã làm gì nên tội, tao ngày nay đã làm gì nên tội mà để mày bêu xấu bêu hổ, bêu nhục, bêu nhuốc?

Hà thấy anh vùng vằng đi vào buồng đóng xập cửa lại, liền gắt sữ với mẹ:

– Anh ấy đã bị oan uống khổ sở, bu lại còn không để cho anh ấy yên thân.

Người đàn bà vẫn chưa thôi:

– Ủ thì việc đã nhỡ ra như thế, nó cũng phải nhẫn nhục mà quên đi, chứ có đâu cứ như ăn vạ tao thì mày bảo tao biết làm thế nào.

Bà ngưng lại nghĩ vợ nghĩ vẫn một lát rồi bưng mặt ngồi khóc thút thít.

Bà lấy làm tủi nhục cho cái đời sống túng bấn vất vả của bà. Là con một ông cử, bà lấy chồng con nhà nho, cũng như chị bà. Nhưng hai người anh em đồng hao ấy đã bỏ xa nhau trên con đường tiến thủ: Một người đỗ đạt ra làm quan, một người suốt đời là một ông Đồ nghèo kiết.

Chị bà cũng có giúp đỡ bà nhiều phen và lại nhận nuôi cả Sinh cho cùng đi học với con mình. Rồi chồng bà chết, rồi chị bà chết. Bà thấy đời bà bơ vơ không nơi nương tựa, với một cái gia sản hèn mọn không đủ nuôi sống một gia đình bốn mẹ con, nhất từ khi Sinh không chịu nổi sự bạc đãi của nhà ông Thượng, bỏ về ở với bà.

Bấy giờ Sinh đã hai mươi tuổi nhưng vì ham thích chơi bời lêu lổng nên chỉ mới đậu được cái bằng Tốt nghiệp. Không một nghề trong tay, lại đam mê rượu chè cờ bạc, chẳng bao lâu hấn trở nên cái mầm nguy vong cho gia đình. Bà Đồ và Hà đội vải đi bán chợ xa chợ gần vẫn không sao đánh thắng bằng được cái quỹ chi thu thường nhật. Vì thế số nợ một ngày một chồng chất thêm mãi lên.

Bà Đồ chỉ biết than thân trách phận, và đổ tại số mình không ra gì. Nhưng Sinh thì hẳn quy hết oán thù vào cả cái gia đình ông Thượng. Hẳn không thể quên được cái thời kỳ sung sướng, vô tư vô lự của hẳn khi chị mẹ hẳn còn tại thế. Những người anh họ hẳn có thứ gì hẳn đều có thứ ấy. Hẳn thấy đời sống dễ dàng và đẹp đẽ bên những người thân thích đáng yêu, bên những người chị họ xinh tươi và âu yếm.

Ngày nay tình thế đã đổi thay, và sự đổi thay chỉ do hai mẹ con Nhung đã gây nên. Nhung mà xưa kia hẳn cho là một lẽ sống của đời hẳn, là nguồn ánh sáng chiếu rọi vào tâm hồn hẳn, nay hẳn chỉ thấy là một kẻ thù đã phá hoại hạnh phúc của hẳn. Từ hai người đàn bà, lòng oán ghét của hẳn lan rộng ra tới toàn thể cái gia đình ông Thượng rồi tới tất cả cái xã

hội cao quý của bọn quan lại và phú hào, một xã hội trưởng giả mà hắn tìm ra đủ các tội lỗi, đủ các điều tệ tiệt xấu xa.

Hắn bắt đầu có quan niệm về xã hội, về loài người. Loài người chỉ chia ra làm hai giai cấp: giai cấp được hưởng đủ các quyền lợi và giai cấp không được hưởng một chút quyền lợi gì. “Sao lại có mãi sự bất công ấy được?” Sinh hắn học tự hỏi thế. Rồi câu hỏi dần dần mất cái tính cách hắn học, mà chỉ còn là một vấn đề nhân sinh. Sinh thấy một ngày một rõ rệt rằng vấn đề ấy cần phải được giải quyết ngay do những người ở cái giai cấp bị thua thiệt, và giải quyết bằng đủ mọi cách với đủ mọi phương pháp. Hắn vốn nhu nhược và lười biếng, thế mà chỉ vì sốt sắng muốn cải tạo xã hội, hắn bỗng trở nên cương quyết và mẫn cán, trong công việc theo đuổi để phá hoại phe địch. Hắn

không ở đảng phái nào, và cũng chẳng đọc qua một lý thuyết xã hội nào. Nhưng hắn cần gì phải có lý thuyết vững vàng mới đánh đổ được đối phương: Hắn sẽ đi tuyên truyền nói xấu bọn phú hào. Họ không thiếu gì hành vi nhơ nhớp. Mà có bịa đặt thêm ra cũng chẳng sao! Bắt đầu, hắn hãy thu hẹp phạm vi công kích của hắn vào trong một làng, làng hắn, và đứng đầu cái bảng đen là nhà ông Thượng, cái gia đình đã nuôi hắn, cho hắn biết mùi phú quý để rồi ném hắn xuống đất đen cho hắn thấy thắm thía cái chênh lệch bất công giữa hai giai cấp.

Trong khi việc tuyên truyền có phương pháp đương tiến hành để hạ cái gia đình cao quý kia xuống, để gây lòng phẫn uất của người làng đối với bọn đã xây hạnh phúc trên mồ hôi xương máu của quần chúng, thì xảy ra vụ cướp nhà

ông Thượng Nguyễn. Vì thế người ta đoán chắc Sinh có dính líu vào việc ấy. Người ta đồn rằng cái dinh cơ rộng rãi, và kiên cố kia nếu không có một người thông thuộc đường đi lối lại như Sinh làm dẫn đạo thì cướp khó lòng vào lọt được. Tới khi Sinh bị bắt, hết thấy người làng cùng vui cười. Họ vui cười không phải vì ghét gì hắn, hay thương hại gì ông Thượng, nhưng vì họ thấy họ đoán đúng: thủ phạm vụ cướp không thể là ai được, mà chỉ là kẻ thù ghê gớm của cái gia đình quý phái ấy.

Vận mệnh của Sinh hoàn toàn ở trong tay người đến huyện nhận diện các tên hung đồ. Người ấy là Nhung, vì hôm mất cướp, ông Thượng bà Thượng đi Hà Nội vắng, và người nhà đều chạy trốn thoát cả, duy có Nhung là bị bắt. Và nàng đã nhận diện hết mọi tên, trừ một

mình Sinh ra.

Thế là dư luận dân làng Bắc lại xoay chiều. Người ta bảo nhau: “Dầu sao thì nó cũng là cháu chẳng lẽ cháu lại dắt cướp vào nhà bác?” “Chẳng gì nó cũng là con nhà gia giáo, đâu có thể truy lục quá đến thế!” Nhưng vẫn có người còn ngờ vực và nói: “Cô Nhung cô ấy thương hại một người em họ nên cô ấy không nhận diện đấy, chứ chính cướp nó đã cung khai ra thì có mà chệch đi đằng gười!”

Vụ cướp rồi cũng bị người ta quên đi. Khi nó không còn là đầu đề cho câu chuyện mua vui trong các xóm nữa thì bỗng xảy ra một việc khiến người ta lại quay trở lại bàn tán đến nó. Đó là cái chết của Sinh: Sinh tự thắt cổ ở trong buồng kín, dưới chân hắn có bức thư sau này gửi cho Nhung:

B ... ngày ... 1940. Em Nhung.

Chị cho phép tôi, một lần cuối cùng, kêu chị bằng em. Kể tôi hơn chị những ba tuổi thì tôi có xưng hô như thế cũng không đến nỗi quá đáng. Còn bảo tôi là em họ chị thì điều đó có đâu, mẹ tôi là em ruột bà Thượng cả, chứ có là dì chị đâu. Tóm lại chị với tôi không có dính líu họ hàng gì cả và ví thử tôi lấy chị làm vợ cũng không có tội kia mà.

Chị thấy lời lẽ tôi bình tĩnh lắm phải không? Từ hôm được tha về bao giờ trí tôi cũng rối ren, loạn xạ, mà vì sao hẳn chị cũng hiểu. Nhưng nay thì lòng tôi tự nhiên dẹp hẳn xuống: Tôi đã quả quyết chết, mà khi người ta đã quả quyết chết thì người ta có tiếc gì ở đời nữa mà còn phải băn khoăn. Vậy khi Nhung đọc bức thư này Sinh đã là cái xác không hồn.

Chắc chị muốn an ủi tôi, chị muốn khuyên tôi không nên tự hủy hoại thân thể phải không? Nhưng chị thì thử bình tĩnh lại mà xem, chị sẽ thấy tôi đã bị xô đẩy tới con đường cùng rồi.

Vậy lời thứ nhất và lời cuối cùng của người sắp vĩnh biệt đời này là một lời tạ tội. Em xin lỗi chị, anh xin lỗi em, vì đã xúc phạm tới em trong cái đêm lịch sử ấy.

Sau nữa, và đó là điều độc nhất đáng kể, em sẽ lợi dụng cái chết của em để thú tội với chị, như kẻ mộ đạo Thiên Chúa thú tội với nhà giáo sĩ để mong trút được gánh nặng trong lòng trước khi thên thang lên đường giải thoát.

Chị đừng tưởng là cái tội đã dắt cướp vào nhà chị, hay cái tội đã dám có dã tâm định làm điểm nhục một người thiếu nữ. Hai tội ấy có đáng kể chi bên cái tội tày trời

mà em đã phạm. Nhưng xin hãy nghe em đây: Ngay từ thuở nhỏ em được hai bác nuôi nấng dạy dỗ, coi chẳng khác gì con đẻ. Lớn lên trong cảnh giàu sang đầy đủ em có bao giờ nghĩ đến thương hại những người lặn lội trong đám bình dân, nghèo nàn thiếu thốn đâu. Cả mẹ em làm ăn tận tảo để kiếm tiền nuôi gia đình, em cũng không hề để ý đến một cách thiết tha. Mẹ em thì chịu nhịn đủ thứ, chỉ nuôi trong lòng cái hy vọng mai sau em học thành tài làm nên vẻ vang cho nhà cho họ.

Đời tôi, lộ là tôi phải thuật lại với chị. Như anh em trong một nhà, còn một điều gì về tôi mà chị không biết! Nhưng có một điều mà chị không ngờ, mà chị không thể ngờ được, là tôi yêu chị, là anh yêu em.

Em Nhung, bao tội lỗi gây nên bởi mối ái tình ngăn cấm. Trong bao lâu anh yêu trộm thương thầm... Rồi cái ngày anh

trông rõ rằng em chỉ đáp lại anh bằng sự lãnh đạm và mẹ em chỉ đối đãi anh bằng sự khinh nhờn, thì anh không chịu nổi và anh bỏ đi cho khuất mắt cái gia đình mà anh thù ghét và thấy đáng thù ghét. Anh tìm ra, cố moi ra đủ các lý do để mà thù ghét, những lý do chính đáng nữa. Rồi lòng thù ghét cá nhân đối với cá nhân, lòng tư thù biến đi để nhường chỗ cho lòng thù chung của một xã hội bị bóc lột, lòng công phẫn của đại chúng. Anh thấy bác Thượng là một người đáng bĩ, và anh lấy làm thẹn rằng anh là cháu bác.

Lòng uất ức của anh một ngày một lớn dần, cho tới khi anh thấy cần phải trả thù bằng việc làm Hình ảnh em cũng đã bị xóa hẳn trong ký ức anh rồi. Một dự vọng mãnh liệt hơn đã đến chiếm hẳn chỗ tình yêu: Đó là sự trả thù. Trả thù cho anh bị hất hủi, và anh rất thành thực, ít

ra cũng thành thực trong thời gian ấy, anh rất thành thực mà thêm rằng: trả thù cho giai cấp bị hất hủi trong đó có anh.

Thế rồi như em đã biết đó, anh dắt cướp vào nhà em. Chủ ý anh là định giết hai bác, và làm ô nhục em mà anh đã thù ghét đến cực điểm rồi. Vì thế anh cũng chẳng thèm gìn giữ giấu diếm nữa, anh đã đến trước mặt em, ngạo nghễ tỏ cho em biết rằng anh có đủ sức mạnh để chiếm đoạt được em, rằng em dù tự phụ cao quý đến đâu cũng có thể bị bôi nhọ dễ như trở bàn tay được.

Nhưng có một điều anh không ngờ là ái tình mà anh tưởng đã chết hẳn, sự thực nó vẫn còn sống dù nó chỉ sống âm ỉ trong tiềm giác anh. Hình ảnh em trong một giây đã đánh thức nó dậy và đã khiến anh trở nên “hèn nhát” (xin tha thứ cho chữ ấy) và không dám đụng chạm tới

em. Anh đã dám hối hận điều ấy ở trong nhà giam trước khi gặp mặt em đến nhận diện.

Em Nhung, sao em không để anh yên thân với tội lỗi của anh, sao em không để anh yên thân với những hình phạt đương chờ đợi anh, sao em lại đến cứu với anh ra khỏi ngục thất và tù đây? Trời ơi! Nay đối với mọi người, anh đã vô tội. Nhưng anh cần gì điều ấy. Riêng đối với em, anh vẫn đời đời kiếp kiếp là một thằng khốn nạn, mà vì điều ấy, anh đã quả quyết tự khép anh vào tử hình.

Thôi chào em ở lại.

SINH

Bức thư ấy đến tay Nhung, và nàng đọc từ đầu đến cuối với một tâm hồn bình tĩnh. Nhung từ đó nàng trở nên ngẩn ngơ trong ít lâu.



